

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

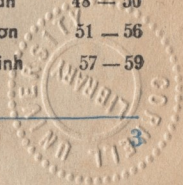
Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 233 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ IV — BỘ MỚI SỐ 61 — 15-7-1961

1.— Sinh ngữ tại các Đại-học Nhật . . . N. Karusuma	5—9
2.— Thám hiểm không gian Võ-quang-Yên	10 — 19
3.— Kỹ giả thuở trước Té Xuyên	20 — 26
4.— Chiều tàn trên hồ Than thở . . . Thanh-Nguyên	
Hồn quê (thơ) Vũ-Hồ	27
5.— Chiều chiều vệt lọi kêu chiều . . .	
(truyện ngắn) . . . Nguyễn tử Quang	28 — 33
6.— Tuấn, chàng trai nước Việt Nguyễn Vỹ	34 — 39
7.— Phát súng cuối cùng (truyện	
ngoại quốc) Ái Việt	40 — 41
8.— Một giấc mơ hoa Duyên Hồng	42 — 47
9.— Ca dao Bình-Định Trần-Nhâm-Thân	48 — 50
10.— Nhân vật xuân thu Thiếu Sơn	51 — 56
11.— Tài nói lái của Nguyễn-công-Trứ Lương trọng Minh	57 — 59



12.— Những người đàn bà lừng danh trên thế giới : Walewska Tân Phong	60 — 65
13.— Một thế giới bí ẩn : Đại-Dương Anh Vũ	66 — 73
14.— Minh ơi ! Diêu Huyền	74 — 80
15.— Sợi tóc (truyện ngắn) Đặng hữu Hổ	81 — 85
16.— Lạc lõng vườn thơ, Đêm cầu nguyện (thơ) Minh-Hoàng	86
17.— Ma không chồng (truyện rút ngắn) Trần Chu	87 — 98
20.— Mồ hôi nước mắt Nguyễn Vỹ	99 — 106
21.— Ernest Hemingway Phở Thông	107 — 108
22.— Thư bạn đọc Phở Thông	109 — 113
23.— Thơ lên ruột Diêu Huyền	114
24.— Đáp bạn bốn phương Diêu Huyền	115 — 130

✱ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diêu-Huyền, Tân-Phong.
 Tạp-chí PHỞ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai
 cảo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế)
 ✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
 đăng những bài trong tạp-chí PHỞ-THÔNG, nhưng
 yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỞ-THÔNG »
 và dùng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc
 mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
 reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

SINH NGỮ
tại các trường
ĐẠI HỌC
và



Tiểu học
ở
NHẬT



N HẬT-Bản có gần 200 đại-học và 200 Cao-đẳng kỹ-thuật do Chánh-phủ hay do tư-nhân điều - khiển. Sinh-viên đại-học theo chương-trình 4 năm và sinh-viên cao-đẳng theo chương-trình 2 năm. Những lớp bổ-túc đại-học cũng được tổ-chức tại 50 trường trong xứ.

Trong số 200 đại-học có 59 trường dạy KỸ-THUẬT ĐIỆN-TỬ theo chương-trình bốn năm cùng với các môn viễn-thông, vô-tuyến-điện, phương-pháp điều-khiển viễn-thông v.v... và mỗi năm các trường này có tới 5000 sinh-viên tốt nghiệp. Tại Cao-Đẳng Kỹ-thuật ngành điện-tử cũng được dạy theo chương-trình hai năm. Trong số 15 cao-đẳng này số sinh-viên tốt-nghiep hàng năm lên tới 1000.

Về bổ-túc đại - học có lớp cử - nhân (master) và lớp bác - sĩ (doctor). Hai loại này hàng năm sản xuất ra 200 vị cử-nhân và 100 vị bác-sĩ tốt-nghiep về điện-học, con số trên chiếm một phần tư (1/4) tổng số sinh-viên bổ-túc đại-học chuyên về kỹ-thuật.

Với những thống-kê công-bố tại Nhật, 60 phần trăm sinh-viên tốt-nghiep đại-học về điện-học hiện đang công-tác với các ngành kỹ-nghệ điện-tử và hàng năm tỷ số đó vẫn tăng đều. Họ giúp việc cho các hãng sản-xuất, các nhà máy điện, công-ty viễn-thông, chuyên chở vận-tải, đài phát-thanh, các cơ-quan khảo-cứu và cả ngành giáo-khoa nữa. Ngành điện-tử mỗi năm đòi hỏi một số rất nhiều kỹ-thuật gia.

Về Cao-Đẳng Kỹ-Thuật Nhật-Bản cũng có chừng 7.000 lớp và hàng năm chừng MỘT TRIỆU sinh-viên được tốt-nghiep ở các trường đó ra. Những sinh-viên tốt nghiệp đó là Kỹ thuật gia dường cột của các ngành kỹ-nghệ. Những sinh-viên đều được học theo sinh-ngữ Anh, Pháp, Đức, Portugal, Nga, ngay từ hồi còn nhỏ ở cấp Tiểu-học và Trung-học.

● Kỹ sư và chuyên viên ngoại quốc học hỏi tại Nhật.

Nhờ có thông thạo các sinh ngữ ngoại-quốc và có cơ sở khai-thác tối-tân, những dụng-cụ, máy móc hoàn-hảo, nên các trường Cao-đẳng Nhật lại còn huấn-luyện cho các chuyên-viên ngoại-quốc tại Nhật bản nữa và công việc huấn luyện ấy đã đạt được kết quả

mỹ mãn. Những học viên ngoại quốc tới học hỏi về kỹ thuật sản xuất hay phương-pháp khai-thác trong ngành viễn-thông hay trang bị điện-tử tại các cơ-sở hay công-ty quốc-gia Nhật như *Bộ Bureau Điện và Vô Tuyến Viễn-Thông, Công ty Nippon Telegraph Telephone Public Corporation, Nippon Hoso Kyokai, Kosukai Denshin Denwa, Công Ty Hòa Xa Quốc gia* hoặc các tổ chức kinh-doanh kỹ-nghệ như *Hitachi Seisakusho, Tokyo Shibaura Electric, Nippon Electric, Công Ty khai-thác điện lực Yokogawa Electric Works*. Những chuyên viên theo huấn luyện tại các cơ sở nói trên là chuyên viên của các nước Đông Nam Á, Trung và Cận Đông và Nam Mỹ, nhưng 90 phần trăm trong số 150 chuyên-viên là của các nước Á Châu như Burma (Miền-Điện), Trung-Hoa Dân Quốc, India (Ấn-Độ) Indonesia, Malaya, Pakistan, Philippine và Thai-land. Ngoài ra chuyên gia Nhật cũng được phái tới các nước bạn để điều hành thiết-lập hay chỉnh đốn trang-bị, máy móc Nhật xuất cảng. Họ cùng làm việc với chuyên-viên ngoại-quốc và là huấn-luyện viên luôn thể.

● Viện Khảo-Cứu Kỹ-thuật Điện-Khí, Bộ Thương-Mại và Kỹ-Nghệ Quốc-Tế.

Viện Khảo-Cứu Kỹ-Thuật Điện-Khí (E. T. L.) có nhiệm-vụ : 1) làm công việc khảo-cứu, thực-nghiệm, nghiên-cứu và trợ-giúp ngành kỹ-thuật điện-khí (không kể vô-tuyến viễn-thông) ; 2) đặt ra và bảo-vệ những tiêu-chuẩn của các đơn vị điện-khí, điện-quang, âm-thanh và xạ-tuyến (kể cả sức phóng xạ) ; 3) xem xét và kiểm soát các dụng-cụ đo lường về điện-khí, điện-quang và xạ-tuyến (kể cả sức phóng xạ), phê-chuẩn các mẫu-mực và việc chế-tạo các chế-phẩm bằng điện căn cứ vào tiêu-chuẩn lợi ích và an-toàn cho quần chúng.

Ban Điện-Tử của Viện này hiện đang nghiên-cứu về máy điện-tử, máy phiên-dịch và máy kiểm-soát tự-động. Hai loại máy tính kiểu ETL-I và 4 đã thể-hiện rõ rệt sự tiến-bộ về kỹ-thuật máy tính điện-tử của Nhật. Máy phiên-dịch «Yamato» là loại thứ nhất được chế-tạo tại Nhật để dịch Anh-văn sang tiếng Nhật.

Tại Ban Lý-Hóa, công cuộc nghiên-cứu về lý-hóa đặc-thể đang được tiến-hành rất mạnh với những thể-chất đặc biệt như kh-thể-tổ dùng cho ôn-độ thấp.

Ban cơ-khí đang nghiên-cứu loại máy tính tương-đồng và máy tính đặc biệt dùng để kiểm soát tự-động, đồng thời Ban Thực-Hành thì khảo-cứu tường-tận về việc chế-tạo thứ máy chữ nghe tiếng nói mà tự đánh ngay ra chữ được.

Hiện nay Viện Khảo-Cứu ETL có tới 1.200 sinh-viên với một ngân-khoản 1.100 triệu đồng Yên.

● Viện khảo cứu Vô Tuyến Điện

a) Bộ Bru-Điện và Vô Tuyến Viễn-Thông.

Các viện khảo-cứu vô Tuyến-Điện ra đời vào ngày 1-8-1952 và được đặt dưới quyền điều-khiển của Bộ Bru-Điện và Vô Tuyến Viễn-Thông. Các Viện này có một lịch-sử rất lâu năm và ta có nói là xuất phát từ Ủy-ban nghiên cứu Chuyển Vận Âm-Ba lập từ 1922 và thuộc trong Viện Khảo Cứu Khoa-học Quốc Gia. Sau đó nhờ Viện Vật-Lý về Âm Ba điện và Bộ Giáo-Dục, những viện nói trên trở thành một trung tâm chuyên nghiên-cứu về vô tuyến điện. Những Viện này có trụ-sở tại Kobubunji, hai chi nhánh tại Koga-nei và Ogikubo, và năm đài quan sát tại Wakkanai, Akita, Hiraiso, Inubo và Yamagawa.

Những Viện Khảo Cứu vô Tuyến-Điện nghiên-cứu mọi vấn đề cần thiết để làn vô tuyến được dùng một cách rộng rãi hơn và công hiệu hơn. Ngoài công việc khảo-cứu những viện này còn làm những công việc về vô tuyến viễn thông và những nghiên-cứu khoa-học có tính cách công ích như : phát thanh và tín hiệu về thời giờ trên những làn sóng tiêu chuẩn, phát thanh điện-tín URSI, chấp-thuận những máy và dụng-cụ vô-tuyến theo tiêu-chuẩn của Chánh-phủ, thí-nghiệm và trắc lượng những máy và dụng-cụ vô-tuyến, lập trung-tâm nghiên-cứu từ-trường theo chương-trình của năm Vật-lý Quốc-tế (IGY), quan-sát hỏa-tiến và nam-cực, đài theo dõi các vệ tinh nhân-tạo, nghiên-cứu về khoa-học và giao-thông không gian.

● Viện khảo-Cứu của Hãng Kokusai Denshin Denwa (KDD)

Viện Khảo-Cứu KDD thành-lập từ 1953 tại Đông-Kinh có trụ-sở mới hoàn-thành vào tháng Hai 1960. Viện có 80 sinh-viên làm những công việc khảo-cứu thường-trực.

Tòa nhà mới này được xây cất với kiến-trúc đặc-biệt rất tiện cho

công việc khảo-cứ kỹ-thuật, nhất là về ngành vô-tuyến viễn-thông quốc-tế. Đặc-điểm của tòa nhà này là một gian hầm rộng rãi được xây rất kín để làm những công việc thí-nghiệm máy truyền-thanh dùng điện cao-độ mà không gây trở ngại cho các cuộc thí-nghiệm khác ở ngoài phòng này.

Viện KDD đang tiến hành khảo-cứ để cải-tiến trang - bị các cơ sở của đài và mang lại phương - pháp kỹ-thuật tối-tân cho hệ-thống vô-tuyến viễn-thông. Công-ước khảo-cứ hiện-tại bao gồm : kiểm-soát tự-động các máy móc, dụng-cụ điện-tử, phương-pháp trắc-lượng cho ngành viễn-thông, truyền hình màu bằng giấy điện, áp-dụng máy tính điện-tử vào trang-bị viễn-thông, dùng đèn phát-âm điện-tử chạy bằng âm-cực v.v...

● Các Viện Khảo-cứ khác.

Có 60 đại-học-đường tại Nhật tiến-hành công-ước khảo-cứ căn-bản về điện-tử và những đại-học này có 15 viện khảo cứ và thí-nghiệm riêng. Những thành-tích các Viện này lượm được trong công cuộc khảo-cứ của họ ta có thể nói tới là phương-pháp trắc-lượng hỏa-tiên, máy phiên-dịch tự-động v.v..

Nhiều công-ty sản-xuất cũng có phòng khảo-cứ và thí-nghiệm riêng. Như hãng Hitachi có một Viện Khảo.Cứ Trung-Uơng dùng 800 chuyên-viên chuyên về khảo-cứ căn-bản và một Viện khác dùng 900 sinh viên để làm công-ước khảo-cứ thực-hành. Hãng Toshiba có Viện Mazda chuyên khảo-cứ về kỹ-thuật điện-tử và Viện Tsurumi chuyên về máy điện-tử hạng nặng. Với hai Viện này hãng Toshiba dùng tới 850 chuyên-viên. Hãng Nippon Electric Co. (NEC), một công-ty sản-xuất dụng-cụ điện tại Nhật cũng có hai Viện khảo-cứ, một chuyên về khảo-cứ căn bản một chuyên về tạo-phẩm nhật-dụng, cả hai dùng tới 700 sinh-viên Đại-học.

Hãng Mitsubishi có một Viện khảo-cứ dùng tới 650 chuyên viên và hãng Matsushita Electric tuyển tới 500 khảo-cứ viên cho viện của mình. Các hãng khác như Shimadzu, Fuji, Denki và Fuji Tsushinki đều có phòng thí-nghiệm riêng và chuyên viên giúp việc cho hãng Shimadzu có 350, và hãng Tsushinki có 550.

Tại các Viện này công việc khảo-cứ, thí-nghiệm về điện tử, trang bị viễn-thông, vô tuyến truyền thanh và truyền hình, máy tính điện-tử, máy chữ điều-khiển bằng tiếng nói, tổng đài điện-thoại dùng điện-tử đều được tiến hành không ngừng.

N. KARUSUMA



THĂM HIỂM KHÔNG GIAN

★ **VÕ-QUANG-YẾN**
(Paris)

MÙA xuân 1961 đã đánh dấu một tiến triển lớn trong lịch sử loài người : hai sĩ-quan phi công, một Nga một Mỹ, Youri Gagarin và Alan Shepard, đã vượt ra khỏi sức hấp dẫn của quả đất, mở đường cho cuộc thám hiểm không gian. Từ đời thượng cổ, mấy ngàn năm trước Thiên chúa, từ Trung-hoa, Nhật bản, qua Ấn độ, Hy lạp, tới các dân tộc May da, Pê ru, đầu đầu

cũng đầy dẫy trong thần thoại những câu chuyện bay lên trời, ra khoảng không trung vô hạn. Nhưng trong thực tế, một trở lực lớn đã làm chướng ngại cho trí tưởng tượng của loài người : trọng lực ! Vô hình nhưng là một sức mạnh phi thường, trọng lực đã ràng buộc con người cũng như mọi vật lại trên mặt đất này, hầu như cấm tiệt không thả ta ra cho đi chu du đây đó. Nhân loại phải đợi đến nay, với các hỏa

tiền gồm có nhiều tầng đồn lẩn các lực đẩy lại với nhau mới có đủ sức bắn ra khỏi được mặt đất một cái phòng có chứa phi hành. Bước đầu tiên đã thắng được, rồi đây trong khoảng 1960-1970, cuộc thám hiểm không gian sẽ tiến mạnh. Thế giới trong những ngày chào mừng Gagarin và Shepard, hai đứa con của lịch sử đã may mắn được đưa lên bậc anh hùng, cũng không quên thành tích khoa học, những nhà bác học tuy ít được nghe nói đến hơn nhưng đã bỏ bao trí óc, công phu để đạt được mục đích hằng mong. Trước khi mở tầm con mắt phóng về tương lai của cuộc thám hiểm không gian, tưởng cũng có ích nhìn lại những kết quả đã thu tập được của cả đôi bên Nga Mỹ trong cuộc chạy đua này. Lễ tất niên vấn đề tuyên truyền, lấy ảnh hưởng không kém bề quan trọng nhưng không phải vì vậy mà ta không thể khách quan xét riêng về mặt khoa học.

Từ *White-Sands* qua *Cap Canaveral*. Như Tổng thống Kennedy đã có dịp tuyên bố sau cuộc bay của Shepard, «trong một xã hội tự do, các thành công cũng như các thất bại cần phải

được kiểm tra và công bố», nên về vấn đề tổ chức ta biết được nhiều hơn bên phía Mỹ. Từ năm 1943 ở bên xứ Tân Mec-xit, Mỹ đã có lập ra đài *White-Sands* để thử hỏa tiễn ở cao độ và ở những khoảng bắn dài. Nhưng dần dần, đài thay hình đổi dạng, các nhà bác học, các khảo cứu viên tiếp tục kéo đến học hỏi về vật lý, khí tượng cũng như về sinh lý, sinh vật không có gì trực tiếp dính dấp đến máy móc của hỏa tiễn. Từ đây khoa học về cách du hành giữa các thiên thể bắt đầu lấy dạng nên hình. Cũng vào lối ấy, các nhà bác học Mỹ bắt đầu khảo cứu về thái độ của sinh vật trong khoảng không trung không trọng lực, sức chịu đựng độ gia tốc và các tia vũ trụ của con người. Nhưng dần chúng chỉ chú trọng tới vấn đề từ năm 1948 lúc các khảo cứu được tập trung lại trong một tổ chức *The Earth Satellite Vehicle Program*. Và cùng lúc *White-Sands* cũng trở nên quá thời, bao mất đều đồ đồn *Cap Canaveral*, nơi khởi hành của các vệ tinh nhân tạo. Được bắt đầu khai phá từ năm 1950, đài ấy nay chiếm một diện tích 6 ngàn mẫu



Con khi **BAKER** chính là vị du-khách đầu tiên đã dọn đường lên cung Trăng cho loài người.

Baker và Able, bạn của nó, đã ngồi trong Hòa-tiến **Jupiter** của Von Braun, bay lên Thượng-tùng không-khí, ngày 29 - 5 - 1959, tại Cap Canaveral, đã lên được 2400 ki-lô-mét trong 15 phút.

Cuộc thí-nghiệm vĩ-đại của Baker và Able chứng tỏ lần đầu tiên rằng loài người có thể bay trên thượng-tùng không-khí đề lên Trăng, và trở về mặt Địa-cầu được bình-yên vô-sự.



tây, đồ sộ với những nhà máy khổng lồ, kỳ quái, đông đúc với 20 ngàn nhân viên chuyên môn, kỹ sư, bác học. Ngày 24-7-50 chiếc hỏa tiễn đầu tiên Bumper 8 ra mắt công chúng. Nhưng phải đợi 8 năm sau Đại hội Hoa kỳ mới thiết lập cơ quan NASA (National Aeronautics and Space Administration) để kiểm soát và tổ chức các hoạt động về khảo cứu không trung. Từ cuối năm 1958 đến nay, không kể cuộc bay của Shepard, 36 vệ tinh đã được bắn xung-quanh mặt đất và 2 xung-quanh mặt trời, trong lúc này 22 chiếc đang còn chạy trong số ấy 11 chiếc còn truyền tin về.

Mỗi một vệ tinh có một nhiệm vụ khác nhau và vì vậy sau mỗi vụ bắn, các nhà bác học lại lượm lặt thêm được một mớ tài liệu chi tiết quý báu của khoảng không gian xa xôi. Làm sao kể hết lại được tất cả, đây chỉ xin sơ lược một vài điểm chính. Chiếc Explorer I chẳng hạn đã giúp các nhà chuyên môn Mỹ do nhà bác học Van Allen cầm đầu tìm ra được đai tia vũ trụ thứ nhất bao bọc quanh quả đất ta. (Đai thứ nhì sau này tìm ra được nhờ vệ

tinh Sputnik III.) Với chiếc Pionnier V người ta nhận thấy từ trường quả đất xa ra đến 96 ngàn cây số chứ không phải 50 ngàn cây số như lý thuyết đã dự tính. Chiếc này lại cho biết thêm một đai tia vũ trụ khác từ mặt trời mà lại nằm cách mặt đất 64 ngàn cây số. Hai chiếc Vanguard I, và Echo I thì lại hiển một chú ý quan trọng : áp lực của ánh sáng mặt trời cũng khá mạnh và có thể làm trật quỹ đạo của các vệ tinh. Đặc biệt, chiếc Echo I không lồ với 30 thước đường kính đã chứng minh có thể dùng vệ tinh cho phản chiếu các giông vô tuyến điện và do đấy truyền tin và truyền hình được rất xa trên mặt đất. Chiếc Courier IB lại còn cho biết có thể truyền tin được rất xa trong khoảng không gian thuộc hệ thống mặt trời. Đề học hỏi các vấn thạc cùng các lớp khí quyển cao, hai chiếc Tiros I và II khám phá ra được những trận bão và cách chuyển động của chúng trên lục địa cùng ngoài đại dương. Đề chấm dứt khúc lược kể này ta không nên quên nhắc đến các vệ tinh loại Midas có thể khám phá ra được trong giây lát các hỏa tiễn địch từ lúc mới bắn ra. Bên lề các vệ tinh và cũng

nằm trong chương trình thám hiểm không gian, tưởng cũng nên nhắc lại công trạng của đại úy Joe Walker (39 tuổi) quan trọng không kém gì cuộc bay của Alan Shepard vừa rồi. Hôm 31-3-61 chiếc phi cơ phóng pháo B52 rời phi trường Edwards ở California mang theo dưới cánh chiếc phi cơ oanh liệt X15, nặng 7 tấn. Lên cao đến 14 ngàn thước, chiếc X15 do đại úy Walker cầm lái, rời khỏi chiếc B52, độc lập bay với các máy phản động lực của mình, tốc độ lên đến 4170 cây số / giờ. Phi cơ lên cao đến 50.800 thước, rồi hạ dần xuống và đổ xuống đất cách chỗ khởi hành 150 cây số. Người ta tính có thể cho bay cao hơn nữa, vào khoảng 160 cây số, như vậy một ngày gần đây có thể cho phi cơ biến ra vệ tinh rồi một mình bay về lại mặt đất. Mục đích của Mỹ hiện nay là làm sao chống bắn được vệ tinh có người xung quanh mặt đất. Muốn thành công, các nhà chuyên môn Hoa kỳ còn phải giải quyết cho được 3 vấn đề :

1) Chế tạo được hỏa tiễn đủ mạnh để có thể bắn được một vệ tinh lớn. Ngay trong năm Địa

cầu vật lý học quốc tế (1958), Mỹ cũng đang còn dùng những hỏa tiễn của quân đội chỉ bắn được những vệ tinh nhỏ. Thật Mỹ đã có tài chế tạo ra được những máy móc rất nhỏ và tinh vi nhưng tài tình đến đâu cũng không thể làm được nổi một con người tí hon. Vì vậy cần phải bắn cho được một vệ tinh ít nhất là một tấn.

2) Khảo cứu các hỏa tiễn hồi tố chắc chắn làm chênh lệch được quỹ đạo của vệ tinh hướng về tinh về lớp khí quyển đủ dày để hãm mà không cho bật cháy như các vấn thành nôm na thường gọi là sao băng vì cọ xát quá mạnh với khí trời.

3) Đảm bảo được đời sống của nhà phi hành trong phòng với những điều kiện thích hợp.

Đặc sắc của cuộc khảo cứu Mỹ là họ đã tấn công ba mặt cùng một lúc. Điều kiện thứ nhất có lẽ là khó nhất. Tới nay Mỹ chỉ bắn được có hai vệ tinh nặng : Midas hôm 24-5-60 và Samos hôm 31-1-61. Người ta không biết rõ là nặng bao nhiêu nhưng phỏng chừng gần một tấn. Những hỏa tiễn như loại Titan, Atlas Agena-B có thể bắn được vệ tinh 2 tấn

đang còn được khảo cứu. Người ta tin từ đây đến cuối năm, Mỹ đã có thể bắn được vệ tinh từ 1 tấn lên đến 2 tấn. Đồng thời vấn đề thấu hồi vệ tinh cũng được nở nang từ tháng 2-59. Một loạt Discoverer đã được thử. Ngày 11-8-60, lần đầu tiên chiếc Discoverer XIII rơi về lại mặt đất, đúng ra ở Thái bình dương, cạnh quần đảo Hawaii. 8 ngày sau, đại úy Mitchell hứng được trên không chiếc Discoverer XIV. Sau này các Discoverer XVII và XVIII cũng hứng được những ngày 10-11 và 10-12-60. Vấn đề thứ ba được thí nghiệm với phòng Mercury, chế tạo làm sao để chịu đựng được sức nóng lúc vệ tinh cọ xát với các phân tử không khí nhưng đồng thời cũng phải cản mạnh lại khí trời để để lại thành nguội. Phòng này đã được dùng hôm 31-1-61 để bắn con khỉ Ham với chiếc hỏa tiễn Redstone trước khi lập lại thí nghiệm lịch sử với Shepard.

Chính trị không gian. Trái lại với bên phía Mỹ, người ta ít biết được những chi tiết và tài liệu của cuộc khảo cứu Nga về môn du hành các thiên thể. Tuy nhiên ta phải công nhận người Nga chú

ý về vấn đề này đã từ lâu. Năm 1903, giáo sư Ziolkowski đã cho xuất bản một cuốn sách gồm có nhiều lược đồ hỏa tiễn. Về nhiên liệu, ông đề nghị khinh khí hiện nay còn coi là nhiên liệu tốt nhất. Sau đấy, ông nghiên cứu hoàn hảo hỏa tiễn có nhiều tầng, đồng thời kê tính quỹ đạo các vệ tinh tương lai. Nhưng phải đợi đến năm 1930 công chuyện ông làm mới có tiếng vang trong dân chúng. Ông mất năm 1935 nhưng những người Nga đã lấy sách ông làm nền tảng cho cuộc khảo cứu của họ. Họ sớm hiểu công cuộc khảo sát không trung không thể do một tư nhân hay bất cứ một hội tư nào có thể đảm nhận được mà phải là công cuộc toàn một quốc gia. Họ chia việc khảo cứu của họ ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất chuyên về lý thuyết. Tuy vậy, năm 1945 người ta đã thấy xuất hiện những trường trình về thái độ của chuột trong các máy ly tâm có trọng lực lớn. Vài năm sau nhiều kiểu máy, xe đề dùng sau này trên mặt cung trăng cũng thấy ra đời. Đồng thời, các môn học khác cũng được nảy nở : 15 ngàn nhà địa chất học khảo cứu vỏ quả đất và

tính chuyện đi sâu vào trung tâm quả địa cầu. Bên cạnh đấy, các môn toán, hóa, sinh vật học cũng như vật lý, cơ học cũng không được bỏ quên : họ đã chế ra một máy làm lạnh điện tử, xây một nhà máy điện không lồ dùng năng lượng mặt trời.... Năm 1954, Ủy ban chính lý các khảo cứu không gian ra đời, đánh dấu giai đoạn thứ hai. Các lý thuyết đã khảo cứu giúp họ lập nên một kế hoạch lâu dài và tiến rất nhanh về mặt thực tế. Các vệ tinh Sputnik càng ngày càng nặng (từ 83 kilô lên đến 6483 kilô) chỉ rõ kết quả của một cuộc khảo cứu lâu năm. Sức nặng là một vấn đề, chính xác lại là một bài toán khác mà hầu như họ đã giải quyết xong. Nhờ những trạm đặt ngay dưới quỹ đạo của vệ tinh, họ tính được độ chênh lệch và truyền ngay lệnh cho vệ tinh sửa đổi hướng đi. Kết quả là họ có thể điều khiển vệ tinh xê xích trong vòng 200 thước, cách mặt đất hằng ngàn cây số.

Ngang đây cần mở một vòng ngoặt để xem qua một khuyết điểm quan trọng của Mỹ trong cuộc thám hiểm không gian : họ

không sớm có ý thức về những phương tiện mà một cuộc bay ra không trung có thể đòi hỏi. Năm 1958, họ muốn bắn một vệ tinh lên cung trăng mà không hề có một hệ thống điều khiển, tưởng như vệ tinh một mình tiến thẳng lên và tự nhiên bay quanh mặt chị Hằng 1 Mặc dù vậy, 2 năm sau, trong phạm vi cơ quan NASA, cả một phương trình lớn lao được đặt ra : kế hoạch Ranger định bắn một mớ dụng cụ đo lường lên mặt trăng, kế hoạch Voyagor bắn những dụng cụ lên các hành tinh khác, còn một kế hoạch khác thì lại dự tính dùng hỏa tiễn Nova gọi người lên thăm cung Hằng.

Ngay trong căn bản, hai chương trình thám hiểm không gian của hai bên Nga, Mỹ đã khác nhau. Nếu ở bên Mỹ nền chính trị không gian chỉ vạch rõ lần đầu tiên trong phạm vi năm Địa cầu vật lý học quốc tế, các nhà chuyên môn Nga đã cho chương trình họ nằm trong một kế hoạch chung cho cả toàn quốc. Thật vậy, nếu Nga thúc đẩy cho chương trình họ chóng tiến là vì khoa học du hành các thiên thể đã đi đôi với cuộc mở mang kỹ nghệ gọi là kỹ nghệ

không trung nhưng dính dấp tới mọi ngành. Nhắm gần, khoa học này đã bắt các nhà chuyên môn khảo cứu những vấn đề nhiên liệu, hợp kim, điện tử,... không những cần cho hỏa tiễn, vệ tinh mà có ích cho cả các ngành khác, đặc biệt về quân bị. Xa hơn, khoa học ấy đưa đến «cuộc cách mạng kỹ nghệ» định vào khoảng 1965 - 1975, cuộc thứ nhì đặc biệt về các máy tự động và cách sắp đặt một cấu tạo mới về kỹ nghệ. Và nếu muốn trông xa hơn nữa, khoa học nói chung là nguồn gốc của tất cả tiến triển. Đặc biệt con đường ra không trung sẽ là một bài học quý báu và mở rộng nền khoa học của loài người. Rồi đây, khoa học quả đất chỉ còn là một ngành nhỏ của toàn môn khoa học.

Nhìn về tương lai. Cho nên sau cuộc bay của Shepard, Tổng thống Kennedy hô hào nhắm mục đích bắn một người Mỹ lên cung trăng trước 10 năm. Ông tuyên bố các khảo cứu phải được tiếp tục song song khắp các mặt, từ các hỏa tiễn dùng nhiên liệu lỏng hoặc đặc qua các hỏa tiễn nguyên tử. Như trên đã thấy, 3 điều kiện đã đặt ra, Mỹ bắt buộc

phải giải quyết cho được. Riêng về điều kiện hỏa tiễn lớn, theo những tin sau cùng, chương trình Mỹ sẽ chia làm 3 giai đoạn :

1) Hoàn hảo kỹ thuật bắn và điều khiển các hỏa tiễn Atlas Agena, Titan và Atlas Centaure.

2) Năm 1964, cho bắn hỏa tiễn Saturne (580 tấn) có thể đẩy vệ tinh 9 tấn (mẫu C1) và sau đây 20 tấn (mẫu C2).

3) Sau cùng, hoàn thành hỏa tiễn Nova-B (2 ngàn tấn) có thể đẩy vệ tinh 120 tấn, hỏa tiễn này dự trù sẽ được bắn trước 1970.

Về điều kiện điều khiển vệ tinh trong không gian, một hệ thống trạm sẽ được đặt ra trên mặt đất, dưới quỹ đạo của vệ tinh. Nhưng vấn đề trở nên khó khăn khi vệ tinh càng xa quả đất ra, nhất là quả đất cũng không đứng yên một chỗ. Vì vậy, các máy tự động cần phải được học hỏi cho được hoàn toàn. Chương trình Mỹ dự định sẽ lập 3 trạm chính ở Goldstone (Californie), Woomera (Úc) và Johannesburg (Nam Phi) gồm có những kính vô tuyến viễn vọng rất nhạy và đặt làm sao để có thể theo dõi vệ tinh bất cứ ở đâu. Sau cùng, trước khi nhắm

bắn người lên cung trăng, chương trình sửa soạn cũng chia làm 3 giai đoạn :

1) Đặt một vệ tinh thành trạm quan sát xung quanh mặt trăng.

2) Bắn dụng cụ đo lường lên cung trăng theo kế hoạch Ranger (cuối 1961) và Surveye. Các kết quả sẽ được truyền về mặt đất ngay.

3) Dùng máy tự động cho chạy trên mặt trăng theo kế hoạch Prospector (cuối 1964) và dùng máy vô tuyến truyền hình gửi về mặt đất.

Về mặt y khoa không trung, nhiều phi công sẽ dần dần được bắn ra khỏi mặt đất, càng ngày càng xa và sau cùng với hoà tiễn Saturne, Mỹ hy vọng sẽ bắn được 3 người chạy vòng sau cung trăng trong năm 1965 theo kế hoạch Apollo.

Trong lúc Mỹ vạch chương trình, đặt kế hoạch, bên phía Nga cũng không ngừng hoạt động. Nhằm mục đích bắn người lên cung trăng, họ đang kiếm cách tăng vệ tinh lên 12-15 tấn, cho bắn nhiều chiếc chạy nối đuôi nhau như con tàu khoảng 100 tấn, rồi từ đấy bắn vệ tinh 25 tấn có thể lên cung trăng và trở về. Tổng thống Kennedy cũng thấy Nga đã lấn bước và còn giữ ưu thế trong vài năm nữa, nhưng ông hy vọng Mỹ sẽ thắng cuộc với vụ cung

trăng. Nói chung, Mỹ còn nghĩ xa hơn : sau cung trăng đến lượt Kim tinh, Hoà tinh, Mỹ tính sẽ đạt đến được trong khoảng 1970, 1980. Lúc ấy, hoà tiễn nguyên tử đã ra đời. 23 triệu Mỹ-kim vừa được phụ cấp thêm đề mau hoàn hảo hoà tiễn nguyên tử Rower. Nếu Mỹ thấy đã bị chậm trễ trong cuộc đua vì không sớm thấy tất cả quan trọng của nền khoa học không gian, họ nhất định sẽ quyết liệt tranh đấu cho các giai đoạn sau này.

Một vài điểm chuyên môn.
Muốn bắn vệ tinh lên cung trăng, song song với vấn đề sức nặng của vệ tinh, vấn đề tốc độ lại là một bài toán nan giải cho các nhà bác học. Ta biết, nếu bắn vệ tinh với tốc độ 8,1 cây số/giờ thì vệ tinh chạy quanh quả đất. Nếu tăng tốc độ ấy lên 11,2 cây số/giây thì vệ tinh vượt ra được khỏi sức hấp dẫn của quả đất. Muốn có thêm 3,1 cây số/giây ấy, trước đây cần phải thêm một tầng nữa vào hoà tiễn đã sẵn có 3 tầng. Theo những tiến triển cuối cùng, mỗi tầng có thể đưa tốc độ lên được 4, 5 cây số/giây, như vậy 3 tầng cũng đã thừa đủ đề thắng trọng lực. Khác, người ta tính muốn bắn một vệ tinh 5 tấn cũng cần phải có một hoà tiễn nặng gấp 100 lần nghĩa là nặng 500

lần ». Về vấn đề nhiên liệu, lúc trước người Đức bắn các chiếc V₁, V₂ với rượu nhưng rượu thấy ra không đủ mạnh. Người ta đã nghĩ đến những chất trong dầu hỏa nhưng vấn đề nhiệt độ quá lớn là một trở ngại. Hiện nay, những hoá chất có bore và lithium đang được khảo cứu, nhưng nhiên liệu tốt nhất, như đã thấy ở trên, vẫn còn là khinh khí. Rồi đây, người ta sẽ có thể tăng tốc độ bắn mỗi tăng lên đến 6,4 cây số/giây và đáng khác hy vọng đạt được đích, hỏa tiễn chỉ cần nặng gấp vệ tinh 30 lần chứ không phải 100 lần như hiện nay. Nếu làm được hỏa tiễn 2500-3000 tấn thì bắn được ngay vệ tinh 100 tấn.

Tới đây, ta chỉ bàn về một cuộc bắn cung trăng. Muốn đi lên Kim tinh chẳng hạn, không những vì hành tinh này ở xa mà lại vì trọng lực của hành tinh ấy cũng khá lớn (gần bằng trọng lực quả đất), vệ tinh còn phải lớn hơn nữa. Các hóa chất rồi phải dần dần. May sẽ có năng lượng nguyên tử tiếp sức. Nguyên tắc cũng có phần đơn giản : phần trước hỏa tiễn cho chứa khinh khí, đằng sau là chất

uranium phóng xạ. Kinh khí khi đi ngang qua uranium sẽ bị đốt nóng lên 2500 độ, tức khắc thoát ra ngoài với tốc độ 7 cây số/giây và đẩy hỏa tiễn đi tới. Tuy vậy, thực hiện được hỏa tiễn này không phải là chuyện dễ, nhất trong hỏa tiễn ấy, sức nổ đi sát giới hạn một quả bom ! Có nhà bác học đã đề nghị một nguyên tắc khác dùng uranium không phải để đốt nóng khinh khí mà cho dorr ra thành điện và dùng đốt một thứ khí giữa hai điện cực. Nhiệt độ có thể lên đến 15 ngàn 20 ngàn độ và tốc độ sẽ lớn vô chừng. Với các « hỏa tiễn điện » này, người ta tưởng có thể gây nên một tốc độ hằng vạn cây số/giây. Nhưng khoan lạc quan đã, đây chỉ còn là lý thuyết. Thực hiện có thể rồi quá khó và người ta phải trở về lại với các hóa chất. Những năm gần đây rồi sẽ đem lại nhiều khám phá mới lạ... Trong lúc chờ đợi, ta cũng mong thấy được người đạp đất cung trăng trước 5, 6 năm và trong khoảng 1970-1980 những tàu vũ trụ đi thăm các hành tinh bạn, sao Hỏa, sao Kim.

VÕ QUANG YẾN
(Khoa-học kỹ thuật Paris)

Ký
giả

thua
trước

★ TÊ XUYỀN

(Tiếp theo P.T. số 60)

**Một ký - giả bị Nhựt
« bắt cóc » khéo.**

Mỗi ngày, các ký-giả
như được trực giác
báo trước có gì sắp xảy đến.

Nhưng không đoán được ngày
nào đây ?

Chiều mùng 9 tháng 3 - 1945,
các nhân viên tòa soạn ba tờ
nhựt báo làm việc như thường
và hồi 5 giờ xong công việc, chỉ
chờ báo lên khuôn để sáng mai các
« cập ràng » phát hành.

Tòa soạn *Dân Báo* bỗng thấy
ký-giả Nhựt KIMURA đến
thăm. Anh này đã được cảm tình
của làng báo Sài Gòn, vì anh là
một tài-hoa đáng phục : học tiếng
Việt, nói rành rẽ tiếng Việt, anh
còn đi ả đảo ở Phú-Nhuận, cầm
châu chông thua gì các khách
phong-lưu mã-thượng Việt-Nam
đã sạt nghiệp về những giọng nỉ
non bên tiếng xênh phách.

Kimura được chủ bút *Dân
Báo* tiếp niềm nở. Anh nói
chuyện về nghề viết báo ở Nhựt
rồi xin phép đi xem nhà in của

Dân Báo để biết rõ kỹ-thuật ăn loát báo chí Việt-Nam đã tiến đến đâu.

Sau đó, Kimura mời anh chủ bút Việt-Nam đi uống bia. Một chuyện thường, không mấy ai nghi ngờ được. Anh chở xe hơi đưa bạn đồng nghiệp đến một nhà hàng của Nhật ở trên lầu mấy căn phố đường Galliéni (Trần - Hưng - Đạo) gần rạp hát Nguyễn-văn-Hào.

Ở đây đã dọn sẵn một tiệc rượu (chỉ có la-ve và đồ nhậu). Thực khách Việt-Nam có ba anh NGUYỄN - VĂN - SINH (tức NAM-QUỐC-CANG sau này) THIẾT - CAN, và TÂN-PHƯƠNG, cả ba đều là cộng-sự-viên của thông tấn xã Domei. Tất cả người dự tiệc chừng 20 người. Các ký giả Việt, Nhật chuyện trò vui vẻ.

Lúc tiệc tan đã 8 giờ tối. Chủ bút thông tấn xã Domei là anh OHTA tỏ ý mời tất cả ký giả về trụ sở của anh, lập ở trên lầu nhà băng Đông Dương, trông ra bờ sông (nay là Việt Nam Ngân Hàng). Anh trình bày về những phương tiên thâm tin của hãng anh.

Về đến nơi, Ohta bỏ khách ngồi ở văn phòng và lẳng xẳng chạy đi đâu, không biết. Trụ sở hãng Domei có vẻ tấp nập khác thường, dầu đã quá 8 giờ tối. Anh chủ bút *Dân Báo* tin rằng có biến-cố gì sắp xảy ra. Tánh tò-mò là tánh thông thường của con nhà viết báo, mách cho anh rằng chắc ngày mai anh sẽ có một thiên phóng-sự đặc-biệt. Anh tìm NGUYỄN-VĂN-SINH vốn là bạn thân của anh và đứng đầu ban biên tập Việt ngữ của Domei, tính hỏi xem cuộc «bất cóc» mình có mục-dịch gì. Song Nguyễn-văn Sinh đang nằm ngủ trên cái bàn dài, ngáy khò khò !

Chừng gần 9 giờ đêm, anh chủ bút *Dân Báo* được mời vào một phòng giấy có một sĩ quan Nhật bận quân phục, đeo gươm dài lê thê, đã ngồi chờ. Sĩ quan Nhật nhã nhặn mời khách ngồi đối diện, rồi một cuộc đối thoại bằng quơ được diễn ra, đại thể như sau :

— Trong các ký-giả Việt-Nam, tôi nghe nói ông không hút thuốc phiện, có sức khỏe, chịu được một nhọc bền bỉ.

— Ông quá khen... Vậy nay có việc gì không ?

— Ông chơi môn thể thao nào ? Ten-nít hay panh-pong ?

— Tôi tập thể dục đều đều mỗi ngày... À, còn việc ông Ohta mời tôi đến đây có mục đích gì mà ông ta đi mất ?

— Tôi nghe nói các ông viết báo thường bị người Pháp ức hiếp, không còn tự do ngôn-luận gì nữa phải không ? Tình hình ấy sẽ chấm dứt từ nay.

— Tại sao vậy ?

Viên sĩ-quan Nhựt nhìn đồng hồ đeo tay và đáp :

— Năm phút nữa, tôi sẽ trả lời ông.

Hai kẻ đối thoại lặng thinh, nhìn lên trần nhà, mỗi người một suy nghĩ. Người ký giả Việt-Nam đã thấy « việc mà nhiều người nói đến » sẽ xảy ra trong 5 phút nữa.

Năm phút qua. Mấy tiếng súng nổ. Nhìn qua cửa sổ, phía bên kia sông, có những hỏa châu bắn lên trời soi sáng một vùng; lúc ấy thời kỳ chiến tranh, thành phố Sài-gòn giảm ánh sáng đến cực-độ, để tránh các cuộc oanh tạc của Mỹ có thể bắt thần xảy đến. Bầu không khí trong hăng Domei

náo-nhiệt thịnh-linh. Viên sĩ quan Nhựt nói vắn tắt với người ký giả Việt-Nam : « Chúng tôi nhờ ông làm một tờ báo đề 5 giờ sáng mai phát hành. » Lúc ấy NGUYỄN-VĂN-SINH bước vào nói nhỏ với bạn : « Nhựt nó đã đảo chánh Pháp ». OHTA theo sau Sinh, đưa cho chủ bút *Dân Báo* một thẻ lưu thông đã có ghi tên anh này : « Anh đi với đại úy đây ! ». Thật là một « quân lệnh », chớ không còn có lời lẽ ngoại giao nào nữa.

— Đi đâu đây !

— Đi về nhà in *Dân Báo*.

Tờ báo đầu tiên của Nhựt

Viên đại-úy Nhựt (sau này được biết tên là SUZIKI) làm giám đốc phòng Thông tin Quân-đội Nhựt, mời chủ bút *Dân Báo* xuống lầu, đi lên xe hơi nhà binh, có tài xế cầm lái. Cùng đi chuyến này còn có KIMURA, và THIẾT CAN nữa.

Trong khi xe đi đường, tới mỗi ngã ba, đều thấy lính Nhựt nhẩy xổ ra, chìa súng vào xe, hô lớn câu gì không hiểu. Đại-úy Suzuki đáp lại, có lẽ là khẩu hiệu riêng, và đôi khi trình giấy thông hành

nữa. Vì những sự ngưng xe ở mỗi góc đường như thế, mà phải mất trên nửa giờ mới tới được nhà in *Dân Báo* ở đường Sabourain (đường Tạ Thu Thâu bây giờ).

Xuống xe thì thấy cửa sắt nhà in bị khóa. Người « gác dang » đã bỏ trốn đầu rồi.

— Thôi mình tới nhà riêng ông chủ. Ông biết địa-chỉ chứ ?

— Đường Mac Mahon số 193...

Thế là chiếc xe hơi lại « vượt » không biết bao nhiêu « vòng vây » ở mỗi đầu đường, đi qua dinh Thống đốc, Dinh Toàn-quyền (cả hai nơi này đèn điện bật sáng hơn các đêm đại dạ hội) rồi tới nhà riêng ông Trần văn Hanh, chủ nhà in *Dân Báo*, ở miệt Tân - Định, đường Công Lý số 193.

Ông này mở cửa tiếp khách, thấy viên quan ba Nhựt đeo gươm, có vẻ hơi sợ-hãi song thấy mấy ký giả Việt Nam trong số có chủ bút báo ông, ông vững bụng, hỏi bằng tiếng Pháp :

— Có việc chi đây, các ông ?

— Ông không hay gì sao ? Sĩ quan Nhựt hỏi lại, rồi nói tiếp : chúng tôi muốn nhờ ông in một tờ báo.

— Thế, có xin phép ông Marquis chưa ?

Viên chủ bút *Dân Báo* bèn giải-thích :

— Nhựt đã đảo chánh Pháp rồi. Họ đến nhà in thấy cửa khóa, nên phải về đây.

—Ồ ! Vậy mà tôi không hay. Hồi nãy nghe tiếng nổ, tôi tưởng là có phi-cơ oanh-tạc. Tôi và gia đình chạy xuống hầm núp, khi thấy êm rồi, thì lên đi ngủ.

Ông Văn Hanh vừa nói vừa vào trong nhà lấy chùm chìa khóa của riêng ông và bận quần áo đi cùng viên sĩ quan Nhựt lên Saigon. Rồi thay không chìa khóa nào mở được cửa. Người « gác dang » nghe tiếng nổ hồi nãy đã khóa cửa nhà in đem theo chùm chìa khóa ra tòa án mà ăn núp cho tới sáng. Anh ta sợ bị đàn lặc.

Người tài xế của ông Saziki lấy búa và cuốc phá cái cửa sắt. Ngay lúc đó, một nhóm người Việt do một xe cam nhông nhà binh đưa tới, nhảy xuống xe. Thì ra một nhóm vừa thợ máy, thợ sắp chữ do một người Việt thân Nhựt có tên A-SÁU, đã dụ bị từ hồi chiều ; anh mời thợ ăn nhậu tại nhà riêng của anh, chờ khi dùng đến thì có thợ liền.

Cùng đi với anh, có NGUYỄN

VĂN-SINH cặp cái cặp da đựng đầy bài vở tin tức đánh máy sẵn. Anh dở ra đưa cho thợ sắp chữ. Ông TRẦN-VĂN-HANH liếc mắt nhìn vào dưới bài xă-thuyết « cảm ơn quân đội Thiên hoàng » có ký tên ông. Chắc ông phải thắc mắc : « Mình viết hồi nào chứ ? » Song ông lặng thinh và hiểu ngay bài xă-thuyết « của ông » đó là của ai rồi.

Ông vui vẻ chỉ cho nhóm thợ mới biết chỗ đề chữ, chỗ đề giấy, rồi sau đó được xe hơi nhà binh đưa ông về nghỉ.

Sáng hôm sau, dân Sài-thành đã có tờ báo « sốt dẻo » loan rõ tin tức cuộc đảo chánh của Nhật, tờ báo ấy mang cái tên quen thuộc hằng ngày : *Dân Báo*. Tờ báo duy-nhứt ấy gửi cả đi lục tỉnh nữa, nên phải in rất nhiều, máy chạy đến 2 giờ trưa mới ngừng.

Chắc bạn đọc cho là ông chủ báo « hốt bạc cắc » cũng bọn.

Thưa không. Báo in ra cả trăm ngàn mà tiền bán báo chun vào lỗ nào, không ai biết.

Thật rủi cho ông. Nhưng trong cái rủi lại có cái may chẳng khác gì câu chuyện Tái-Ông mất ngựa.

Chiều hôm 10 tháng 3 khi thợ

thầy nhà in *Dân-Báo* xong công việc rồi về nghỉ, bỗng Hiễn-Binh Nhựt đến đuổi « gác dang » ra, niêm phong cửa nhà in lại. Chẳng ai hiểu ra sao cả. Tuy nhiên cũng có người thức thờ đoán ra : ông Trần Văn Hanh bị nghi là quá thân Pháp vì ông đã cộng tác với đại tá Ducoroy, Tổng ủy viên Thanh Niên Thề Thạo ở phủ Toàn quyền mà bỏ tiền riêng mở hai « Nhà hàng Thanh - Niên » cho bọn trẻ có chỗ ăn uống, giải-trí. Các tay « Nhựt bồn lô canh » tức những người Việt cộng sự với Nhật trong sở Hiễn-binh, đã tự động đến niêm phong nhà in của ông Hanh, chờ lệnh... sung công.

Ông chủ nhà in cho người đến thẳng đại-úy SUZUKI cầu cứu. Chiều hôm ấy, có lệnh cho mở cửa nhà in liền. Các tay « Nhựt bồn lô canh » không chịu thua, họ dùng tờ tuần báo *Tân - Á* của Nhật xuất bản bằng Việt-ngữ, mà hài tội ông Trần văn Hanh thân Pháp.

Vô hiệu quả ! Tờ *Dân Báo* đã vô tình giúp cho quân đội Nhật từ « giờ đầu » và vô hình trung thành có công lớn với Nhật. Cái may bất ngờ !

Cũng trong ngày mồng 10, lúc

Dân Báo thoát hiểm thì một tờ nhật báo suýt lâm nguy : tờ *Điện-Tín* bị tịch thân vì đăng tin bữa tiệc thân - mật mà Toàn quyền Decoux đãi đặc sứ Nhật MATSUOKA tối hôm 8 - 3. Tại sao có « khúc đàn ngang cung » ấy ? Tại sao Pháp đã bị hạ mà báo *Điện Tín* lại đăng chuyện Pháp Nhật thân-thiện ?

Hỏi ra mới biết tờ báo ấy đã in xong sớm, từ tối hôm 9 - 3 và giao cho « cặp rắng » trước giờ đảo chánh. Thấy *Dân Báo* phát hành, bán chạy như tôm tươi, anh « cặp rắng » *Điện Tín* cũng đem báo giao cho trẻ em bán, chủ báo không hay gì hết. (Mỗi báo có người phát hành riêng).

Vụ này chỉ kết liễu bằng sự tịch báo ; Nhật cũng không cấm báo ấy xuất bản tiếp.

« Cặp đại - úy » trong quân-đội Thiên-hoàng.

Cũng trong nhà in của *Dân Báo* vài hôm sau, xảy ra một cuộc náo động suýt « sanh giặc » nhưng rồi kết-liệu một cách hài-hước.

Hôm ấy, đầu là 14 tháng 3, các đoàn thể ở Sài-gòn đang chuẩn bị tổ-chức một cuộc biểu tình vĩ đại để tỏ lòng tri ân « quân đội

Thiên hoàng ».

Cuộc biểu tình này do một người Việt-Nam đã theo Nhật từ mấy năm trước, đóng đến lon đại-úy, làm chủ tịch ban vận động. Mỗi ngày lại có thêm những hội tương-tể hay ái hữu xin gia-nhập cuộc biểu-tình. Ông chủ tịch hội X. mới gia-nhập, hấp tấp chạy đến nhà in *Dân Báo* là nơi lãnh in các bích chương, ông yêu cầu thêm tên hội ông vào. Tưởng là người trong ban vận-động hay ban tổ chức, nhà in làm đại theo ý muốn của ông.

Đến khi viên đại-úy « Nhật hồn lô canh » đọc bản vở thử của tờ bích chương, thấy có thêm tên hội X. Ông « nổi giận lôi đình » xách xe hơi chạy tới nhà in, thịnh nộ bắt lỗi :

— Ai thêm vào đây ? Ai muốn phá hoại ? Ai làm « chó săn » của Pháp đây ? Tôi sẽ bắn bẻ óc nó !

Đại - úy dồn cho nhà in một đống câu hỏi nghiêm khắc. Trông tướng mạo ông lăm - liệt oai phong, với cây gươm dài sát đất, lại thân hình ông to lớn, cứng rắn, ai cũng tưởng chừng sắp có tiếng nổ trong nhà in. Nhân viên nhà in

lặng xặng tìm bàn thảo, bản vẽ thử, đề kiểm « thủ phạm ». Bỗng nhiên bên ngoài có một ông trông đã lớn tuổi bước vào. Ông này như cảm xúc, nhìn thẳng vào mặt đại - úy rồi nghiêng đầu cố nhận diện. Ông buột miệng hỏi :

— Cậu có phải cậu Thanh, con ông Chân-Thụy không ? Trời đất ơi, lúc tôi còn đi lại với ông Chân Thụy, cậu còn nhỏ. Sau nghe ông cụ nói cậu trốn sang Xiêm làm cách mạng, tôi vẫn phục mãi.

Ông ta nói đến đây biết mình vô tình, không nghĩ đến « phương

diện quốc gia » của ông sĩ - quan của Thiên hoàng, rồi có vẻ lúng túng hỏi :

— Thế bây giờ... đóng đến chức gì rồi ? Thật là quý hóa lắm !

— Dạ thưa, đại-úy.

Viên sĩ quan đáp vắn tắt mấy tiếng ấy rồi kéo giầy, đứng thẳng, dơ tay lên nón, chào ông bạn của ba mình, rồi xoay một vòng đi ra đường, lên xe hơi, biến mất.

Cơn sấm sét đã êm dịu nhờ một tiếng lỡ lời đã gọi « quan đại-úy » bằng cậu.

(Còn nữa)



★ NHIỀU VỢ

Nữ Hầu-tước de Conti nói chuyện với Đại-sứ xứ Maroc, ở thời Pháp-hoàng Louis XIV :

— Tôi không tán-thành việc người Hồi-giao lấy nhiều vợ.

Đại sứ Maroc mỉm cười đáp :

— Thưa Bà, nếu ở xứ chúng tôi tất cả phụ-nữ đều được như bà, thì không bao giờ chúng tôi lấy nhiều vợ.

Chiều tàn trên hồ Than-Thở

Hoàng-hôn trải nhẹ hồ xưa,
Gió vờn mặt nước, lau thưa dật bờ.
Nghiêng mình lồng bóng gương mờ,
Thộng buồn đứng rũ bờ-phờ trong sương.
Chiều tàn lưu-luyến nhớ thương,
Hoa trầm, ngọc nát, tơ vương nghìn đời.
Giữa giòng chiếc lá chơi-vơi,
Ngỡ hồn nương gió về nơi hẹn thề.
Hận tình lưu vết tái-lê,
Nước hồ Than-Thở lê-thê gợi sầu.
Nguyễn xưa đã trợn từ lâu,
Tình còn chan-chứa giòng châu trên hồ.

THANH-NGUYỄN
(Đalat một chiều buồn)

Hồn quê

Sương muối quanh mùa vẩy lối xóm
Cánh đồng nghe hát một đêm trăng ;
Gâu khuya vang nhịp người thao thức.
Màu lúa xanh hơn mộng ở Hằng.
Chị hãy còn tươi làn áo cười ;
Em cười tâm sự lớp sương sa.
Nước reo như tiếng mùa xuân mới,
Sắc lúa vàng tươi đậm mái nhà.
Có giếng giếng mát soi chung bóng,
Nhìn đám sao in lạnh đáy chìm.
Tóc cũng bừng thơm mùi hoa dại ;
Mắt ngời xao xuyến ánh trăng đêm.
Guồng tơ nhỏ nhỏ đèn bên sách,
Em mới theo chàng học ước mơ.
Nhớ mảnh vườn khuya trắng khuất bóng,
Em về tưởng-tức chút duyên xưa.

VŨ - HỒ
(Quảng-Ngãi)

« CHIỀU CHIỀU VỊT

LỘI KÊU CHIỀU...»

● NGUYỄN-TỬ-QUANG

TẦM đương ngồi chăm chú vo gạo trên cầu ao. Bỗng một tiếng « tòm » rớt bên cạnh, nước bắn lên làm Tầm giật mình, ngước mặt nhìn. Chưa tìm thấy người thì một tiếng « tòm » khác lại phát lên sau lưng. Tầm quay lại nhìn sang vườn bên, thấy một cậu trai mặc bộ đồ bà ba trắng đứng bên cội cây, tay cầm quả sung. Cậu toan ném nữa nhưng thấy Tầm đã bắt gặp nên dừng tay lại, miệng tùm tùm cười.

Tầm biết đó là con trai út của ông Cả. Cậu đi học ở thành về nghỉ hè.

Tầm biết cậu chọc mình. Mặt mày lần lần thấy nóng bừng. Lòng thên thện, và lâng lâng một niềm vui lạ khó tả. Tay của Tầm bấy giờ luống cuống. Tầm muốn ngồi vo nữa nhưng thấy ngượng nghịu, khó chịu làm sao ấy nên vội đứng dậy, bưng thúng gạo rào bước vào nhà. Có tiếng kêu vói theo, giọng nhẹ nhàng, nhỏ nhỏ :

— Cô Tầm ! Cô Tầm !

Tầm, chân chẳng loạng choạng, muốn đứng lại. Tiếng của chàng thiếu niên tiếp :

— Quày lại cho tôi nói chuyện một chút, cô Tầm.

Tầm quay mặt lại mỉm cười

nhưng rồi bước đi luôn. Và đi rất nhanh.



Tầm là con của nhà nông, Tầm có làn da bánh ếch mịn màng, thân hình nở nang cân đối. Nhất là đôi mắt bồ câu đen láy và nụ cười duyên dáng của Tầm, càng dễ quyến rũ, làm nhiều cậu trai trong làng say sưa mê mẩn. Tầm nghèo nhưng trời cho Tầm có một sắc đẹp để bù lại.

Trong làng, người con trai trẻ đeo đuổi Tầm dày cộm nhất là Nong.

Nong nghèo như Tầm. Mùa này đến mùa khác. Nong chăm lo cày cấy với mảnh đất vườn. Nong con người mạnh mẽ, nước da mận mòi, tính tình hiền lành, chất phác như bụi lúa củ khoai. Nong yêu Tầm lắm. Nhiều lần, Nong muốn ngỏ ý mình cho Tầm biết, nhưng Nong sợ ngượng đến sợ sệt nên rồi thôi.

Cho đến một lần kia, lần thứ mấy, không dẫn lòng được nữa, nên trên đường đi cấy về, Nong bạo dạn thổ lộ :

— Cô Tầm ! Tôi muốn cấy mai đến nói với hai bác ở nhà, cô chịu không, cô Tầm ?

Tầm cười cười, đỏ mặt ửng ửng :

— Ai biết đâu nà.

Thế rồi cả hai cùng im lặng. Bước đi lại nặng nề. Nong nghe trống ngực đánh rộn lên và miệng như cứng lại. Thế là hết.

Tuy vậy, từ đó, cả hai thấy bớt sợ ngượng và đi lần đến chỗ thân mật nhau. Nong định năm nay, vụ mùa xong, nhà có dư chút lúa thóc, sẽ nhờ mai mới đến hỏi Tầm.

Nhưng...

Giữa lúc ấy, giữa lúc cuộc đời tình ái của đôi trai gái âm thầm tươi đẹp như mặt nước hồ thu êm đềm thì bỗng nhiên một vật xuất hiện làm mặt nước ấy đục đục nổi sóng.

Nhân vật xuất hiện đó là Phương, con của ông Cả trong làng. Người giàu có uy thế. Phương đi học ở thành về quê nghỉ hè. Nhà Phương cách nhà Tầm một cái vườn rộng. Trông sắc đẹp của Tầm, Phương thấy cảm. Phương thường đón Tầm ở cầu ao. Trước Tầm thấy ngượng nghịu mặc cỡ, nhưng sau quen dần. Những cử chỉ

hành động chòng ghẹo của Phương, Tầm bắt đầu thấy thích thú, muốn được hưởng như thế. Nhất là khi nghe lời khen tặng tăng bốc của Phương :

— Cô Tầm đẹp không thua gái ở thành.

Lòng Tầm lâng lâng sung sướng, tự hào nghĩ :

— Ừ, có vậy anh Nong mới mê mình chớ. Mà nhờ vậy, con ông Cả cũng muốn mình nữa.

Một hôm, Phương đón ở ngoài vườn đưa cho Tầm một gói giấy. Tầm thấy xấu hổ, không lấy. Phương quăng đại vào mình Tầm rồi bỏ đi. Tầm nhìn quanh. Vừa lúc ấy, cha của Tầm bước ra. Sợ cha thấy, Tầm vội cúi xuống nhặt lấy bỏ nhanh vào túi.

Vào buồng, Tầm dỡ ra thấy một cái thư và một chai nhỏ dầu thơm. Trong thư có mấy hàng chữ :

« Anh tặng em. Anh thương em lắm. Tối nay, anh chờ em ở ngoài vườn. Em đừng để anh thất vọng.

Người tha thiết yêu em »

(ký tên không rõ)

Tầm bàng hoàng. Nổi vui, sợ rộn lên trong lòng.

Dầu thật thơm. Chưa mở nút

ra mà mùi thơm đã nức mũi. Tầm lẩm bẩm câu : « Em đừng để anh thất vọng » mà thấy lòng êm dịu và bất cảm động, thương xót lạ thường. Thật, Tầm chưa được nghe ai nói bằng những lời ngọt ngào, dịu dàng, bù tai như thế.

Tầm định tối đến, chờ cha mẹ yên giấc và dỗ cho em nhỏ ngủ xong thì sẽ ra ngay vườn, để Phương khỏi phải thất vọng.

Lòng Tầm dồn dập vui vẻ quá.

Tầm trông cho mau tối. Nhưng rồi Tầm lại sợ trời mau tối. Vì Tầm bối rối lo lắng, không biết khi gặp mặt, Tầm sẽ nói gì với Phương. Lời mặc mặc, người thôn quê đối với một học sinh mỹ mạo thật chênh lệch quá, chớ nào phải tương xứng như giữa Tầm với Nong.

Tầm vô cùng bối rối và suy nghĩ lung tung.

À mà cũng lạ, tại sao Phương không nói sẽ cậy mai đến hỏi Tầm như Nong mà lại bảo Tầm ra vườn làm gì trong lúc tầm tối như vậy ? Thật kỳ quá.

Tầm bỗng phát sợ hãi. Chưa

hội kiến mà Tầm thấy trống ngực đánh thình thịch như báo hiệu một tai biến khủng khiếp. Rồi Tầm lại không muốn đi. Và khi có ý định không đi, thì Tầm thấy trống ngực không còn đập nữa, lòng nhẹ nhõm thơi thới, con người khoẻ khoắn. Nhưng khi quyết định đi thì bấy giờ, Tầm lại nghe trống ngực đánh thình thịch, rồi những ý nghĩ đen tối quay cuồng trong đầu óc, lòng thấy nặng nề.

Tầm đưa hai tay dè ngực.

Cứ thế, bao nhiêu ý định đi rồi không ấy vẫn dằn vò lòng Tầm. Rốt cuộc, Tầm không muốn cho trống ngực đập nữa, nên Tầm không đi để được yên tâm.



Tầm rất lấy làm lạ về thái độ của Nong. Lúc nào, Tầm cũng thấy Nong muốn tránh mặt Tầm. Một khi gặp phải, Tầm thấy mặt Nong buồn nguyền và mắt bao giờ cũng ướt ướt.

Một hôm thỉnh linh chạm phải mặt nhau, Tầm bức hỏi :

— Bộ anh bệnh phải không anh Nong ?

Nong trả lời một cách thiếu

não, ngắn ngủi :

— Tôi không có bệnh.

— Sao thấy anh buồn vậy ?

Nong ngẹn ngào :

— Tại tôi nghèo.

Tầm mỉm cười :

— Bộ anh mới nghèo đây sao ?

Hồi trước sao không thấy anh buồn ?

— Tôi mới buồn đây. Người ta bây giờ giàu thì người ta vui!

Nong vừa nói vừa đi thoăn thoắt như chạy trốn. Nước mắt rưng rưng. Tầm ngơ ngẩn suy nghĩ. Tầm nghi ngại, hay là Nong nghi Tầm phản bội Nong... Tầm thấy đau xót cả lòng.

Thật thế, Nong đã đeo đuổi Tầm từ lâu, cố nhiên không bao giờ muốn để mất cái vật mà mình đã đeo đuổi, và bao giờ cũng giữ chừng. Tầm đâu rõ điều đó và Tầm cũng đâu biết được mỗi bước đi, mỗi hành động của Tầm đều có Nong chú ý. Giá phỏng, Tầm rủi ro bị tai nạn, người xuất hiện xung phong trước nhất là Nong.

Nong một hôm lùa trâu sau vườn ông Cả, thỉnh linh bắt gặp Phương đùa cợt với Tầm bên

cầu ao. Nong muốn chết đứng. Ghen, nghi, Nong thường đến vườn, chui vào bụi rậm, im thính thít lén rình. Nong thấy mình bắt tài trước một đối phương lợi hại, có nhiều ưu thế. Nong chán nản, buồn bã... Thế mà giữa lúc ấy, Tầm nào hay.



Nong vắng mặt ở làng từ nửa tháng nay, giữa vào vụ mùa đến. Tầm lấy làm kinh ngạc. Muốn tìm hỏi rõ căn do nhưng không biết hỏi ai. Một buổi chiều, Tầm lừa vịt ngang nhà Nong, Tầm lom lom nhìn vào nhà. Tầm thấy sao nhà hôm nay vắng lạnh, buồn tẻ quá. Qua khỏi nhà một quãng, Tầm gặp cậu của Nong. Tầm cúi đầu chào. Cậu Nong vui vẻ nói :

— Dữ hông ! Gặp cháu, chú mới nhớ. Thằng Nong đã đi lên thành tìm nghề làm ăn, nghe đâu nó đi học làm thợ. Nó có nhờ chú gặp cháu thì nói giùm : nếu cháu có thương nó thì chờ nó làm ăn vững vàng sẽ về cấy mai nói cháu. Chú nói riêng với cháu như vậy, nghĩ cũng lỗi với anh chị bên ấy, nhưng thấy

nó tội nghiệp, nó thương cháu quá nên chú không lẽ phụ lời nó mà không nói giúp. Cháu đừng phiền.

Tầm muốn chết đứng. Một lúc, nghe cậu nói :

— Cháu đâu có phiền. Cháu cũng thương... Mà ở đây làm ăn lại không cưới được sao ?

Cậu của Nong cũng thở dài, nói gọn lỏn :

— Nào biết đâu ý nó.

Tầm từ già, lừa lừa vịt về.

Gần đến nhà, Tầm giật mình thấy Phương đứng dưới cầu nhà mát. Phương nhìn Tầm nhoeo nụ cười tình. Tầm không cười để đáp lễ như mọi lần. Mặt Tầm cau lại. Tầm thấy tức và phát ghét Phương vô cùng.

Bầy vịt sinh chứng. Xuống sông thấy sông rộng, nước sâu, chúng cứ lặn hụp lội tới lội lui, không chịu lên bờ để vào chuồng. Tầm phải loay quay lấy đất liệng, miệng hùa đuổi, hết sức vất vả.

Phương đứng nhìn cười, lấy làm thích thú, ngoạn mục. Tầm trông thấy càng ghét, càng thù. Tầm lại càng nhớ đến Nong.

Vì mỗi lần trước cảnh này, Nong bưng bà đến lấy đất liệng tiếp, không thì nhảy ào xuống sông lùa giúp. Nhớ đến đó, Tầm thấy thương Nong quá, muốn khóc.



Chiều hôm đó, Tầm không ăn cơm được. Người uể oải, đã dợt như muốn đau. Mẹ của Tầm lo Tầm bị cảm gió hay trúng nước nên bà thay Tầm ra

cho vịt ăn sơ ba hạt lúa trước khi cho vào chuồng.

Tầm bơ phờ, ngầy ngật nằm thiêm thiếp trên vông với em.

Trước sân, bầy vịt hớn hờ rủa lòng cánh, lên tiếng « cạp, cạp » như rủa nhau về chuồng. Buồn bã, cảm động. Tầm cất tiếng ru em, giọng thiếu nào :

— « Chiều chiều vịt lợi kêu chiều, Bằng khuôn nhớ bạn chín chiều ruột đau ! »



★ LÀM PHƯỚC

Ba Mão bắt gặp trong túi Mão 5\$, liền hỏi Mão :

— Tiền đâu con có tới 5\$ lận ?

Mão vui sướng đáp :

— Hồi mới con lính làm phước nhưng làm phước hụt, Ba à.

Ba Mão ngạc nhiên :

— Con nói gì Ba không hiểu ?

— Hồi mới con đi ngoài phố con thấy 5\$ của ai làm rớt dưới đất. Con không định lấy nhưng lúc đó có một người mù đi qua, con động lòng thương nên cúi xuống lượm, con phứt sạch cát, rồi con xếp lại từ-tế định đem cho người mù làm phước, chẳng dè khi ngược mặt lên thì người mù đã đi đâu mất rồi ! Túng quá, con lật-đật « bỏ » vào túi.

TRẦN-NGỌC

T U Á N,

**chàng
trai
nước
Việt**



(Tiếp theo P.T. số 60)

★ **NGUYỄN-VỸ**

« **Q** U A N Công-sứ »
vui cười bảo Thầy
Ký Lê-văn-Thanh :
— Vợ mày đâu ? Mày
không giới-thiệu nó với chúng
tao à ?

Bà Đàm cũng hỏi Thanh :

— Chắc vợ mày đẹp lắm hả ?

Thanh không biết khiêm-tốn,
thật-thà khoe với bà Đàm, bằng
thư « tiếng bồi ba-rọi » :

— Oui, madame, ma femme
est plus jolie, elle est la premi-
ère plus jolie que dans cette
province.

(Dạ thưa bà, vợ tôi là đẹp hơn,
đẹp thứ nhất trong tỉnh này).

Các ông Tây bà Đàm đều cười
rồ lên. Họ cười vì chàng nói chữ
Tây trật bậy trật bạ, vì câu trả

lời khoe

khoan ngớ

n g ầ n.

Nưng, Lê-

văn - Thanh

tưởng là họ

khen, nên

chàng tỏ vẻ

hãnh-diện.

Chàng quay

ra đám bà

c o n, họ

hàng, làng xã, dân-chúng, đứng

xum-xít chung quanh, đông

nghet cả sân, cả hè, để coi

« ông Tây bà Đàm ».

Chàng nói lớn với họ :

— Vô biểu vợ tôi ra đây đề ra
mất cụ Sứ và các Quan lớn Bà
lớn.

Tức thì có hai ba người vội
vàng chạy vào trong nhà, nói to :

— Cô Ký đâu ? Cụ sứ và Cụ
lớn Bà kêu cô ra đề chào các
cụ các Quan ! Ra mau ! Ra
mau !

Tò-mò nhất là bà Đàm, vợ viên Công-sứ, một thiếu phụ Pháp, trẻ đẹp, chạc 30 tuổi. Bà muốn trông thấy lần đầu tiên một cô thiếu-nữ Việt-nam, con gái một nhà giàu nhất trong tỉnh, mà bà nghe nói có học chữ Quốc-ngữ, lại là vợ một viên thư ký, nghĩa là vào hạng « văn minh » nhất thời bấy giờ, xem nhan-sắc, lối ăn mặc, diêm trang, cử-chỉ, ngôn-ngữ của cô như thế nào.

Cô Ba Hoi từ trong nhà bước ra, có vẻ thẹn thùng và rất sợ-sệt. Cô vẫn mặc ba lớp áo màu dài đến đầu gối, quần đen, đi chun không, đầu búi tóc xức dầu dừa, mặt đẹp tự-nhiên không son phấn.

Trình - diện với các quan khách, cô vòng tay trước ngực, Juôn luôn cúi mặt xuống, không dám ngó ai cả, và không có một cử-động nào. Cô đứng yên như pho tượng. Viên công Sứ cười, bảo Thanh :

— May hầy bảo nó ngược mặt lên xem nào ! Nó có vẻ đẹp lắm.

Thanh quera mồm đáp « cụ sứ » :

— Ủy, mợ-xứ Lơ-Rê-di-đăng.

Rồi chàng khẽ bảo vợ :

— Cụ sứ biểu... ngược mặt lên.

(Thời bấy giờ, thanh-niên nói với vợ mới cười hay là người yêu, chưa biết gọi bằng « em »,

thường gọi rỗng không).

Cô Nguyễn-thị-Hoi ngượng-ngùng, bẽn-lẻn, khẽ ngược mặt lên một tý, một tý thôi. Bà đầm gật đầu, nói nhỏ với chồng :

— Nó đẹp đấy nhỉ.

Ông Tây cũng gật đầu :

— Không xấu.

Viên Công-sứ theo lễ-độ của người Pháp, đứng dậy, nghiêm-nghị nói với vợ chồng Lê-văn-Thanh :

— Chúng tôi thành thật cảm ơn cha mẹ anh và anh đã có lòng tốt mời chúng tôi đến dự buổi tiệc rất đẹp hôm nay, đề mừng đám cưới của anh, và nhân dịp vui này chúng tôi có lời chúc anh và vợ anh một hạnh phúc lâu dài một trăm năm.

Lê-văn-Thanh, tại vì không thông thạo chữ Tây lắm, nên chỉ biết đáp lại một câu cảm ơn cụt-ngắn :

— Mợ-xi, Mợ-xứ Lơ-Rê-di-đăng.

Xong, chàng bảo vợ vái chào « Cụ Sứ » và các quan. Nàng làm theo lời của Thầy ký Thanh.

Khi cô Nguyễn-thị-Hoi đi rồi, bà Đàm hỏi Lê-văn-Thanh :

— Sao coi bộ nói buồn thế ? Nó không có một tý nụ cười nào cả.

— Dạ thưa bà, nó sợ lắm.

Bà đầm hỏi « Tại sao ? ». Thanh không biết trả lời.

Các quan khách đều phì cười, nhưng cũng khen Thanh cười được vợ đẹp lắm và cô vẻ hiền lành.

Buổi tiệc vui-vẻ, kéo dài cho đến lúc trăng lên trên nóc nhà, vào cuối giờ Hợi (11 giờ khuya). Lê-văn-Thanh không ngồi bàn, luôn luôn vòng tay đứng bên cạnh ông Sứ đề «hầu hạ», và đối đáp những lúc các ông Tây bà Đầm hỏi chuyện về phong tục nước Việt-Nam.

Làng xã và dân đều ở châu chực ngoài sân, ngoài vườn, ngoài ngõ, đông như buổi chợ. Họ phải đợi khi Quan Sứ về, họ lại đánh trống, đánh chuông, và đốt ba chục bó đuốc, tiễn các quan ra đến ngoài đường. Quan Sứ, quan Phó sứ và hai bà đầm, lên ngồi xe hơi, chiếc xe hơi độc - nhất trong tỉnh, hiệu *Delahaye*, cao ngồng, và kêu rầm rầm, mà dân chúng không dám đến gần, sợ nó «hút» chết. Quan Tuần-Vũ lên xe song-mã, bánh sắt, hai con ngựa kéo. Các quan Tây khác đều cỡi ngựa, mỗi con ngựa đều có đeo lục-lạc quanh cổ, kêu leng-keng... leng - keng... khi ngựa chạy. Quan Phán Bích, Đầu-tòa, ngồi trên chiếc xe kéo nhà của ông, do một người «cu-li» kéo, và một người dân làng đẩy phía sau, cho xe chạy êm. Còn các quan khác đều đi bộ về tỉnh, nhưng có dân làng cầm đuốc

hộ-tống về đến cửa Bắc.

Tính ra tiệc cưới của Lê-văn - Thanh tốn hơn 300 quan tiền kềm. Đám cưới và nhất là bữa tiệc, vì bữa tiệc này quan-trọng hơn đám cưới, được dân làng, dân tỉnh, và bà con cô bác xa gần, bình-phẩm cả tháng chưa hết chuyện. Đại khái họ nói về cô Nguyễn-thị-Hội, và Lê-văn-Thanh :

— Cô Ký được Bà Sứ khen là xinh.

Cô Hai Nghĩa, em họ của Thanh :

— Chị Ký mặc áo đẹp quá, răng đen bóng cũng đẹp quá.

Chú trùm Chương tắc lưỡi :

— Thầy Ký nói tiếng Tây hay ghê ! Mình biết vậy, hồi đó mình học chữ Tây chơi, bây giờ cũng làm Thầy Ký rồi !

— Thầy xô tiếng tây đốp-đốp, quan Sứ bà Sứ hỏi gì thầy cũng trả lời trôi chảy hết. Thiệt là giỏi !

Mấy bà già và mấy cô gái ưa phê bình bà Sứ không ngớt. Thím Hương Kiềm bảo :

— Nè, Bà Đầm có hai cái vú to bằng hai trái bưởi lặn, bà con ơi !

Cả đám đồng phụ-hữ cười sặc-sụa. Bà Hương-Bộ nói chêm vào:

— To hơn trái bưởi nữa đó !

To hơn cái đầu thẳng Tý đây nè !

Bà chỉ cái đầu thẳng Tý bà ẩm trong tay, con bà vừa mới thôi-nói. Mấy bà mấy cô cười nghiêng cười ngả.

Cô Bồn Định, con gái Bà xã Bảy, hỏi :

— Sao Đầm họ đề vú tròn-vo vậy mà họ không mặc-cổ, thím Hương he ?

— Ờ, sao họ không mặc-cổ ! Người An-Nam mình thì lo ép cái vú cho nhỏ bớt, Đầm họ cứ đề vậy, vậy mà vẫn mình gì đâu ?

— Họ đề răng trắng - nhớn, không nhuộm, coi cái miệng họ trơ quá, há ?

Bà Xã Bảy khám phá một điều ghê hơn nữa, nhưng bà nói nhỏ-nhỏ, sợ đàn-ông nghe :

— Nè, Đầm họ không mặc quần !

Cả đám phụ-nữ cười lăn-lộn, cô Hai Bình té ho sù-sù, ho và cười sắc-sụ. Thím Hương Kiềm vừa nhai trầu, vừa hỏi :

— Sao chị biết họ không mặc quần ?

Câu hỏi không có câu trả lời, chỉ toàn là tiếng cười ồn-ào âm-ỉ cả nhà. Thím Hương Kiềm nhờ một bãi nước trầu đỏ ngòm trên hè, lấy tay chùi miệng rồi nói tiếp :

— Tui, thì tui thấy họ không biết ăn trầu. Hồi anh Ký nó

bưng khay trầu ra mời, bà Đầm hỏi gì đó rồi bả lắc đầu. Chỉ có Quan Tuần - Vũ và các quan khách An-nam ăn thôi. Tây với Đầm không ai ăn cả.

Cô bốn Định hỏi :

— Thím xã có thấy đôi giày của bà Đầm không ? Giày gì mà cái gót cao-ngheù, vậy mà họ đi không té, tài quá !

Bà Xã làm ra vẻ thông thạo :

— Tại Đầm họ bước đi thì hai cái móng dít lắc qua lắc lại, họ không té chớ sao !

Trong lúc phụ nữ phê bình bông-lơn về y phục của bà Đầm thì đàn ông cũng phê-bình ông Tây. Hầu-hết dư-luận dân làng từ lão thành đến thanh thiếu-niên đều có tính-cách vừa sợ-sệt vừa khôi-hải. Họ sợ-sệt vì ông Tây to lớn, lực lưỡng, « oằm-xư » và « Nhà nước Đại Pháp văn-minh ». Nhưng họ vẫn khôi-hải, chế-nhạo vì những cử chỉ phong tục kỳ-lạ của người Tây không giống với người mình. Họ vẫn mỉa-mai, đặt lên những câu ca-đạo và những bài về trào phúng đề-ngạo ông Tây. Nhưng đó là lén-lút. Chứ giữa đời sống mới của nước - nhà công khai đặt dưới quyền ông Tây, thì Lê-văn-Thanh được một dịp « oai » với làng xã, và bà con cô bác. Bây giờ ai cũng sợ chàng. Cô Ba Hợi cũng được dân làng kính nể. Cô đi ra phố, ai gặp cũng phải cúi

đầu, chắp tay chào : « Thưa cô Ký... »... « Thưa chị Ký »... « Thưa dì ký... ». Cho đến ông Tú Phong, nhà Nho học lão thành và được dân chúng kính phục, thầy học cũ của Lê-văn-Thanh, gặp hai vợ chồng ký Thanh ông cũng chào hỏi niềm-nữ : « Thầy ký ở trên Toà về đấy hả ? », « Thầy Ký đi lên Toà đấy hả ? »... « Cô Ký đi chợ hay đi đầu đó ? »... Nhất là từ năm 1915, tất cả các Kỳ th Hương thi Hội về Nho - học ở Trung kỳ đều bị bãi bỏ hẳn, do sắc - lệnh của « Hoàng-đế An-nam » tuân theo chính sách của « Nhà nước Bảo - hộ », ông Tú Phong coi bộ buồn-bã, tức-giận, nhưng không thốt ra một lời. Từ khi có sắc - lệnh mới của Vua, năm 1915, bãi bỏ Khoa cử theo lối xưa, học-trò ít đi học ông Tú Phong nữa. Một số đông thanh-thiếu-niên trong tỉnh bắt đầu nộp đơn xin học « Trường Nhà-nước », gọi theo danh-từ mới là « Trường Pháp Việt » — *Ecole Franco-Annamite*, hay là *Ecole Franco-Indigène*.

Nhưng chúng ta hãy tạm gạt lại những sự kiện lịch-sử này, trong một chương sau tôi sẽ nói tiếp. Bây giờ chúng ta trở lại đêm tân-hôn của Lê-văn-Thanh, chàng thanh-niên mới cưới vợ, năm 1915.

Sau khi các quan khách ra về rồi, ông Hương-Cả, thân-sinh

của chàng, gọi chàng vào nhà trong để nói nhỏ với chàng bằng một giọng rất nghiêm-nghị :

— Cha đã chọn giờ tốt để cho con « động phòng », trong đêm tân hôn của con. Con phải đợi đúng giờ Tý, ước chừng mặt trăng lên đến giữa sân, con mới được vô buồng làm lễ « Hoa-chúc » với vợ con.

Lê-văn-Thanh li-hôn sung-sướng lắm. Chàng chạy ra sân ngó lên trời, thấy trăng lơ-lửng trên nóc nhà, còn một xí nữa mới lên đến giữa sân. Chàng vào nhà khách ngồi chờ đợi rất ngoan-ngoãn.

Một lát lâu trăng lên gần giữa sân. Thanh không kịp hỏi cha, mừng quỳnh, len-lén chạy tới trước cửa buồng của chàng và đẩy cửa bước vào. Chàng cải then lại. Cô Nguyễn-thị-Hội bên-lên, đang ngồi trên một góc giường. Cô vẫn mặc y-nguyên cả ba chiếc áo lụa dài, không cởi ra. Thanh thấy một chiếc bàn mà ai đã kê sẵn nơi đầu giường lúc nào chàng không được biết. Trên bàn, đã đề một đĩa trầu cau tèm rôi, một bình rượu với hai cái chén nhỏ. Hai cây đèn bạch-lạp cháy liu-liu... Thanh đến trước mặt cô Hội, nhưng không đứng gần. Với một giọng run - run, gần như không ra tiếng, chàng nói ấp-úng, nằng ngỏi cúi mặt xuống nghe :

— ...Ơ... ơ... làm lễ động-

phòng... hoa-chúc...

Nói mấy lời đó, chàng cũng
rụt-rè, e-lệ. Nàng khế đáp :

— Thầy... lạy trước đi. (1)

— Lạy ông tợ bà Nguyệt...
hai... đứa... mình phải lạy một
lượt chớ.

Nàng đứng dậy. Chàng bước
đến bàn thờ Nguyệt-Lão, (2)
lấy bình rượu rót ra hai chén,
rồi thấp hai que nhang, đưa
cô Hợi một que, chàng cầm
một. Hai người đồng lạy. Xong,
chàng lấy một chén rượu đưa
cô Hợi :

—... Ơ... ơ... uống rượu...

Nàng đưa hai tay lễ - phép
nhận chén rượu, và nâng lên
uống cạn một lượt với chàng.
Chén rượu nhỏ thôi, chắc là
uống không say lắm.

Chàng lại lấy một miếng trầu-
cau, trao nàng :

—... Ơ... ơ... ăn trầu !

Nàng cũng đưa hai tay lễ phép
nhận miếng trầu tươi cau tươi
và đưa vào miệng nhai. Nàng
nhai nhỏ-nhẹ chậm-rãi, rất có
duyên. Chàng vừa ăn trầu, vừa
cởi chiếc áo gấm và áo dài trắng
ra treo trên tường, chỉ còn mặc
chiếc áo cụt. Chàng lên giường
nằm, miệng còn nhai trầu mồm-
mềm. Cô Nguyễn-thị-Hội cứ
mặc nguyên ba lớp áo hàng màu,
ngồi ghé một mép giường, cúi
mặt xuống ra chiều bối-rối, hai
tây mân-mê tà áo.

Tuy đã lên giường, nhưng Lê
văn-Thanh còn mắc - cỡ, nằm
quay mặt vào vách đất, làm
thình, miệng cứ nhai trầu không
ngọt. Một lát khá lâu, chàng cất
tiếng nói, nhưng không dám
ngoảnh mặt ra ngó cô vợ mới
cười :

— Cô Ba không cởi áo đi nằm,
kéo mết ? Khuya rồi... bây giờ
là giờ... Tý...

Nàng khế đáp : « dạ », nhưng
không dám cởi áo, cứ để nguyên
3 lớp áo hàng màu, nằm ghé
xuống bên lề giường.

Rồi mạnh ai nấy ngủ !

Gà gáy hết canh năm (vào
khoảng 5 giờ sáng), chàng chợt
tỉnh dậy, thấy vợ nằm sát cạnh
giường sắp té xuống đất, mới
nằm lại gần nàng, nắm tay lung
lay :

— Cô Ba..! cô Ba..! Nằm xit
vò, kéo té... Nằm xit vò...

Nàng vẫn nhắm mắt như ngủ
mê, nhưng cũng nghe lời chàng,
nằm xit vò một tý, một tý thôi.
Chàng hồi hộp sung-sướng, khế
đặt bàn tay lên cánh tay cô vợ
trẻ mà chàng nhìn thấy xinh
đẹp như nàng Tiên giáng thế...

(Còn nữa)

(1) Chồng làm quan, hoặc có
chức tước như Kỳ Thanh, thì
vợ gọi chồng bằng « Thầy ».

(2) Bàn thờ này chỉ kê tạm
trong phòng hoa-chúc, nội đêm
tân-hôn thôi.

PHÁT SÚNG CUỐI CÙNG

« *Mon dernier coup de fusil* »

..... ★ LAMARTINE
NGOẠI QUỐC ● AI-VIỆT phỏng dịch

HỒM ấy, tôi đi săn...
Bỗng tôi trông thấy
ở mé rừng kia, một
chú nai đang nhảy nhót vui
tươi giữa cành cây, ngọn cỏ,
còn đọng sương mai. Thình
thoảng nó vênh tai lắng nghe
tiếng động xào-xạt trong những
vòm cây cao nghệu, hoặc trầm
mình trong ánh nắng chan-hòa
của buổi ban-mai. Nó ngây-
thơ và vô tư lự quá!

Tôi vội đưa cao cây súng
hướng về con nai kia. Nhưng
một sự hối hận len lẩn vào
người tôi : tôi ngập ngừng
không muốn bóp cò, tôi không

muốn chấm dứt quá sớm một
cuộc sống hồn-nhiên, một tâm-
hồn ngây-thơ, vô-tội, một tâm
hồn trong trắng, vô-tư. Nhưng
thói quen đã bắt buộc tôi đưa
tay lên cò súng. Một tiếng nổ.
Một viên đạn bay đi ...Con nai
ngã gục xuống... và viên đạn
ác-nghiệt kia xuyên qua bả vai
con vật đang cố sức vẫy vùng
trên thảm cỏ non, giờ đây đã
loang đỏ.

Khi khói súng đã bay tan,
tôi nặng nề lê bước đến gần
con vật. Tôi lặng người đi :
con vật đáng yêu kia chưa chết
hẳn và kia, nó nhìn tôi với
đôi mắt đăm lẹ. Tôi làm sao

quên được cái nhìn ấy, cái nhìn đầy vẻ trách-móc, cái nhìn như thăm bảo tôi :

— “ Người là ai ? Có bao giờ ta làm hại người đâu ? Có lẽ ta yêu người đấy. Nhưng tại sao người lại giết ta ? Tại sao ? Tại sao người nỡ cướp mất một phần ánh sáng, một phần không-khí, một phần tuổi trẻ, một phần cuộc sống của ta ? Người có biết giờ đây mẹ ta, anh em ta, vợ con ta đang mong chờ ta về không ? Họ sẽ nghĩ gì, và họ sẽ ra sao khi họ bắt gặp vũng máu này, vài chiếc lông của ta đây ? ”

Tôi hiểu lắm, tôi hiểu sự khốn-khổ của chú nai kia. Và dường như cái nhìn ấy còn nói tiếp :

— « Hãy giết ta chết đi ! »

Không, tôi không muốn giết và dù phải trả với giá nào

tôi cũng cứu lấy ngay tâm-hồn vô tội ấy ! Nhưng tôi biết, tôi biết không thể được. Tôi ngoảnh mặt đi và tôi đành chấm dứt cuộc đời son trẻ kia bằng một phát súng thứ nhì và cũng là phát súng cuối cùng.

Tôi hoảng sợ vút nhanh khẩu súng quái ác kia và ôm mặt khóc. Vâng, tôi đã khóc, tôi kinh tởm tôi quá. Tôi không ngờ tôi ác độc và tàn nhẫn đến thế !

Con chó tôi, như cùng tôi chia xẻ nỗi đớn đau của con nai kia, không buồn ngửi lấy mùi máu còn tươi đỏ. Nó buồn bã nằm cạnh tôi, trong cái im lặng nặng-nề tang-tóc.

. . . Và từ đấy, tôi không săn nữa, tôi ghê sợ thú đi săn ấy rồi, tôi ghê sợ loại người chỉ biết thỏa-mãn cái tánh ích-kỷ của mình, đã vô tình cướp lấy sự sống của những con vật vô tội kia.



● NHẤT ĐỊNH CHẾT.

Trong nhà thương điên Biên-hòa, một bệnh-nhân bắt được con bọ chết, liền quăng nó ra cửa sổ. Thấy y-tá hỏi :

— *Anh tưởng ném nó ra cửa sổ nó chết sao ?*

— *Nó không chết thì nó cũng gây căng chó bộ !*

Một giấc Mơ hoa



(Tiếp theo P.T. 60)

★ Ngày 10.

● DUYÊN-HỒNG

THÀ Y Me xem cinê về, chị Mai hỏi Me phim có hay không, Me chỉ bảo : « Mày với con Vân muốn đi thì đi. ». Thế là bà Vân và bà Mai hăng-hái đi ngay. Hồng, chẳng ai nói tới.

Nhưng Hồng đã quyết định rồi : thế nào Hồng cũng đi xem. Xem cho biết tại sao phim ấy lại « cấm các em dưới 18 tuổi » ? Hai vấn-đề phiền-phức : Làm sao xin tiền bà Cụ để đi xem ? và đi vào giờ nào được ?

★ Ngày 11 — 9 giờ.

Tại sao Hồng cứ nhớ nhớ anh Hải nhỉ ? Nhớ như thế có phải là « tương-tư » không ? Me bảo « tương-tư » như cô Kiều nhớ chàng Kim-Trọng, nhưng Hồng đâu phải là cô Kiều và anh Hải đâu phải là Kim-Trọng ? Hồng chỉ quen biết anh Hải thôi, gặp anh ấy mới có một lần hôm Tết ở nhà anh và Mỹ-Thanh.

Hồng thử « phân-tách » tại sao từ hôm gặp anh Hải, Hồng cứ như là... Hồng cứ « nghĩ » đến anh Hải mãi? Có phải tại vì hôm Tết anh ấy khen Hồng đẹp, « đẹp nhất cả xứ Sài-gòn này », (nghĩa là đẹp hơn cả chị Mai chị Vân nữa đấy.)?

Tại vì hôm Tết anh cứ nhìn Hồng với cặp mắt... thế nào ấy..., cái nhìn làm cho tâm trí của Hồng như thể lần đầu tiên bị bối-rối..., bàng hoàng..., rung động...?

Hay tại vì Hải gửi cho Hồng tấm Carte de Bonne année với mấy câu khen tặng triu-mến?

Ồ, trước cảm-tình chân-thật của anh, Hồng phải thú-nhận rằng Hồng tự cảm thấy mình còn ngây-thơ qua, bé-bóng quá, chưa hiểu gì cả...

Nhưng sao Hồng lại « nghĩ » đến anh mãi thế?

Nghĩ thoáng qua thôi, trong giờ học, giờ chơi, giờ nghỉ... Hình ảnh của Hải thỉnh-thoảng hiện ra trước mắt Hồng, với một nụ cười duyên dáng và cặp mắt mơ-mộng xạ-xăm. Lại nhất, là từ khi gặp anh một lần đầu tiên cho đến nay, mỗi lần Hồng trông thấy ngoài phố một chàng thanh-niên nào đi đàng trước mà nán-ná như anh thì Hồng cứ tưởng là anh Hải...

Hồng muốn gặp lại anh lần thứ hai xem sao. Thí dụ gặp lại thì không biết Hải còn nhìn Hồng với cặp mắt... « thế nào ấy » nữa không?

Ồi thôi! Chuyện « tâm-sự » của Hồng sao mà rối-ren thế! Có nhẽ tại vì Hồng còn ngây thơ cho nên Hồng cứ hoang mang... chả đâu vào đâu cả.

À mà quên, anh Hải nhận được tấm carte Nhật-Bản của Hồng, anh ấy nghĩ sao nhỉ? Hồng viết mấy câu đứng-dấn như thế, có gì làm cho Hải buồn phiền không?

Sao Hải không trả lời?

✱ Ngày 12.

Gặp Lành (Đệ-Ngũ) đi phố Bonard với chị nó, cả hai đều mặc quần ống túm bằng tissu vàng sọc đen giống như da beo, sơ-mi rần-rỉ, giày cao-gót. Giá Hồng muốn mặc như thế, chắc Mẹ không cho.

★ Ngày 13 — 7 giờ.

Xin tiền Me để chiều mai, thứ Bảy, đi xem ciné, nói dối với Bà Cự là xem phim trinh-thám ở rạp Casino, và đi với Loan.

Đã dặn Loan 2 giờ rưỡi chiều đến nhà xin phép Me cho Hồng đi.

● 9 giờ.

Nghĩ chuyện anh Hải bảo Thanh rủ Hồng đi xi-nê với anh ấy, Hồng bắt rùng mình ! Hồng đi với Thanh thì chả sao, chứ có anh Hải nữa... eo-ôi !... mấy con bạn bắt gặp thì ê ! Dù sao, Hồng là con gái mới nhớn lên, đi với người con-traí, «lạ», Hồng chẳng dám. Chị Mai táo-bạo thật, đi ngang-nhiên với anh chàng Râu-sâu-róm như thế vợ-chồng ! Hồng chịu thôi. Lạy giới, hôm nào cho Thầy hay Me bắt gặp hai cô cậu đi như hôm nọ, để xem ra làm sao ! Thế nào Me cũng cho chị ấy một trận !

Hồng quyết làm phóng-viên «do-thám» và «điều-tra», để xem anh chàng «Râu-sâu-róm» là ai ?

★ Ngày 14 — 6 giờ.

Loan đúng hẹn. 2 giờ 30 đến nhà, ngoan-nguãn thưa với Me :

— Thưa Bác, con xin phép Bác cho Hồng đi xem ciné với con ạ.

Bà Cự hỏi đi xem phim gì ở rạp nào. Loan cũng thưa là phim trinh-thám ở Casino. Meừ và cho Hồng 20\$. Hai đứa mừng cuồn quít, ra gọi taxi thẳng lên Đại-Nam xem phim «cắm các em dưới 18 tuổi». Hồng và Loan đã bảo nhau trước là phải mang giày cao gót, và cầm «xắc» cho ra vẻ người nhớn, thì họa may người ta mới cho vào. Loan lại còn đeo «xu-chiêng» to tướng ! Loan bảo là «để khiêu-khích với người lính cảnh-sát nếu lính không cho vào» ! Hồng thẹn quá, đẩy Loan vào mua vé. Loan chen vào, có người đàn ông đứng né một bên nhường cho Loan mua vé trước. Cô bán vé cười hỏi :

— «Cô đã 18 tuổi chưa ?» Loan làm ra vẻ đững-đắn bảo :

— Tôi 20 tuổi.

Nhưng người cảnh-sát đứng kế bên hỏi :

— Xin lỗi cô, cô cho xem thẻ kiểm-tra.

— Tôi có thẻ học-sinh, chứ không có thẻ kiểm tra.

— Thẻ học-sinh cũng được.

Loan mở «xắc», lấy thẻ học-sinh.

Cảnh-sát xem, bảo :

— Cô sinh năm 1939, mới có 17 tuổi,

Loan lĩnh-quỳnh cái :

— Nhưng tuổi thật của tôi là 20 tuổi.

Người cảnh-sát trả thẻ học-sinh cho Loan, và bảo :

— « Xin lỗi cô, tôi cứ theo thẻ kiểm-tra. Đã có lệnh cấm các cô dưới 18 tuổi, cô cảm-phiền vậy.» Loan còn muốn cãi bướng, nhưng người vào mua vé mỗi lúc mỗi đông, và toàn là người nhón, Loan phải đi ra. Không biết làm cách nào vào xem được, Hồng và Loan đành phải quây ra đi Casino xem phim trình-thảm vậy. Thế là ở nhà Hồng nói dối Me, mà bây giờ thành ra nói thật !

Hai đứa cười mãi !

● 10 giờ

Lúc này, trong lúc ăn cơm, Hồng nhất định nói ra cho hết cái tức. Hồng biết là Thầy Me hiền lành, và cùng Hồng, không mắng Hồng đâu, nhưng chắc chắn là Hồng sẽ bị chị Mai tấn-công, kịch-liệt. Mặc, Hồng cứ nói, chứ không thì cứ chừa mãi cái tức ở trong lòng, chịu không được. Hồng bảo :

— Thưa Me, con không hiểu sao người ta lại cấm con gái dưới 18 tuổi, không được xem cái phim «Nam-Nữ y-học...» Me nhĩ? Biết ngay là bà Mai được dịp trở tài tấn-công trước nhất:

— Có một câu ấy mà con Hồng cứ hỏi mãi !

— Em không hiểu thì em hỏi.

Thầy cười một nụ hiền-lành đáng yêu :

— Chắc là con muốn mua vé vào xem nhưng người ta không cho vào, phải không ?

Hồng chối ngay :

— Thưa Thầy không ạ. Lúc chiều con với Loan đi xem phim trình-thám ở rạp Casino ạ. Nhưng tại con thắc-mắc về cái phim «Nam-Nữ Y-học» không biết phim ấy nguy-hiểm như thế nào mà tại con không được xem ?

Mọi người đều im lặng. Không-khi hơi nặng-nề. Chị Vân phê bình :

— Em hay tò-mò quá, Hồng à. Có những chuyện em không nên hỏi.

Me bảo chị Vân :

— Vân, hôm nọ mày đã xem cái phim ấy rồi, mày thấy như thế nào nói cho con Hồng nó nghe.

Chị Vân đáp :

— Thưa Me, có gì đâu mà nói ạ.

Chị Mai nói Me :

— Me cứ chịu con Hồng, rồi nó quen nết.

Chị Vân nói tiếp :

— Hồng có tính tò-mò. Chuyện gì nó cũng muốn biết, không biết thì nó hay hỏi. Nhưng nó hỏi nhiều câu ngớ-ngẩn lắm... Phải không, Hồng ? Chị với chị Mai đã xem cái phim ấy rồi. Thầy Me cũng có xem. Chẳng có gì đáng cho em biết cả. Một phim khoa học để cho người nhàn xem. Hồng chưa đến trình - độ hiểu - biết về những vấn-đề ấy.

— Phim khoa-học thì em xem em hiểu chứ.

— Khoa học về... nam-nữ..., về...

— Em là Nữ, sao em không được xem ?

— Chuyện đàn ông đàn bà..., chuyện thai-nghén..., chữa đẻ..., em chưa đến tuổi hiểu biết những chuyện ấy.

— Em thấy họ chiếu những cái phim đàn-ông đàn-bà hôn-hít với nhau, như cái phim em xem với Thầy Me dạo nọ, Elisabeth Taylor với người đàn ông nằm trên bãi biển, trong kịch-cỡm làm sao, thế mà họ cho tại con nít như em đi xem. Phim Mỹ cái nào cũng toàn là hôn và hôn, nữ minh-tĩnh thì mặc áo để hở

cả một bộ ngực khiêu-khích, quần thì mặc có mỗi một cái xilíp, gặp người đàn ông nào cũng hôn, hôn, hôn ! Đến đổi em phải bắt sợ, em bịt mắt lại, em không dám ngó nữa, thế mà họ không cấm, họ cho chớp tự-do, bọn con trai con gái tha hồ xem ! Còn cái phim Nam-nữ khoa-học thì có gì mà họ cấm ? Em cho thế là giả-dối. Là đạo-đức giả cây ! Là « lành-mạnh » bần-thiếu ! Tuy em là con nít, « dưới 18 tuổi », nhưng em nhất-định đả-kích những cái giả-dối đó !

Cả nhà ngồi làm thinh. Thầy thì cứ tùm-tum cười, Nụ cười của Thầy hiền lành đáng yêu đáng kính làm sao !

Một lúc lâu chả hiểu chị Mai ngẫm-nghĩ thăm-thía thế nào mà thở ra một câu :

— Con bé này ghê thật !

(Còn nữa)



★ CỬU CHƯƠNG

Ông Thanh-tra học-chính đến khám một lớp học toán ở Đê-Thất, mà học trò nhiều cậu không thuộc cửu-chương. Ông hỏi một trò :

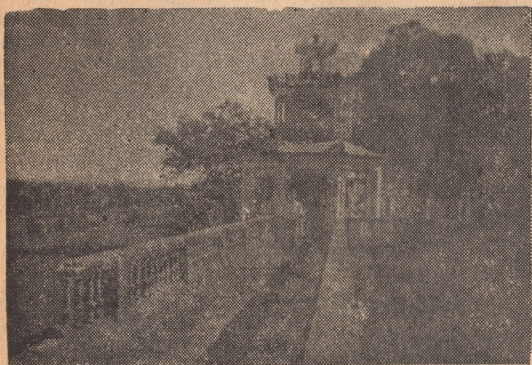
— 4 lần 4 là mấy ?

— Dạ, 4 lần 4 là 15.

Thầy giáo muốn bênh vực cho học trò, liền nói với ông Thanh-tra :

— Thưa ông, nó trả lời cũng gần đúng đấy, chỉ sai có 1 con số thôi.

CA-DAO BÌNH-ĐỊNH



(Lăng Võ-Tánh ở Đập-Đá, Bình-Định)

BÌNH-ĐỊNH là một trong những tỉnh của Trung-Việt, nằm sát cạnh bể Nam-hải, với tỉnh-ly Qui-nhon.

Bình-Định, nơi phát-xuất ra nhiều bậc anh-tài như : ba anh em Tây-Sơn, Bà Bùi-thị-Xuân, Ông Lê - Chắt, Ông Mai - xuân-Thưởng, ông Ngô - tùng - Châu, ông Đặng-đức-Siêu, ông Tăng-bạt-Hồ v.v... Ngoài ra, Bình-định còn có nhiều di-tích lịch-sử cổ-kinh với những thắng cảnh đẹp để nên thơ như : thành Đồ-bàn, lăng Võ - Tánh, các ngọn tháp

★ TRẦN-NHÂM-THÂN

Chùa, chùa Ông Núi, chùa Hang, Suối-tiên, v. v...

Giờ đây, chúng ta xét xem Bình-định qua các câu ca-dao.

Có lẽ ở Bình-định nghề võ thịnh hành hơn đâu hết. Ca-dao có câu :

Ai về Bình-định mà coi

Con gái Bình-định múa roi di quyền.

Phụ-nữ Bình-định còn biết võ huống chi là đàn ông. Tuy-nhiên

nghề võ ở đâu có chỗ, chứ không phải nơi nào cũng có :

Võ An-Thái, gái An-dinh.

« *Trai An-Thái, gái An-dinh* » có tiếng là hùng và có nhiều võ nghệ. Ngoài ra, tất cả con gái Bình-định đều là người nét-na duyên-dáng, thùy-mị :

*Con gái Phú-yên một tiền ba
dừa,*

*Con gái Bình-định một dừa ba
trăm.*

Nhiều khi con gái Bình-định hóa ra vô-vị không còn tính-chất của người đàn - bà đảm đang việc nội trợ nữa :

Tiếng đồn con gái Phú-trung,

*Nấu cơm không chín, giở vung
coi hoài.*

Xưa kia, Bình-định là nơi thi-cử của các triều-đại ; nhưng qua các kỳ-thi không lần nào người Bình-định được hân-hạnh thủ-khoa, nên có câu :

*Tiệc công Bình-định xây thành
Đề cho Quảng Ngãi vô giành thủ-
khoa*

Không những người Bình-định thua người Quảng-ngãi mà còn có tính rụt-rè hay câu-nệ :

Quảng-nam hay cãi,

Quảng-ngãi hay co

Bình-định hay lo

Thừa-thiên nich hết

Nhưng người Bình-định hay nhớ ơn những người có công-trạng với tổ-quốc :

*Ngó lên hòn tháp Cánh-tiên
Cảm thương ông Hậu (1) thủ
thiền ba năm (2).*

Đến nỗi một tướng cướp có danh chuyên môn lấy của nhà giàu để phân phát cho kẻ nghèo họ cũng thương tâm :

*Chiều chiều én liệng truông
mây*

*Cảm thương chú Lía bị vấy trong
rừng*

Người Bình - định cũng là người đa-tình nhưng kín đáo thâm trầm :

*Anh về Đập-dá đưa dò,
Trước đưa quan-khách sau dò ý
em...*

Đề trao đổi sản-phẩm giữa người đồng-nội và kẻ dân-chài họ có câu :

(1) Ông Hậu : ý nói Võ-Tánh (Hậu quán Võ-Tánh)

(2) THỦ THIỀN BA NĂM : Võ-Tánh cùng Ngô-tùng-Châu giữ thành Đồ-bàn từ năm 1799 đến 1801 (tính theo Âm-lịch thì được 3 năm).

Anh về nhận với nội (3) nguồn
Mãng-le gói xuống, cá chuẩn gói
lên

Và để oán than một chế độ
giặc-giã, vợ phải xa chồng, họ
có câu :

Đổ anh con rết mẩy chần,
Tàu Ó mẩy nhíp, chợ Dinh mẩy
người ?

Chợ Dinh bán nón quan hai
Bán tua quan một, bộ quai năm
liền

Năm tiền một gia đồ xanh
Một cán đường, cái dĩa anh lên
đường.

Chàng ra đi vì bìn-rịn và vai
mang gươm giáo nên không thể
nhận được món quà của nàng
tặng. Chàng đành thôi. Nàng trả
lời giúp :

Thôi thôi đường cát làm chi
Đổ xanh làm gì có ngại thì thôi.

Ca-đao Bình - định còn rất
nhiều, song đây là một vài câu
trợng trưng thôi. Muốn dẫn
chứng thêm nữa cũng không
hiếm gì.

TRẦN-NHÂM-THÂN

(3) Nội : tiếng địa - phương, có
nghĩa là họ, người ta, kẻ.



★ TẾ XUỐNG MƯƠNG

Trò Xuân đi học về, quần áo bị dính bùn bẩn hết. Má trò tức giận,
hỏi :

— Con làm gì mà quần áo đầy bùn thế kia ?

— Thưa Má, con chụp con ếch, bị té xuống mương....

— Trời ơi, cái quần mới may, mà con không biết giữ gìn,

— Thưa Má, con lo chụp ếch, đâu có thì giờ cời quần !

PHÓ HÀ và

NGUYỄN - PHIÊN

★ THIẾU-SƠN

MỘT kỳ trước, chúng tôi đã nói tới Tế-Túc, một quyền - thần ở nước Trịnh, đuổi vua cũ, lập vua mới, một tay chuyên-chế rừng - hoành làm cho Lệ-Công nhò va mà cướp được ngai vàng rồi lại vì va mà phải bỏ ngai chạy trốn. Lệ-Công tức là Công-tử-Đột sau khi chạy qua tị-nạn bên nước Thái bèn mưu chiếm ấp Lạc làm căn-cứ để chờ ngày phục-quốc.

Trịnh-chiêu-Công tức Công-Tử Hốt bị đuổi đi rồi lại được kêu về phục-vị nhưng đã bắt đầu nhòm góm cái tâm địa xấu xa của Tế-Túc.

Tế-Túc sai Phó-Hà đem binh đồn nơi Đại-Lăng chặn chân nẻo Lệ-Công từ Lạc-Ấp kéo về đánh Trịnh.

Nhưng trong khi Phó - Hà lo chặn đường Lệ - Công, thì ngay trong nước Trịnh vẫn xảy ra nội phản. Chiêu-Công ở ngôi được thêm 3 năm thì bị nghịch thần giết chết và tôn Công - Tử Vĩ lên thay thế. Chẳng bao lâu, chính Công - Tử - Vĩ và kẻ nghịch - thần bị vua Tề giết chết để thi-hành pháp-luật của nhà Châu đối với loạn-thần tặc-tử. Một quan đại-phu là Thúc-Thiểm đề-nghị rước Lệ-

Công về nhưng đề-nghị đó bị Tể-Túc phủ-quyết. Công-Tử Nghi được tôn lên đề thay-thế. Một quan đại-phu khác là Nguyên-Phiền luôn luôn không có ý-kiến trong những việc thay vị đời ngôi ở Trịnh.



Trong khi nước Trịnh một ngày một lụn bại thì nước Tề trở nên cường-thạnh, nhứt là sau khi Tề-Hoàn-Công đã giành được ngôi vua và có Quân-Trọng giúp sức đề mưu-đồ bá-nghiệp. Hoàn-Công cho một đạo-binh qua Lạc-Ấp tiếp-viện cho Công-Tử Đột đề lôi kéo nước Trịnh vào vùng ảnh-hưởng của mình.

Phó-Hà trấn giữ Đại-Lăng đã chống chọi với Tử-Đột suốt 17 năm trường thành-linh thấy quân-đội Lạc-Ấp được tăng-cường và kéo qua khiêu-chiến. Phó-Hà lo đối địch ở mặt trước thì quân Tề đã đi vòng mặt sau đề đánh úp và chiếm thành Đại-Lăng.

Phó-Hà liệu sức cự địch không nổi, bèn xuống xe đầu hàng. Tử-Đột thấy mặt Phó-Hà thì nghiến răng, trợn mắt, nạt nộ quân-sĩ, khiến chém cho mau. Phó-Hà la lớn rằng : "Minh-Công không muốn về Trịnh nên

mới tính giết tôi". Tử-Đột kêu lại hỏi thêm thì Phó-Hà thưa : «Nếu Minh-Công tha tội cho tôi thì tôi lấy đầu Tử-Nghi mà nạp cho Minh-Công.» Tử-Đột hỏi : «Ngươi có kế chi mà giết Tử-Nghi dặng. Hay là ngươi muốn đổi ta đề thoát thân ?» Phó-Hà thưa : «Bây giờ Tể-Túc đã chết. Việc quốc-chánh đều về tay Thúc-Thiểm. Mà Thúc-Thiểm là người giao-hậu với tôi. Tôi sẽ lên về toan mưu với Thúc-Thiểm thì ắt là đầu Tử-Nghi có thể đem nạp cho Minh-Công dặng.» Tử-Đột mắng rằng : «Lão-tặc kiêu-cố gạt ta, dặng cho ta tha về rồi hiệp với Thúc-Thiểm mà chống cự với ta». Tướng-Tề là Tân-Tu-Vô nói : «Vợ con Phó-Hà còn ở Đại-Lăng, vậy thì giam lại ở Lạc-Thành dặng làm tin». Phó-Hà cúi lạy mà rằng : «Nếu tôi thất tín thì xin giết vợ con tôi.» Nói rồi ngửa mặt lên trời mà thề. Tử-Đột nghe theo và cho đi.

Phó-Hà về tới Trịnh vào lúc nửa đêm, lên tới ra mắt Thúc-Thiểm mà báo-cáo tự sự rồi lại còn mưu tính việc giết Tử-Nghi đề đầu hàng Tử-Đột. Thúc-Thiểm làm thinh giây lâu mới đáp lại

rằng : « Ngày trước ta cũng quyết ý rước Lê-Công về song vì Tế-Túc ngăn trở nên mới phải lập Tử-Nghi. Bây giờ Tế - Túc thác rồi, ấy là Trời giúp Lê-Công đăng ngôi. Nếu ta cãi Trời ắt mang họa lớn, nhưng không biết liệu kế thế nào ? » Phó Hà nói : « Bây giờ phải thông-tin ra Lạc-Thành mà khiến mau mau tấn binh. Khi ấy ông sẽ giả chước ra thành cự-dịch. Tử Nghi sẽ lên thành thị-chiến. Chừng ấy tôi sẽ ra tay. Ông sẽ ra dắt Lê Công vào thành là nên việc. » Thúc Thiềm nghe theo, bèn sai người đem thư cho Tử Đột.

Mặt khác, Phó Hà ra mắt Tử Nghi mà nói binh Tề giúp Tử Đột đã lấy được Đại Lăng. Nước Trịnh từ lâu vẫn giao-hiệp với Sở, Tử Nghi bèn bảo Thúc Thiềm cấp báo đề cầu cứu với Sở. Thúc Thiềm cố ý chậm-trễ đã hai ngày mà chưa sai sứ đi. Thành-linh quân-sĩ báo tin : « Quân Tề đã đến bên thành ». Thúc Thiềm nói với Tử Nghi : « Đề tôi đem binh ra cự. Chúa-Công và Phó Hà thì lên thành mà cố-thủ. » Tử Nghi ưng thiết làm theo.

Thúc Thiềm làm bộ ra đánh rồi hiệp rồi quay xe chạy trở lại.

quân Tề áp rước theo. Phó Hà đứng trên thành la lớn : « Binh Trịnh đã thua rồi. » Tử Nghi hoảng sợ vụt chạy xuống thành. Phó Hà thừa thế đâm một giáo nơi sau lưng, Tử Nghi nhào chết. Thúc Thiềm khiến mở cửa thành, Tử Đột, Tân-Tu Vô giục binh xông vào. Phó Hà còn chạy vào cung giết hai người con của Tử Nghi rồi mới trở về trào tôn Tử Đột lên ngôi Trịnh-bá lại.

Lê-Công hậu-thường Tân-Tu Vô và hện sẽ thân qua Tề hội minh-ước.

Lê-Công nói với Phó Hà : *Người giữ Đại-Lăng 17 năm, hết sức ngăn cự với ta, tức là lòng trung với chúa cũ. Sao lại tham sanh, úy tử thì chúa cũ mà phò ta. Lòng người biến cải như vậy thật là khó lường ! Nay ta quyết ý báo thù cho Tử Nghi. »* Nói rồi bèn khiến võ-sĩ dẫn Phó Hà ra chém. Còn vợ con thì không làm tội.

Nguyên-Phiên cáo bệnh không đi châu. Lê-Công sai người đến trách như sau : « Lòng của Phó-Hà hay dời dỗi. Luật của nhà Châu không dời dỗi, ta đã trị tội Phó-Hà. Ta có hứa : những kẻ giúp ta mà không hai lòng sẽ được làm thượng đại-phu. Ta

muốn cùng ông bàn việc ấy. Và chẳng, lúc ta đi, ông không có một lời đề-nghị đem ta về. Lúc ta về, ông cũng không nghĩ gì đến ta. Ta rất lấy làm căm-giận.»

Nguyên-Phiên trả lời : «Tiên quân giao cho tiên-nhơn của hạ-thần gìn-giữ tôn-miếu. Xã-tắc khi ấy đã có chủ. Vậy còn bảo uổng đến chủ khác tức là hai lòng. Đã làm chủ xã-tắc thì dân trong nước ai không phải là bề tôi ? Làm tôi không hai lòng, đó là luật thiên-nhiên. Công-Tử Ngli ở ngôi 14 năm. Nếu mưu đem chúa-công về, như thế có hai lòng không ? Trang-Công có 8 người con. Nếu mỗi người đều hồi lộ bằng tước-vị để khuyến-khích bá-quan ở hai lòng và nếu thành sự cả thì Chúa-Công mới nghĩ sao ? Nhưng thần xin tuân mạng. »

Nói rồi thất cồ chết.



Bàn về việc Lệ-Công giết Phó-Hà, và Nguyên-Phiên, Đông-Lai tiên-sinh cho rằng cả hai người đều đáng chết vì nội-phản là một cái họa thì trung-lập lại là một điều gian. Cái họa nội-phản ai cũng thấy được mà cái gian trung-lập thì thật là tế-nhĩ khôn lường. Ta hãy nghe bản cáo-trạng của tiên-sinh :

«Lệ-Công vì thù riêng mà hại Nguyên-Phiên đành là chuyện không chánh-đáng... nhưng biết đâu trời không muốn tay Lệ-Công để răn dạy kẻ làm tội ? Xem câu trả lời của Nuuyên-Phiên : «Đã làm chủ xã-tắc thì dân trong nước ai không phải là bề tôi ? Vậy thì ai chiếm ngôi vàng sẽ được ta tôn-thờ, chẳng lựa chọn ai cả ! » Theo thuyết đó thì kẻ cướp ngôi cũng là vua, kẻ tiếm-vị cũng là vua, kẻ trộm ngôi cũng là vua ! Làm tôi mà giữ lòng đó thì làm vua sẽ nương cây vào đâu ? Thất Nguyên-Phiên gian-khung quá đỗi !

Than ôi ! luận về tội của thần-tử thì đến phản-bội là cùng tội, nhưng khi thành thì công-khánh, lúc không thành thì bị mổ phanh. Vậy thì được với mất còn là phản hai. Đến như kẻ giữ trung-lập thì tự nghĩ không tới chỗ nào là không đặc chí : nước còn hay mất, vua lập hay phế, thời trị hay loạn, dân an hay nguy, ta không cần biết đến. Khi tước lộc ta còn vẹn nguyên thì những việc trên có đự gì đến ta ? Dụng-tâm như thế là xảo thật ! Nhưng trung-lập đến như Nguyên-Phiên có khi cũng bị Trịnh-Lệ-Công giết hại. Vậy

thì ở trong đời, muốn cho ai cũng dung-túng mình cả, đâu có phải là một kẻ trường-cửu ! đâu có phải là tránh khỏi họa luôn luôn !

Vì lẽ đó, ta mới nêu gương Nguyên-Phiền bị hại để làm bài học cho các sĩ-phu ham trung-lập.»



Lời buộc tội trên đây thật là gắt gao và cũng thật là hùng-hồn. Nhưng nếu ta phân-tách những lời của Nguyên-Phiền đã nói ra để biện-hộ cho mình thì ta thấy rằng những lời nói đó cũng đáng cho ta phải lưu-ý. Lệ-Công nói : «Lòng của Phó-Hà hay dòi dôi. Luật của nhà Châu không dòi dôi». Và Lệ-Công mặt sát kẻ hai lòng. Nguyên-Phiền trả lời rằng ông có bòn-phận giữ tôn-miếu và khi xấ-tắc đã có chủ thì ông không được phép ngó tới một người chủ thứ hai vậy thì ông đâu phải là kẻ hai lòng. Trang-Công chết để ngôi lại cho Chiêu-Công. Lệ-Công về đoạt ngôi làm cho Chiêu-Công phải chạy trốn. Chiêu-Công về lại đuổi Lệ-Công đi. Rồi Chiêu-Công bị thí. Hai Công-tử Vĩ, Nghi thay nhau kế-nghiệp cho tới ngày Lệ-Công lại phủ về phục-vị. Trong tất cả những biến-cổ kể trên. Nguyên-

Phiền đều không hề can-dự và luôn, luôn tuân theo mạng lệnh của những vua tại-vị, tức là của những chánh quyền hợp-pháp. Pháp-luật của nhà Châu không dòi dôi thì Nguyên-Phiền chính là kẻ biết tôn-trọng pháp-luật của nhà Châu. Hơn nữa pháp luật nhà Châu không dung-túng những loạn-thần tặc-tử thì Lệ-Công là em, mà dựa vào thế-lực ngoại-quốc về đoạt ngôi của anh là Chiêu-Công, hỏi chính Lệ-Công có tôn-trọng pháp-luật của nhà Châu không ? Lệ-Công nện viện những có khác đề lên án Nguyên-Phiền chứ không nên nói tới pháp luật khi chính mình đã làm việc phi-pháp và thương-luân.

Thật ra, Đông-Lai tiên-sinh lên án Nguyên-Phiền không phải là quá đáng vì sự trung-lập của ông không phải là một lập-trường mà chỉ là một mảnh-lời giao-ngoan, xảo-quyệt. Thật sự không phải là ông chỉ biết có tôn-miếu xấ-tắc mà không thêm biết tới cá-nhơn của kẻ ngồi trên ngai vàng. Chẳng qua vì ông sợ trách-nhiệm nên không dám can-dự vào những âm-mưu, đảo-chánh và đã khéo ăn mình dưới bức-trường-thành của pháp-luật.

Thái độ của ông rất phổ biến, tâm lý của ông rất phổ thông trong giới quan-lại và công-chức Đông, Tây, Kim, Cồ. Đành rằng sợ trách-nhiệm cũng nhiều khi không tránh khỏi trách-nhiệm, nhưng cũng nhờ sợ trách-nhiệm mà không dám làm những chuyện nguy-hiểm phiêu-lưu. Bọn người sợ trách-nhiệm đông quá nên số phản-thần loạn-tướng chẳng có được bao nhiêu trong những năm khủng-hoảng ở nước Trịnh. Nguyên - Phiền đã nói một câu chí-lý : « Trang-Công để lại tám người con. Nếu mỗi người đều hối-lộ bằng tước-vị để khuyến-khích bá-quan hai lòng và nếu thành sự cả thì chúa-công mới nghĩ sao ? » Nếu tám vị công-tử đều kết phe, lập đảng được để giành giật một chiếc ngai vàng

thì cuộc nội-loạn ở Trịnh sẽ nghiêm trọng hơn nhiều và chưa chắc chiếc ngai vàng đã có thể hai lần lọt vào tay Trịnh Lệ Công. Và như thế là nhờ ở đặc tính hùng - hậu của những kẻ tiêu-cực và sợ trách-nhiệm như Nguyên-Phiền.

Đành rằng thái độ trung-lập theo kiểu Nguyên-Phiền không đáng đề-cao nhưng giết ông không phải là một việc làm xứng-dán của Lệ-Công và cũng không phải là một bài học cho giới sĩ-phu.

Dưới chế độ quân-chủ hay bị cứ dưới một chế độ nào bài học có giá-trị luôn luôn phải là bài học khắc-kỷ và khoan-hồng của người lãnh-đạo. Bài học như thế một người như Lệ-Công không thể cho ta được.



★ THẦY BÓI

Có người hỏi nhà Văn-hào Tristan Bernard :

— Theo ông, có nên tin thầy bói không ?

— Không. Có lần tôi đến gõ cửa một chú thầy bói, hẳn là biết ai, phải hỏi : « Ai đó ? »

TÀI NÓI LÁI

của NGUYỄN - CÔNG - TRỨ

★ LƯƠNG-TRỌNG-MINH

Nào thơ, nào rượu, nào địch, nào
đòn

Đờ thích-chí chất đầy trong một
túi ! »

Chàng nghệ-sĩ tài hoa son
trẻ Nguyễn-công-Trứ, trong lúc
thư sinh bạch diện thường vẫn
chênh choáng, để tâm hồn phóng
túg :

« Hẹn với lợi danh ba chén rượu
Vui cùng phong nguyệt một bầu thơ
Chuyện cổ kim so sánh tựa bàn cờ
Riêng vui thú giang sơn, phong
nguyệt
Mặc xa-mã thị thành không dám
biết

Thú yên-hà trời đất để riêng ta
Nào ai, ai biết chăng là... »

THUỞ hàn-vi, Nguyễn-
công - Trứ vẫn thường
giao du với tạo nhân
mặc khách bốn phương. Các ông
hạn văn-nhân, tâm đầu ý hiệp
thường lui tới với nhau, xướng
họa ngâm vịnh ra chiều đắc ý
lắm.

Thuở ấy, chàng trai Nguyễn-
công - Trứ tuy không « thất
nghiệp, trí không tiến » và cũng
không « thất - thiếu chiều xuân
trên vĩa phố » như thanh-niên
thời nguyên tử chúng ta, nhưng
anh chàng họ Nguyễn lại có :
« Năm ba chú tiến - đồng lệch
thếch,

Tiểu-dao nơi hàn cốc thâm sơn...

Một hôm, Nguyễn-công-Trú cùng với một người bạn ung-dung tiến vào quán rượu. Rờ túi áo, một đồng tiền không có, nhưng bụng đang đói, mà lại gặp một bà quả phụ rất duyên-dáng, ra vẻ con nhà nho-nhà. Bà mới bị chết chồng chừng 4, 5 năm chi đó. Tuy đã nghe danh Nguyễn-công-Trú, nhưng chưa biết người, nên bà chủ quán cũng tưởng rằng khách vào tiệm chỉ là kẻ qua đường như những phàm phu tục-ngũ khác vậy thôi.

Nhưng ông bạn thân của Nguyễn thư sinh tự ý giới thiệu danh tánh của vị hàn nho. Đã sẵn phước tài đức của Nguyễn thư sinh, « hữu xạ tự nhiên hương » nên bà niềm nở dọn lên một mâm cao lương mỹ vị để thiết đãi. Bà lại có đôi lời văn hoa mời khách :

• Thưa Tiên sanh ! Tiểu muội được biết quý danh tiên sanh từ lâu nhưng nay mới được hân hạnh tiếp đón. Tiểu muội xin mời tiên sanh và ông bạn dùng bữa cơm rượu thô sơ này. Và không dám nào, xin Tiên sanh ban cho « hai chữ » để làm tấm biển treo giữa quán cho vui»

Nguyễn-công-Trú phần vì thấy bà tuy là góa chồng, nhưng mà « gái một con trông mơn con mắt », phần vì ông bạn đã lỡ giới thiệu, chả lẽ mình làm ngơ đối với giai nhân chủ quán đã chiêu cố đến một cách đặc biệt, nên ông hỏi :

— Xin lỗi Bà, phương danh quý phu nhân là gì ?

— Dạ... dạ... người hàng xóm thường gọi tiểu muội là BA HOÁCH.

Chàng Nguyễn mỉm cười, nâng ly rượu. Chén chú chén anh, đôi bạn nhà Nho khê-khê cho mãi đến khuya.

Cơm nước xong, Nguyễn-công-Trú nói với bà Hoách :

— Tôi xin tặng phu nhân hai chữ BẠCH HÒA.

Bà Hoách lễ phép hỏi :

— Thưa tiên sanh, BẠCH HÒA nghĩa là gì ?

— Bạch-Hòa là...là...là...Trăm họ đều hòa thuận, trăm bang vạn sự đều trôi chảy, mọi việc trên đời đều tốt đẹp cả.

Bà Hoách cười duyên, đắc ý, hài lòng :

— Xin cảm ơn Tiên sanh.

Tiểu muội sẽ thuê thợ khắc hai chữ BÁCH HÒA sơn son thiếp vàng cho rực rỡ, treo ngay giữa quán để làm kỷ niệm và cũng để... biết ơn Tiên sanh đã chiếu cố... »

Bà Hoách đã hiểu rõ Nguyễn công-Trứ muốn nói lái cái tên của bà, nhưng hai chữ « Bách-Hòa » của Nguyễn quân tặng cho, không thâm trầm ý nghĩa hơn hai tiếng Bà-Hoách hay sao ! Bà liền gọi thợ mộc đến khắc hai chữ Bách-Hòa để treo trong tiệm.



Bài thơ bánh Xèo

Một hôm quá bữa, kiến bò trong bụng, Nguyễn-công-Trứ « ngự » vào một quán bán bánh xèo có tiếng tăm ở Huế. Nơi đây có cô con gái đào tơ mơn mớn của chủ quán ra chiều ân cần, mời mọc vị thi-nhân mà nàng đã biết mặt :

— Gặp bữa, xin mời tiên sanh xơi bánh xèo cho tiểu muội được vui lòng và luôn tiện xin tiên sinh cho tiểu muội một bài

thơ « bánh xèo » để làm kỷ-niệm.

Nguyễn - công - Trứ cười, mượn bút mực thảo ngay bài thơ :

*Dầu sôi, lửa đỏ, tiếng xanh reo...
Nhơn đồ mà kêu cái Bánh Xèo !
Già trắng làm duyên trang mặt bột
Khuôn tròn như thể dạng tai bèo
Xấp đôi che kín vành tôm thịt
Lật ngửa nhìn xem bộ móc-meo
Xanh vạt đúc mình đã phải thể
Cớ sao làm bạn với tương rau ? !*

Cô gái « má lúm đồng tiền » đọc đi đọc lại bài thơ, bỗng đứng thẹn đỏ mặt. Cái gì lại :

*Xấp đôi che kín vành tôm thịt
Lật ngửa nhìn xem bộ móc-meol !*

Nhưng bài thơ hay quá. Cũng không kém lãng-mạn như Hồ-xuân-Hương, ở đất Thăng-Long, cô bán bánh xèo ở sông Hương núi Ngự tuy không làm được thơ nhưng thưởng-thức được thơ, liền cảm ơn thi-sĩ, và chép nguyên văn bài thơ chữ nôm của Nguyễn-công-Trứ, dán ngay trên tường nhà !...

Những người đàn bà lòng danh trên Thế giới

13.- Những người yêu của NAPOLÉON



III - Nữ Bá-Tước WALEWSKA

«NGƯỜI VỢ BA-LAN CỦA NAPOLÉON»

(tiếp theo P.T. 60)

WALEWSKA say mê NAPOLÉON

VÌ Tổ-quốc, với sự
đồng-lôa của tất cả
một dân tộc đang tha-thiết hy-
vọng nơi nàng, Nữ-bá-tước
Marie de Walewska, một mỹ-
nhân 19 tuổi, đã hiến cả tấm

thân nghìn vàng của nàng cho
Napoléon.

Nhưng, kỳ-diệu thay, Marie
vừa rơi trong tay vị anh-hùng
trong một phút say-mê, thì lúc
tỉnh lại nàng cảm thấy không thể
nào rời xa chàng được nữa.

Người đàn-ông đã chiếm được trái tim của nàng và xác-thật của nàng, bây giờ đây không phải là Hoàng-đế Napoléon nữa, mà là người yêu của nàng. Để đáp lại sự hy-sinh tuyệt-địch của Marie, chàng đã tặng cho nàng một tuyệt-thú say-sưa, tràn trề hạnh-phúc. Nàng sung-sướng thú thật với Napoléon : « Em mê anh mất rồi ! »

Napoléon ôm ghì đầu nàng, cái đầu nhỏ-nhỏ, xinh-xắn, ngào-ngạt hương xuân, áp vào ngực chàng, và âu-yếm bảo :

— Từ nay em ở luôn bên cạnh anh nhé !

Marie đề-mê rung-động, khẽ đáp :

— Vâng.

Đêm ấy là mùng 7 tháng 1 năm 1807. Cuộc tình duyên của Marie de Walewska với Napoléon đã thành ra một việc chính-thức, gần như một quốc-sự. Napoléon công-khai giới-thiệu nàng là « người vợ Ba-lan » của ông. Các nhà ái-quốc Pologne chứa-chan hy-vọng. Họ biết rằng Hoàng-đế nước Pháp và Nữ-bà-Tước Marie đã thành-thật gắn-bó cùng nhau,

thì chỉ có cô vợ trẻ đẹp ấy là có thể van-xin ông giữ lời hứa giải-phóng cho xứ Pologne.

Lịch-sử đã chứng-nhận rằng vì yêu Marie de Walewska mà Napoléon đã thực-hiện được lời hứa ấy một phần nào, — lời hứa ái-tình và danh-dự. Ông đã bắt buộc Hoàng-đế Alexandre của nước Russie và vua Prusse trả lại cho Pologne những lãnh thổ mà Russie và Prusse đã xâm-chiếm. Ông đã tạo ra một khu-vực Pologne độc-lập, gọi là Grand Duché de Varsovie và lập một Bộ-đội Pologne trao cho Thống - chế của Pologne là Poniatowski làm tổng-tư-lệnh. Ngày ấy cũng đủ cho nhân-dân xứ Pologne biết ơn Napoléon, và Marie de Walewska yêu ông mỗi ngày mỗi tha thiết say-mê hơn. Một buổi tối, Napoléon có chút ít thì giờ rảnh, ngồi bàn cặm-cui đặt một bài hát cho quân đội của ông. Marie de Walewska thương ông làm việc quá nhiều, nằm giường khẽ gọi ông :

— Bỏ đấy, Mình ạ, đừng thêm làm công việc nhỏ-mọn. Lại đây nằm với em !

Napoléon vút bút, xé tờ giấy mà trên đó ông đã ghi được

vài câu hát, và đến giường nằm với người yêu.

Trong thời gian một tháng ở Varsovie, Napoléon và Marie de Walewska đã sống những ngày yêu đương đầy ngập hạnh-phúc.

Ngày 7-2-1807, Napoléon kéo đại-đội binh-mã đến nghênh chiến với quân-đội Russes tại Eylau. Marie đến Vienne để chờ đợi tin-tức. Chiều tối, sau khi tiếng súng đã thưa dần, và quân Pháp thắng trận, Napolon lấy một miếng giấy đặt trên mặt trống, viết vội vài giòng sau đây, gởi về Marie :

«Bản điện-hiến của anh ơi, khi em đọc thư này, chắc em đã nghe tin về chiến-cuộc rồi. Trận giặc đã kéo dài hai ngày và hôm nay quân ta đã toàn-thắng.

«Con tim của anh vẫn quan-huân bên em. Yêu anh nhé, em Marie hiền-lành ngoan-ngoan của anh ! Và tin nơi tình yêu của N.»

Viết xong bức thư tình cho Marie de Walewska, Hoàng-đế lại viết tiếp luôn bức thư tình khác gởi cho bà vợ Joséphine ở Paris cũng đang chờ đợi ông...

Nhưng ông không về với Joséphine. Thắng trận xong, Napoléon ở lại nơi lâu đài Finckenstein để cho quân đội nghỉ-ngơi trong mùa lạnh. Suốt 3 tháng ở nơi đây, Marie de Walewska và Napoléon sống một tuần trăng-mật say-sưa nhất trong đời ông. Trước mặt b'á và các vị Đại-sứ ngoại-quốc, các vị Vua Chúa Âu - Châu, Marie de Walewska được coi như một vị Hoàng-hậu. Ngoài những giờ tiếp khách, Hoàng-đế và cô vợ trẻ tuổi âu-yếm với nhau như một đôi uyên-ương say-mê khấn-khít, chỉ biết hưởng hạnh-phúc của tình yêu.

Tháng 6-1807, Napoléon lại đại-thắng quân Nga trên sông Niémén. Hoàng-đế Alexandre bắt buộc phải ký hòa-ước tại Tilsit. Quân-đội Napoléon ca khúc khải-hoàn, trở về Pháp. Marie Walewska buồn-bã, sợ phải từ-giã Napoléon, nhưng ông muốn nàng theo ông về Paris. Ông để nàng ở một lâu-đài tráng-lệ, và mỗi ngày ông đều đến thăm nàng, với một tình chung-thủy.

Năm 1809, Napoléon lại sang đánh giặc ở Autriche.

Walewsa cũng theo ông, như hình với bóng. Ông sắp đặt cho nàng ở một cung-diện nguy-nga tại Vienne, và yêu quý nàng như cặp vợ chồng mới cưới. Rồi nàng có thai...

Napoléon hết sức vui-mừng, và bây giờ ông có chứng có chắc chắn rằng ông có thể có con trai để nối giòng. Cưới Joséphine về mấy năm không có con, đó là lỗi tại Joséphine không sinh-sản được nữa, chứ nhất định không phải tại ông.

Cũng năm ấy, Napoléon ly-di với Joséphine và năm sau, 1810 hoàn cảnh chính-trị của nước Pháp xui giục ông cưới chồng-chúa Marie Louise, con gái của Hoàng-đế nước Autriche, về làm Hoàng-hậu chính-thức của nước Pháp.

Đáng lẽ Napoléon cưới Marie de Walewska, nhưng theo ý-kiến

chung của Triều-đình, Hoàng-đế nước Pháp kết-hôn với con gái Hoàng-đế nước Autriche sẽ có ảnh-hưởng tốt hơn cho hòa-bình của Âu-châu, và cũng-cổ Đế-quốc Pháp thêm vững chắc hơn. Mặc dầu chính thức lấy công-chúa Marie Louise làm Hoàng-hậu, Napoléon vẫn giữ nguyên vẹn tình-yêu tha-thiết với MARIE de WALEWSKA. Năm 1810, Marie sinh được con trai, đặt tên là ALEXANDRE WALEWSKI. Napoléon ban cho người con ngoại-tình này chức-vị Bá-tước. Năm 1811, Hoàng-hậu Marie Louise cũng sinh con trai được tôn làm Quốc-Vương La-mã, (Roi de Rome).

Nếu đừng có chiến tranh đảo lộn tình-hình Âu-châu một lần nữa thì Triều-đại Napoléon được vững bền, vẻ-vang biết mấy !

«PAPA — HOÀNG-ĐẾ»

N HỮNG trong lúc ai cũng tưởng rằng uy-thế của Napoléon đang thời lâm-liệt nhất thì định-mệnh của ông

lại xoay chiều ngược lại. Ngôi sao của vị César của nước Pháp bắt đầu lu-mờ !

Sau một chiến trận kinh-khủng mà một mình ông phải chống lại

vớibốn địch-thù ghê-gớm : Anh, Đức, Nga, Autriche, ông bị đại-bại, và bắt buộc phải thoái-vị ngôi Hoàng-Đế. Ngày **21-4-1814**, ông bị bốn nước Đồng-minh Âu-Châu đẩy qua cù-lao Elbe, giữa Địa-trung-Hải.

Sáu trăm binh sĩ và hai vị Thống-chế trung-thành nhất với ông, theo ra hầu-hạ ông tại nơi hoang-đảo.

Hoàng-hậu Marie Louise cũng hứa sẽ đem con ra ở với ông.

Nhưng vị anh-hùng thất-thế không ngờ bị bà vợ bỏ rơi, không một lời thương nhớ.

Marie Louise đem Quốc Vương La-Mã về ở với Triều-đình Autriche, là thù-địch của Napoléon !

Napoléon chờ đợi đêm ngày, biệt vô âm-tín...

Trong lúc ông đang tức-giận thì được tin Nữ-bá-tước Marie de Walewska « Cô vợ Polonaise » trẻ đẹp và điệu hiên của ông ấm con trai bốn tuổi ra thăm ông.

Nàng đi một chiếc tàu buồm nho-nhỏ, ra đến đảo Elbe vào lúc trời tối mù-mịt, đêm **1 - 9 - 1814**. Napoléon ở nhà, đợi chờ

từ lúc hoàng-hôn. Chờ mãi chưa thấy nàng đến, ông sốt ruột đi bách-bộ băng qua một khu rừng hoang vắng để đi đón nàng. Gặp nàng giữa rừng, ông ôm chầm lấy người yêu, bảo : « Anh chờ em lâu lắm ! »

Đưa con trai bốn tuổi của nàng ẵm trong tay, Alexandre Walewski, bỗng cất tiếng ngây thơ, âu-yếm chào ông :

— 'Bonjour Papa Empereur !
(Con chào Papa Hoàng-đế !)

Napoléon phì cười, công con lên lưng, và dắt vợ vào một chòi hoang giữa rừng, ngủ luôn nơi đây...

Tong tất cả những người vợ và người yêu của Napoléon, Marie de Walewska là người hiền lành nhất, yêu ông nhiều nhất và trung thành với ông nhất.

Tuy nàng lo ngại rằng Hoàng hậu Marie Louise có thể ra đảo Elbe để ở với Napoléon, — và hai bà không ưa nhau — nhưng nàng cũng van lơn Hoàng đế :

— Em đến đây dâng cả đời em cho anh. Em chỉ xin anh một túp nhà nho-nhỏ, ở một xó nào kín-đáo cũng được, xa anh cũng

ợc, miễn là khi nào anh gọi
n em, thì có em sẵn sàng chạy
n anh ngay !

Napoléon xiu lỏng, nhưng lúc
ấy giờ ông đang âm-mưu cuộc
hoát-ly để trở về nước Pháp,
lành lại ngôi báu. Ông khe
áo nàng :

— Không được đâu, em ạ.
m phải về ngay.

Marie de Walewska đứt từng
loạn ruột, nhưng yêu chồng,
hieu chồng, tuân lệnh chồng,
lành phải âm thầm đau xót từ-
giã Phu-quân. Đưa con trai bốn
uổi lại bắt tay cha, với giọng
oi ngày-thơ cảm động :

— Bonjour Papa-Empereur !
(Con chào Papa Hoàng-đế) ! (1)

Napoléon chạy vào cái chòi
hoang, khóc nức-nở...

Tám ngày liền, ông rầu-rĩ
nằm luôn trong chòi, không lộ
mặt ra.

Bốn tháng sau, ngày chủ nhật

26 - 2 - 1815, Napoléon kéo
sáu trăm người lính trung thành
của ông và hai vị Thống-chế,
xuống tàu, vượt biển, đổ bộ lên
đất Pháp. Con Chim Đại-Hoàng
lại bay vút về Paris được toàn
thể quân-đội và dân-chúng hoan
hô dậy trời dậy đất.

Napoléon trở lại ngôi Hoàng-
đế... Nhưng hai năm sau, **1817**,
Marie de Walewska đau nặng,
trút hơi thở cuối-cùng, miệng
còn lẩm-bẩm ba tiếng :

— Napoléon !... Je t'aime !..
(Napoléon !... Em yêu anh !)

Ký sau : 1) Hoàng - hậu
MARIE - LOUISE.

2) So sánh **MARIE
LOUISE** và **NGỌC-HÂN
CÔNG CHÚA.**

(1) Người con này, nhập Pháp
tịch, sau làm Tổng-trưởng Ngoại
giao của Hoàng đế Napoléon III,
là cháu ruột, gọi Napoléon I
bằng bác.



★ DANH NGÔN

— *Better three hours too soon than a minute too late.*
(Thà sớm hơn ba giờ hơn là trễ một phút).

SHAKESPEARE

MỘT THẾ - GIỚI BÍ - ẨN KỲ - DIỆU ;



(tiếp theo P. T. 60)

EM có biết tại sao con cá vàng đựng trong bình nước lại kém thua sắc thắm so với cá Nàng - Đào này chăng ? Rồi không đợi cho Anh - Đào và Hùng-Linh trả-lời, chàng nói tiếp :

Màu sắc của loài cá thay đổi tùy theo chất sắc tố : màu đỏ da cam, màu đen hay trắng ánh bạc chứa trong các tế bào li-ti ở dưới làn da mỏng có thể co giãn dễ dàng, và một phần do hiện tượng giao thoa của ánh sáng mặt trời với lớp vảy ngoài của loài cá.

Nếu bắt con cá vàng ra khỏi

★ ANH-VŨ
TRẦN-VIỆT-QUANG

(Hải học-viện — Nha-trang)

nước và cũng cầm trên tay để ngắm cho kỹ thì biết bao vẻ thắm tươi trên mình con cá nhỏ xinh xinh ấy, cũng thay đổi không ngừng : Ánh sáng đã làm cho màu sắc thêm trắng lợt huy hoàng nhưng sự lộng lẫy đó giảm đi nhiều nếu ta bỏ con cá vàng vào bình nước cũ. Đó là do tính chất lý-học của nước, khác với không khí. Nước thu nhận ánh sáng mặt trời rồi truyền ra khắp tứ phía : mặt nước trông có vẻ trong xanh nhưng đã

ngăn cản một phần sức phóng xạ của các tia sáng nên làm cho màu sắc của các sinh động vật khi ở trong khối nước đó, bớt óng ánh, lộn lẩy, trắng lợt, huy hoàng.

Những tia sáng mặt trời không thể xuyên qua mặt nước xuống tận đáy sâu trong lòng đại-dương thăm-thăm. DƯỚI 2, 3, CHỤC THƯỚC, người thợ lặn đã thấy xung quanh cả một buổi hoàng hôn vàng úa ; sâu thêm chút nữa vào khoảng 4, 5 CHỤC THƯỚC, cảnh vật chìm trong bóng tối lờ mờ : những loại lục tảo (rong xanh) không thể sống được ở độ sâu này vì chất lục diệp tố cần phải có ánh sáng mặt trời.

Từ 100 THƯỚC TRỞ XUỐNG cả một đêm tối âm u bao trùm lên vạn vật trong lòng biển cả. Có ai nhìn thấy những màu sắc trắng lợt huy hoàng trong bóng tối trùng khơi ? Cũng như dưới ánh đèn sân khấu, các nghệ sĩ tài danh, trẻ trung, đẹp dễ với những vũ điệu mê ly, xiêm y sặc sỡ, hợp với phong cảnh huy hoàng đã làm say sưa lòng khán giả, nhưng đem tắt hết đèn đi thì ai có thể thấy rõ nụ cười duyên dáng, khoe mắt hữu tình và những dáng điệu uyển-chuyển nhịp nhàng

hay quần áo màu sắc lộn lẩy vẫn còn trên con người họ ?

Màn đêm bao phủ khắp nơi làm cho mắt con người không trông thấy gì nữa. Đó là hình ảnh nếu ta có thể nói của cuộc đời trên sân khấu ở miền thủy-giới vô biên :

Ở những độ sâu hàng 100 hàng 1000 ngàn thước đáy đặc bóng tối đó vẫn có những loài cá sinh sống như thường. Nếu những tia sáng mà con mắt chúng ta vẫn thu nhận được không thể xuống sâu dưới đáy biển thì những luồng hồng ngoại có thể tới các độ sâu hàng nửa cây số và các luồng tử ngoại xâm nhập tận đáy các đại-dương hàng mấy ngàn thước. Chính nhờ thế mà các sinh động-vật, suốt đời trong miền thủy-giới âm u đen tối đó, mặc dù xa xôi ngàn dặm cũng còn đôi chút liên lạc với những nơi có ánh sáng mặt trời.

Anh-Đào ngắt lời chồng :

— Nói chuyện về cá mãi chầy các anh không nhớ tới câu nữa chẳng ?

Tiếp lời Anh - Đào, Hùng-Linh nói :

— Cũng tại mở kỷ-lục câu được một con cá vừa to vừa đẹp

nên chúng tôi định giải-nghệ đây ?

Nghe Hùng-Linh nói tới con cá vừa to vừa đẹp làm Anh-Đào lại càng vui sướng về «chiến công» vừa mới thu hoạch được. Có thể nói đó là một niềm vui khó mà diễn tả, một niềm vui của kẻ xa quê-hương gần cố tri, niềm vui của một thí-sinh có tên trên bảng vàng, giống như câu thơ Đường :

« *Cửu hạn phùng cam vũ
Tha hương ngộ-cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bảng quái danh thi* »

Nàng hình dung lại con cá Nàng-Đào với những màu sắc óng ánh lung linh :

— Cá Nàng-Đào ! Sao con cá lại có cái tên giống với Nàng thế. Nàng buộc miệng nói to lên :

— Tại sao người ta lại đặt cái tên Nàng Đào cho cá nhỉ ?

Vũ-Nguyên từ nãy đến giờ vẫn chăm chú theo dõi cái phao nửa chìm nửa nổi trên mặt nước trong xanh bỗng phá lên cười.

— Câu hỏi ngộ quá !

Hùng-Linh cũng cười theo :

— Ý hân chị Anh-Đào đang nghĩ về cái tên con cá nó giống tên người, phải không chị ?

— Sắc mặt của Anh-Đào ửng hồng, nàng quay đi chữa thẹn :

— Cái tên cá hay hay... Nhưng chắc cũng chả anh nào biết tại sao lại có cái tên đó đâu. Có dịp tôi phải đi tìm các tay câu nhà nghề hay tới Hải-Học-Viện Nhatrang đề...

— Ối chà ! Tại sao có bụt trong nhà mà chị lại đi cầu Thích-Ca ngoài đường. Anh Vũ-Nguyên cũng sành về cá lắm, chị không biết sao ?

Hùng-Linh vừa nói vừa quay sang dục Vũ-Nguyên :

— Kia anh Vũ-Nguyên, anh giải-thích cho chị Anh-Đào và cho tôi nghe với. Tại sao người ta lại đặt tên là Cá Nàng-Đào !

Vũ-Nguyên nửa đùa nửa thật :

— Có gì lạ đâu ! Vì con cá đó có màu sắc đẹp như các cô gái mơn mớn đào tơ nên người ta đặt tên là Cá Nàng - Đào ; người ta cũng đặt tên những cô gái đẹp là Bích-Đào, Mộng Đào, Anh-Đào...

— Thôi đi anh ! Đừng có đùa nữa.

Hùng-Linh vội cướp lời :

— Không ! Anh Vũ-Nguyên



Cá Vàng đuôi bướm

nói có lý lắm đó. Việc đặt tên cá là cả một vấn-đề và nhiều khi lại có những giai thoại kỳ thú là đằng khác nữa.

Vũ-Nguyên chờ cho 2 người yên lặng mới nói tiếp :

—Nếu con người ta có nhiều tên nào là chính danh, tục danh, bí danh, bút hiệu...thì cá cũng có tên Địa-Phương và tên Khoa-Học. Ngư-phủ Việt-Nam thường gọi con cá em vừa câu được là cá Nàng-Đào, người Pháp lại gọi là

Chetondon vagabond, còn người Anh thì dùng tên Vagabond coral-fish để chỉ con cá đó.

Mỗi nước, mỗi vùng dùng một tên địa phương riêng biệt : nếu gọi là cá Nàng-Đào thì chỉ người Việt - Nam biết, còn nhân dân trên thế-giới làm sao mà hiểu được, vì thế các nhà khoa-học đã lấy chữ La-Tinh và Hy-Lạp để đặt tên Khoa - học cho mỗi loại cá.

Các nhà bác-học đầu tiên đã có công tìm tòi nghiên - cứu, thường căn-cứ vào hình thù, màu sắc của giống cá, số lượng và cách xếp đặt các kỳ, vi và vây cùng đặc tính của mỗi loài cá để khai-sinh ra một Tên Khoa-Học, phổ-biến khắp nơi và lưu lại cho hậu thế để người sau dựa vào đó mà sưu-tầm và học hỏi thêm.

Trong lòng đại - dương bí ẩn còn có biết bao nhiêu loại cá mà loài người chưa biết. Mỗi cuộc thám hiểm biển sâu lại góp thêm một số mẫu vật mới lạ. Nếu là một loại cá mới chưa ai xác định tên thì các nhà khảo-cứu lấy tên cuộc thám hiểm, hay lấy tên vị trí mà người ta bắt được mẫu vật quý giá đó hoặc đôi khi họ lấy

ngay tên của tác giả để đặt về phía sau cùng.

Như con cá Nàng Đào thì các nhà Khoa-học trên thế-giới đều dùng một tên thống-nhất là CHAETODON VAGABUNDA LINNAEUS CHAETODON do chữ Chait (chữ Hy-Lạp) là cái bồm hay sợi lông, sợi tơ và Oudous là răng, chỉ một giống cá có răng mềm và nhỏ xíu, Vagabunda nghĩa là hay di-chuyển, thường trôi chỗ ở luôn luôn còn chữ Linnaeus là do chữ Linné tên một nhà khảo-cứu chuyên-môn về cá.



III

GIỮA thiên nhiên rộng lớn, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ khác nhau. Hùng-Linh có lẽ sáng mai ra ngó gặp gái nên ngồi đã lâu mà gặp toàn Cá Thia rĩa hết mỗi câu bèn đứng dậy đi tìm chỗ khác. Anh-Đào cũng xê lại bên cạnh chỗ chõng ngồi. Trong khi chờ đợi những con cá tham mồi cần phải lưỡi câu thì những màu sắc muôn hình muôn vẻ của loài cá lại hiện lên rõ rệt trong đầu óc Vũ-Nguyên.

Chàng nhớ tới những bức tranh màu vẽ cá treo tại các Hải-Học

Viện hay trong các cuộc triển-lãm Hội-Họa. Chàng đã có lần được em những bức họa của họa-sĩ Nhật bản HIROSHIGHÉ chuyên vẽ lại các màu sắc của những loại cá biển miền nhiệt đới đặc biệt ở vùng Thái-bình-dương vùng Đông-Nam-Á.

Họa-sĩ Hiroshighé sống vào thượng bán thế-kỷ XIX. Hiroshighé đem nét bút tài hoa để phác họa lại nhiều cảnh sắc trong vũ-trụ từ một phố buồn hiu-quạnh đến phía trong một gian nhà nhỏ, ấm cúng xinh xinh, từ con người muôn vẻ tới các sinh động-vật thiên hình vạn trạng, nhưng có thể nói là họa-sĩ tên tuổi đất Phù-tang đã đem cả khiếu thâm-mỹ và sự rung cảm về ngoại-giới vào nghệ-thuật để hoàn thành bức danh họa về cá.

Đứng trước bức họa về cá của Hiroshighé người ta cảm thấy cả một sức sống linh-dộng. Nếu bên cạnh một bông hoa các họa-sĩ thường vẽ thêm một con bướm, trên một cành cây rêu mọc lại điểm thêm một con kiến đang bò, thì Hiroshighé cũng không quên vẽ một cành rong hay một đợt sóng biển để tô điểm và hòa hợp với cuộc sống của từng loại cá. Đặc biệt là về màu sắc, Hiroshighé hầu như đã cảm thông sâu-

sắc với Tào-Hóa để làm nổi bật lên những nét vẽ thật tài tình.

Hiroshigé cũng như Hokonsai, Sosen, Guetschi Katsoura Kokosoni các nhà đại danh họa khác của xứ Anh-Đào đã gần với Thiên nhiên nhất, có lẽ vì họ đã hưởng được một phần ảnh hưởng tốt đẹp của một miền mà người Nhật đã mệnh danh là "giọt nước đông đặc" lại chăng?

Từ trước tới nay biết bao nhiêu họa-sĩ tên tuổi Đông - phương cũng như Tây-phương đã đem hết khiếu thẩm-mỹ trong việc hòa hợp màu sắc để tạo thành những bức tranh vẽ cá thật là lộng lẫy.

Vũ-Nguyên tự nghĩ rằng chính sự thay đổi kỳ diệu muôn màu ngàn sắc của loài cá đã gợi hứng cho các nghệ-sĩ, đem tới cho họ một đề tài sống động, một bài học thực-tế nhất trong việc hòa hợp màu sắc.

Chàng bỗng nhớ tới cuốn Atlas của nhà bác-học BLEEKER mà chàng đã có dịp giở từng trang để ngắm, để xem không chán mắt.

Tuy rằng việc ăn-loát bằng máy móc, dù tinh-xảo tới đâu, cũng đã làm giảm đi một phần sự tinh túy của nét vẽ, không được như những

bức tranh lộng lẫy của các nhà danh họa và thứ nhất là không sống động như những màu sắc tự nhiên, nhưng qua các trang Atlas đó, tất cả những vẽ nên thơ trong sự hòa hợp của các chấm, các vệt các sọc, các diềm muôn màu kỳ diệu đã được phô-diễn trước mắt chàng.

Chàng ngược mắt nhìn ra xa : nước trong xanh bầu trời cũng trong xanh ; những dãy núi xa xa tím tím, đỏ đây màu hoa đỏ thắm, cánh bướm đen láy, bông hải-diều trắng tinh dưới ánh nắng vàng hanh thật là đẹp !

Hình như Tào-hóa đã lấy tất cả màu sắc thiên-nhiên ấy để tô, diềm cho những con cá sống ở miền Thủy-giới bao la.

Yên lặng bao trùm lên cảnh vật.

Hùng-Linh ngồi mãi mà cá chẳng chịu cắn câu, nên nói thật to cho đỡ sốt ruột :

— Hêm nay, ngồi soi mình dưới nước, có lẽ cá thấy « quả nhân » đẹp quá nên lặn mất cả rồi chẳng ?

Cả 3 người đều cười vang lên trong nắng ấm, át cả tiếng sóng biển rì rào.

Anh-Đào quay sang phía Hùng-Linh :

— Cá thấy anh đẹp thì lặn mất, còn anh thấy đẹp có thích không ?

— Thừa bà chị, cái đẹp thì ai mà không thích ! Tạo-hóa đã phú cho con người có vẻ đẹp để làm đẹp mắt và ³-p lòng người khác, nhưng cái đẹp mặc dù không có sóng gió lại hay làm cho người ta dễ thay đổi tâm tình. Người xưa đã để lại câu thơ bất hủ « Sắc bất ba đào dị nịch nhân ».

Theo ý tôi thì cái đẹp của con người đôi khi lại trở thành một cái họa giết người. Nhìn thấy nhan sắc của mỹ-nhân ngày trước, qua các tác - phẩm văn - chương Việt-Nam : « Cá chìm dưới nước phải lơ dờ lặn. Nhạn lững da trời cũng ngần ngại bay » (1) mà tôi phát sợ. Ba hồn còn một, bảy vía hết năm.

Nếu ngày xưa cái đẹp của Bao-Tự làm cho chim sa cá lặn thì cái sắc của Nàng Tây-Thi gái nước Việt đã làm nghiêng nước nghiêng thành đồ quán xiêu đình như chơi.

Vũ-Nguyên phản đối.

Nói như anh thì trên đời này ai còn yêu, còn thích và còn muốn cái đẹp nữa ! Theo ý tôi thì trời đã phú cho ai cái vẻ đẹp, hay cái



Cá Nàng-Đào

giống yêu kiều thì đó là một sự may mắn hơn người rồi. Cụ Tiên Điền đã dựa vào 4 chữ « Bỉ sắc Tư phong » để nói rằng người hồng nhan thường hay mệnh bạc tôi e không được đúng lắm với thời đại khoa-học tiến-bộ này.

Anh-Đào góp thêm ý kiến :

— Hồng nhan mệnh bạc chả thấy đâu nhưng chỉ biết đẹp là có

(1) Chìm dưới nước cá lơ-dờ lặn
Lững da trời nhạn ngần ngại bay.
(Cung oán ngâm khúc).

lợi rồi, phải không các anh?

Trên các chuyến xe, chuyến tàu, mỗi khi máy cô có cái va-li hay ít gói hàng thì các ông đều lịch-sự xách giùm. Các ông đâu có phải vì phải yếu mà ra tay "tế độ", đó chỉ vì PHẢI ĐẸP mà thôi!

Sắc đẹp đã gieo biết bao sự êm dịu khắp nơi, hòa cùng nhịp sống chung những cảm - giác vui thích, làm cho cuộc đời tươi thắm hơn nhiều.

Vũ-Nguyên nhìn vợ gật gù :
tán thưởng ?

— Em nói có lý lắm. Về đẹp màu sắc đều có một ý nghĩa trong đời sống hiền hòa của vạn-vật. Nhưng đối với loài cá, màu sắc còn có nhiều tác dụng thực-tế không giống với con người.

Tạo-hóa đã ban cho nhiều loại cá những màu sắc có thể thay đổi tùy theo chỗ ở hay tùy theo bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Con cá Mao-Quý em thường trông thấy trong hồ cá của Hải Học Viện Nha - trang nếu nó không có cử động thì người ta rất dễ lầm lẫn với hòn đá vì hình thù và thứ nhất là màu sắc giống in hệt không sai. Màu sắc đã giúp cho loại cá này một khí-giới đề tự-vệ, một phép tàng hình tài tình có thể qua mặt những con cá khác muốn giở trò « Cá lớn nuốt cá bé », và đồng thời còn là một lợi khí

giúp cho nó tới sát cạnh kẻ địch để tấn công chớp nhoáng làm cho đối phương trở tay không kịp.

Màu sắc của loài cá, mặc dù đa số sinh-vật trong miền thủy-giới nhiều khi không trông thấy những vẻ đẹp thiên phú ấy, chỉ có những loại cá ở gần mặt nước, nhờ ánh sáng mặt trời chiếu dội mới phân biệt được rõ ràng, còn có một giá trị cao cả, thiêng liêng, quan trọng trong công việc sáng tạo một thể hệ tương-lai, bảo đảm cho loài cá khỏi bị tiêu-diệt.

Nếu đối với loài Người, đàn bà là phải đẹp, họ thường dùng áo màu, tô son điểm phấn, đeo các thứ trang sức xa hoa lộng lẫy để làm cho đàn ông phải chú ý tới thì đối với loài cá giống đực lại có bộ mã muốn màu tươi thắm. Mỗi khi gặp một « nàng Cá Cái » thì các cậu cá đực đua nhau làm đẹp và thường hay đưa tới những trận thư hùng nảy lửa. Trong lúc biểu dương toàn lực màu sắc lại càng thêm đậm nét thắm tươi. Nhiều cuộc thử sức đã diễn ra, kẻ chiến bại phải rút lui không dám phô trương những màu sắc thiên-nhiên tuyệt-mỹ nhường chỗ và quyền hành ấy cho kẻ chiến thắng.

Con cá đực, sau khi đã đánh bại các địch thủ khác «yện hùng» phô trương hết những màu sắc đẹp nhất để quyến rũ loài cá cái.

(còn nữa)

Mình gửi!

Hôm nay Mình nói chính-trị
cho em nghe :

SÔNG

CHUNG

HÒA

BÌNH

là thẻ nào

M Ì N H Ơi ! Tình hình bên xứ Lào sao ba-
lăng-nhăng quá vậy, em đọc báo không hiểu gì hết trơn !

Bà Tú vút tờ báo xuống giường ngồi vùng dậy, vói tay lên bàn lấy một củ cà-rốt sống, cắn ăn sạo-sạo, vừa nhai vừa ngó ông Tú đang sửa-soạn cạo râu. Bà hỏi :

— Minh à, cái gì lại một nước Lào mà có ba ông Hoàng chia ra ba phe, đánh nhau đả đời rồi đem nhau qua tận bên Suisse để điều-đình ?

Ông Tú nhìn vào kiến, diềm-nhiên cạo râu, có vẻ không đề-ý đến câu chuyện của bà Tú. Bà Tú vừa nhai cà-rốt, vừa nói tiếp.

— Có phải mấy ông Hoàng nước Lào muốn « sống chung hòa-bình » không, hả Minh ? *Sống chung Hòa bình* là sống thế nào ?.. Minh, nói chuyện cho em nghe đi !

— Em không muốn cho anh cạo râu à ?

Bà Tú làm thỉnh một lúc, rồi nói với giọng hờn mát :

— Đạo này sao em thấy Minh ưa cạo râu hể ? Râu của Minh chỉ lún-phún vài sợi mà ngày nào Minh cũng bả cho nhẵn-thin, cho cái cằm thật trơn-lu !..

Chắc Minh có cô nào đó rồi, cho nên Minh mới diện bánh trai thế chứ ?.. Thảo nào Minh không thích nói chuyện với em nữa...

Bà Tú vút cái cùi cà-rốt vào giỏ rác, rồi nói lải-nhải :

— Em hỏi Minh *Sống-chung Hòa-bình* là sống thế nào, chứ em có hỏi Minh yêu cô nào đâu mà Minh gắt với em ?

Ông Tú quay lại tùm-tỉm cười ngó vợ, mặt ông còn trắng-xóa bọt xà-phòng cạo râu :

— Như anh với em, là *Sống chung Hòa Bình*...

Bà Tú vẫn còn lè-nhè :

— Xí ! Minh không thích nói chuyện với em, mà *Hòa-bình* cái gì ?

— Bộ em muốn gây chiến-tranh với anh hả ?

Bà Tú tức cười quá, hết quạo-quọ. Ông Tú cạo râu xong, rửa mặt sạch-sẽ, lại ngồi gần vợ :

— Nào, em muốn *Sống chung Hòa bình* hay muốn chiến-tranh ? Tuyên-bổ đi ! Muốn nồ súng, thì anh nồ !

Ông Tú đứng phăng dậy, làm bộ bậm môi trợn mắt, đưa cánh tay ra bắt chước cây súng mi-tay-dét chia vào bà Tú, và rủa một hồi liên thanh : Pâng - pâng - pâng - pâng !... PĂNG !

Bà Tú cười ngặt-ngheo, kêu lên:

— Em muốn sống chung hòa-bình cơ mà !

Ông Tú cũng cười, bỏ cây mi-tay-dét tay xuống, vỗ vai bà :

— Em nhượng-bộ rồi hả ?

— Vâng, tôi xin nhượng-bộ ông rồi ạ. Bây giờ mời ông ngồi xuống đây, giảng rõ về cái chủ-trương sống-chung Hòa-bình xem nào !

— Anh vừa mới giảng cho em nghe rồi đấy kìa !

— Em chưa hiểu... Minh nói về chủ-trương sống chung hòa-bình của nước Lào đi.

— An' Ji tóm-tắt thôi nhé. Đại cương tình-hình của nước Lào trước đây một năm, và ngày nay tiến-triển như sau đây. Trước tháng 7 năm ngoái, 1960, nước Lào tuy nói là trung-lập, nhưng về thực-tế vẫn theo phe Mỹ, được Mỹ hoàn-toàn giúp đỡ, như Mỹ hiện đang giúp đỡ Việt-Nam vậy. Chính phủ Lào triệt-dề chống Cộng. Phe Cộng thấy vậy, muốn lật ngược lại tình-thế, quyết hất người Mỹ ra khỏi xứ Lào, và kéo quốc-gia bé nhỏ ấy (độ 3 triệu dân), về phe Cộng-sản. Nhân thấy hồi cuối tháng 7-1960, viện-trợ Mỹ cho chính phủ Lào

được tăng lên rất nhiều, phe Cộng liền cấp bách ra tay để chặn đứng ảnh hưởng của Mỹ, và gây cuộc xáo trộn tình hình nội bộ Ai-Lao. Thế là đầu tháng 8-1960, chính một sĩ quan trẻ tuổi của Quân-đội Hoàng-gia Lào, trong đoàn quân nhảy-dù và là người của phe thân Cộng, Đại-úy KHONG-LE, gây cuộc đảo chính, đem quân Nhảy-dù chiếm đóng thủ đô Vạn-tượng. Lúc đầu phe Cộng đề cho Khong - Le hành động một mình với mục đích là lật-đổ chính phủ thân Mỹ, và ủng hộ một chính phủ gọi là « Trung lập thật sự » của ông Hoàng SOUVANNA PHOU-MA chủ trương « sống chung Hòa bình » với khối Cộng sản.

— Minh ơi, chỉ một viên Đại úy thường thôi, mà cũng gây được một cuộc đảo-chính sao ?

— Thế mới tức cười !

— Cuộc đảo-chính của Viên Đại-úy Khong-Le thành công hay thất bại ?

— Thành - công. Ảnh hưởng lớn lao, và hậu quả là ngày nay 14 nước Âu-Á, Mỹ, phải nhóm họp tại Genève để bàn cãi về vấn đề Lào. Phe Cộng đã đạt được mục đích của họ là phá bỏ chính

sách thân Mỹ của Hoàng gia Lào, « *trung lập hóa* » nước Lào, áp dụng chính sách « *Sống chung hòa bình* » với khối Cộng sản, bắt tay với Việt Cộng, Trung-Cộng, và khối Nga-xô. Nhưng, ngay sau khi Đại úy Khong-Le đã chiếm được thủ đô Vạn-tượng, thì cuối tháng 8-1960, « Ủy ban chống Đảo chính » do ông Hoàng BOUM - OUM cầm đầu với tướng PHOUMI NOSAVAN, liền được thành lập tại Savannakhet. Tướng Phoumi kéo quân lên chiếm lại thủ đô Vientiane, và thành lập « chính phủ cách mạng » có Mỹ ủng hộ. Đại úy Khong-Le thất bại, liền được lực-lượng Cộng sản PATHET LÀO giúp sức, với sự viện trợ công khai của Việt-Cộng, Trung-Cộng và Nga-xô. Thủ lãnh Pathet Lào, là ông Hoàng SOUPHANA NOUVONG, em cùng cha khác mẹ của ông Hoàng SOUVANNA PHOUMA. Hai ông này liên kết với nhau dưới sự bảo trợ của Nga-xô và Trung-Cộng chống lại phe thân Mỹ của ông Hoàng BOUM-OUM. Thế là cuộc chiến tranh giữa hai phe kéo dài từ tháng 8 năm 1960 cho đến ngày nay, đúng 10 tháng.

Trong lúc phe Cộng sản tiếp tục tăng cường viện trợ về mọi phương diện cho Pathet Lào mở rộng chiến tuyến, chiếm thêm đất đai, gây lực-lượng hùng hậu, thì bên phía Đồng-minh Tây-phương lại có sự bất đồng quan-điểm : Pháp và Anh chủ-trương đề cho Lào « *trung lập thật sự* », theo xu hướng của ông Hoàng PHOU-MA, Mỹ cương-quyết ủng hộ lập-trường triệt-đề chống Cộng của ông Hoàng BOUM-OUM.

— Mình ơi, rốt cuộc bây giờ Boum-Oum thắng hay Phouma thắng ?

— Bây giờ, thì hình như ông Hoàng Boum-Oum đã phải thỏa-thuận theo chính sách « *Trung lập* » của Souvanna Phuma, và... « *Sống chung hòa bình* ».

— Như thế tức là Mỹ nhượng bộ, phải không Mình ?

— Hình như thế...

— Sao Mỹ cứ nhượng - bộ hoài thế nhỉ ? Nhượng bộ ở Congo, nhượng - bộ ở Cuba, nhượng-bộ ở Ai-Lao...! Ôi cha-cha - cha !

Ông Tú cười :

— Em muốn nhảy cha-cha-cha?

Bà Tú cũng cười :

— Không có! Em thấy Mỹ cứ nhượng-bộ hoài thì Mỹ có nước nhầy xuống hồ, Minh ơi...! Thôi bây giờ Minh nói về chủ trương *Sống chung hòa bình trong lịch sử nhân-loại* cho Em nghe.

— Lúc nguyên-thủy, chủ-trương Hòa-bình có mục-dịch phòng-bị tránh chiến-tranh. Từ năm 1898 Hoàng-đế NICOLAS II của Đế quốc Nga đã triệu-tập lần đầu tiên một Hội-nghị Hòa-bình quốc tế ở La Haye, Thủ-dô xứ Hol-lande, đề thảo-luận về vấn đề bãi bỏ chiến-tranh. Kết - quả là năm 1914 chiến-tranh Thế giới nổ-bùng, kéo dài đến 4 năm, chết hàng triệu người !

Năm 1921, Hội «Vạn-Quốc» (S. D. N., Société des Nations) họp ở Genève cũng đưa ra lập-trường giảm số khí-giới giết người, chỉ được dùng khí-giới phòng-thủ thôi. Nhưng một nghị-sĩ hỏi: «Loại khí-giới nào được gọi là khí-giới phòng thủ?» Một Nghị - sĩ Á-châu trả lời hải hước rằng: «Khí giới phòng-thủ như con Voi chẳng hạn ! Thay vì dùng súng đại-bác và súng liên-thanh giết người, ta nên dùng một đàn voi để phòng thủ biên-giới thôi!» Nhưng ông Nghị-sĩ ấy quên rằng trong lịch-sử Rome đã có vụ Đại-tướng Han-

nibal đem cả một đàn voi đi từ Espagne, vượt qua dãy núi Alpes đến tấn công thành Rome ! Và Bà Trưng-trắc cỡi voi hạ được trên 60 thành-trị Giao-châu do quân Tàu chiếm giữ !

Năm 1929, cũng ở Genève, thỏa-hiệp án BRIAND KEL LOGG ra đời, «kết án chiến tranh» và kêu gọi hòa-bình hinh-đệ. Thỏa-hiệp-án được 60 nước hoan-hỉ ký tên. Đức và Nhật cũng ký, hăng-hái hơn ai hết. Kết quả là 10 năm sau, 1939, trận Thế chiến thứ hai nổ một cái «ầm 1», do Đức và Nhật gây ra... Suốt 6 năm kinh-thiên động địa, thế giới gần biến thành tro than ! Mấy chục triệu người chết ! Rồi năm 1946, Liên-hiệp-Quốc nhóm ở Lake-Success, cũng hô-hào duy-trì Hòa bình nhân-loại, và kiểm-soát bom A (bom nguyên-tử). Cuộc thảo luận kéo dài êm-ru cho đến khi Trái bóng H ra đời, (Bom khinh-khí) còn nguy hại gấp 100, gấp 1000 lần bom A ! Ngày nay, bom A và bom H, đã được chế-tạo ra hàng đồng, và chất đầy kho ở MỸ, NGÀ, ANH, PHÁP, thì người ta lại kêu gào trở lại **SỐNG CHUNG HÒA-BÌNH** ! Nhưng *Sống chung Hòa bình của Mỹ* là theo Mỹ,

sống chung Hòa-bình của Nga là theo Nga. Hai ông hạn-vô trên Địa-cầu đua nhau lôi - kéo các nước bé-nhỏ không có bom A bom H. *Sống-chung Hòa - bình* về phe mình, đề chực tiêu-diệt phe kia... Ý-nghĩa thực tế của *Sống chung Hòa bình* hiện nay là như thế đấy.

— Có thể phe này phe kia sống chung hòa bình với nhau được không, hả Minh ?

— Em nên nhớ, chính thủy-tô Cộng-sản quốc-tế, là LÉNINE đã viết như sau đây :

“Không thể quan-niệm được cuộc sống chung của Nga-xô và các đế-quốc kéo dài lâu ngày. Một trong hai phe địch-thủ rốt cuộc rồi sẽ phải thắng phe kia. Trước khi đến kết cục ấy, chúng ta sẽ chứng kiến những cuộc tranh đấu liên tiếp và không thể nào tránh khỏi được giữa Cộng-hòa Liên-xô và các quốc gia tư-bản”.

(*On ne peut concevoir que la coexistence de la république des Soviets et des États impérialistes puisse se prolonger longtemps. L'un des partis en présence doit finir par triompher de l'autre. Avant*

d'en arriver là, nous assisterons à une suite inévitable de conflits terribles entre la république des soviets et les nations bourgeoises)

— Minh ơi, nếu vậy thì theo Minh, không sớm thì muộn, thế nào cũng sẽ có chiến tranh giữa hai phe Cộng-sản và tư-bản ?

— Dĩ nhiên... Thế giới đại chiến thứ ba sẽ phải bùng nổ, «không thể nào tránh khỏi được». Chính sách *Sống chung hòa bình* hiện nay chỉ là một chủ trương gượng-gạo, tạm thời, đề hai phe địch thủ có đủ thì giờ hoàn bị những yếu-tố chiến tranh quyết liệt, ghê gớm hơn bao giờ hết ! Các nước “ Trung lập ” đáng kể như India, Yougoslavia, Egypte và các nước nhược tiểu như Cambodge, Indonesia, cũng hô hào sống chung hòa bình, mục đích là lợi dụng sự viện trợ của cả hai khối Mỹ Nga để tăng cường và củng cố địa vị riêng của họ mà thôi.

Chứ họ cũng biết rằng đối với Mỹ, Nga, lực-lượng của họ không đáng kể, và nếu chiến-tranh xảy ra thì họ là những kẻ nạn-nhân đầu tiên. Cho nên họ muốn gây ra một lực-lượng thứ ba, để có hết sức giữ vững thế thắng-bằng giữa hai khối địch-thủ to lớn.

Nhưng India và Indonesia đã gặp phải thực-tế chua cay với Trung-Cộng, Egypte với Nga-Xô, cho nên ngày nay chính những lãnh-tự có uy-tín nhất của chính-sách Trung-lập và Sống-chung Hòa-bình, như NEHRU và NASSER, cũng đã dần dần lánh xa khối Cộng mà nghiêng về phe Mỹ.

— Nhưng nếu Mỹ cứ nhượng-bộ thét thì sao.

— Thì khỏi có chiến-tranh ! Cộng-sản sẽ thôn-tính lần - lượt các vùng trọng-yếu, như tằm ăn dâu, rồi chiếm tất cả các lục-địa. Mỹ bị cô - lập sẽ tự tiêu - diệt, không cần có chiến tranh. Nhưng không có lý nào Mỹ khờ-khạo quá như thế. Cho nên dù Mỹ có sự chiến-tranh chăng nữa, không sớm

thì cuộc chiến tranh cũng phải có, và chắc-chắn là sẽ có.

Bà Tú bá cò ông Tú, ôm siết lấy ông :

— Thôi, em không thích có chiến-tranh đâu. Mình ơi ! Em muốn thiên hạ ai ai cũng sống chung hòa bình như mình với em cơ !

Giọng nói của bà Tú nũng-nịu dễ thương làm sao !

Ông Tú cười, kết luận :

— Nhưng muốn sống - chung hòa-bình với anh thì em đừng có ghen nhé !

Bà Tú trẻ đưa ông Tú cái môi nhọn-lều như chiếc hỏa-tiến sắp vụt lên không-gian !

Điện-Huyền



★ THẬT THÀ

Tèo :

— Con nghe người ta nói « Thuốc đắng dã tật » là nghĩa gì vậy Ba ?

— Nghĩa là... thuốc có đắng thì bịnh mới hết...

— Thế sao con họ, Ba cho con uống thuốc gì ngọt ngọt đó, mà con cũng hết họ ?

TRẦN-NGỌC



cũng không cả gửi thư cho tôi nữa. Tôi linh cảm có một chuyện bất thường sẽ đến với tôi vì sự có mặt đột ngột của Ngân trong lúc này tại nhà tôi.

Tiếng Thịnh nói gấp :

— Minh tới nhà thấy cửa khép, nhưng còn ánh đèn phía đầu giường, mừng đã giãng và có người đắp mền ngủ. Minh tưởng cậu ngủ sớm nên

SỢI TÓC

★ ĐẶNG HỮU HỒ

TH Ế là đều thức mắc của tôi kéo dài từ đêm lễ Giáng sinh năm rồi tới giờ đã được cởi mở. Tôi nhớ mãi đêm hôm đó...

Sau khi ở nhà Thờ Lớn quay về, vì khát nước, chúng tôi tạt vào Cầu-lạc-bộ uống lade.

Vừa uống xong ly nước đầu tiên thì Thịnh — bạn tôi — đi vespa tới cho tôi hay có một cô ở Chợ-lớn chờ tôi ở nhà từ lúc 10 giờ tối.

Tôi biết ngay người tới tìm tôi là Ngân. Đã mấy tháng nay Ngân không tới thăm tôi và

mở cửa bước vào, định lay cậu dậy để đi chơi thì giật mình khi nhìn rõ những lọn tóc uốn phủ trên mặt gối.

Minh vội rút nhanh tay lại vừa lúc người con gái mở mắt. Minh vội tự giới-thiệu rồi hỏi cậu đầu. Nàng cho hay khi tới đã không thấy cậu ở nhà. Minh hứa đi tìm cậu về và...

Thịnh mỉm cười bắt hàm bảo tôi :

— Thôi về đi !

Nhìn đồng hồ đã gần 1 giờ khuya, tôi vội xin lỗi mấy bạn để về trước.

Về tới nhà, thấy Ngân đang ngủ ngon, tôi lặng lẽ thay quần áo. Nghe tiếng động, Ngân mở bừng mắt. Thấy tôi, nàng mỉm cười hấp háy đôi mắt vì bị quáng ánh đèn rồi bắt tung mền ngồi dậy.

— Anh mới gặp Thịnh cho hay nên vội về ngay kéo em mong. Em ngủ ngon chứ ?

Ngân gật đầu hỏi tôi :

— Chắc anh lại đi uống bia phải không ? Sao em ghét những người uống bia và hút thuốc lá thế !

Tôi cười xí xóa :

— Uống bia để giải khát chứ đâu phải uống rượu.

Ngân bĩu môi :

— Không phải rượu mà mồm lại sặc mùi rượu.

Tôi đành nói lảng :

— Nếu em đến sớm, chúng mình cùng đi xem lễ có phải vui vẻ không !

— Em cũng định đến sớm nhưng mấy cô bạn cứ giữ ở lại nói chuyện nên mới tới muộn.

Nằm bên Ngân, tôi làm như thân nhiên hỏi nàng :

— Tại sao lâu nay em không gửi thư hoặc lại thăm anh, làm anh mong đợi hết sức.

Nhìn Ngân tôi thấy nơi mắt nàng có vẻ bất mãn.

— Còn anh, tại sao anh không viết thư cho em ?

— Anh hằng mong đợi thư của em để hiểu em nghĩ về chúng ta ra sao trong những lúc xa nhau. Vì không thấy tin em nên anh cũng ngần ngại viết.

Ngân rút dưới gối ra một phong thư có dán tem sẵn trao cho tôi :

— Thư này em định gửi cho anh từ đầu tháng nhưng em cũng thấy ngại ngại nên chưa gửi đi. Hôm nay em đến đây để trao tận tay anh.

Cầm phong thư tôi hỏi Ngân :

— Bây giờ em còn gửi cho anh làm gì nữa. Nếu cần nói gì, em cứ nói thẳng cho anh biết.

— Không, anh cứ giữ lấy nhưng để sáng mai hãy đọc.

Tôi ngạc nhiên hỏi lại :

— Anh không thể đọc ngay bây giờ được ư ?

Ngân lắc đầu :

— Không được. Bây giờ

anh hãy ngủ đi cho khỏe mắt.

Tôi đành chiều ý muốn của Ngân và ngủ thiếp đi trong thất mát.

Sáng hôm sau, khi tôi thức giấc, ánh nắng đã lùa chan hòa trong phòng ngủ. Bên cạnh tôi trống trơn. Ngân đã ra về tự hồi nào tôi cũng chẳng hay.

Tôi vội xé phong thư nàng trao cho tôi hồi đêm. Lá thư chỉ vồn vồn có ít hàng chữ :

Chợt lớn 10-12-60

Hồ ơi !

Cố quên em đi nhé ! Và nên quên tất cả chuyện lòng.

Chúc anh vui,

Hôn anh

Ngân

Đọc hết lá thư, tôi ngần người không hiểu gì cả. Vì lý do gì, Ngân đã khuyên tôi nên cố quên nàng đi, quên cả mối tình mà tôi đã dành cho nàng cũng như nàng đã dành cho tôi.

«Hay là Ngân sắp đi lấy chồng ?» tôi thầm nghĩ như vậy.

Tại sao Ngân không nói thẳng cho tôi hay sự thật ? Chẳng lẽ nàng coi tình yêu như một trò đùa hay sao ?

Tôi mở tủ lấy ra một sấp thư của Ngân đã gửi cho tôi. Lá thư nào cũng nồng nàn, tha thiết, thành thật.

Ngày 1-7-60

Anh kính yêu của Ngân ơi !

Ngân nhớ anh lắm

Ngân yêu anh nhiều

Ngân gửi về anh vạn mền thương tha thiết của lòng Ngân.

Anh ơi ! Gần một tháng xa anh, Ngân sống với một cõi lòng hoàn-toàn thiếu thốn, ước mong. Ngân buồn lắm anh ạ, nhất là những ngày mưa lạnh, lòng Ngân lại càng thấy lạnh hơn nữa. Cứ mỗi một đêm về tâm hồn Ngân với tất cả sự trống trải, cô đơn, Ngân nhớ thương anh làm sao...

Anh ơi ! Chỉ có kẻ «mở cõi» mới thấy đời mình cô-độc lẻ loi, và mới hiểu rõ «giá-trị» của một «tình yêu». Chỉ có kẻ «cô đơn» mới hiểu lòng của một kẻ «cô đơn».

Đúng thế không anh ?

Ngân tin rằng chỉ có lòng anh mới vỡ được lòng Ngân và Ngân cũng mong thế.

Ngân cầu mong rằng chúng ta sẽ là đôi chim trời chấp cánh mãi mãi bên nhau.

Chợt, 14.7.60

Anh kính yêu của Ngân,

Mới đây mà đã sáu ngày rồi anh nhĩ. Chồng thật!

Nhớ anh lắm rồi! Ngân chỉ mong tưởng đến anh mãi thôi.

Anh có nhớ Ngân không?

Xa xôi quá, Ngân chẳng biết làm cách gì để săn sóc sức khỏe cho anh. Trông anh gầy, Ngân lo quá, Ngân thương anh nhiều nhất trong đời Ngân hiện tại! Anh cứ tin như thế là đủ.

Anh đã rõ hoàn cảnh và cái sống thiếu tình thương của Ngân? Ngoài lẽ sống tạm bợ hàng ngày Ngân luôn luôn nghĩ đến anh, nghĩ đến tương lai chúng ta. Ngân ước mong đến ngày chúng ta sống chung bên nhau, Ngân sẽ giúp đỡ, thay thế và gánh vác tất cả mọi sự nặng nhọc cho anh chắc là Ngân sung sướng lắm.

Anh cố giữ sức khỏe nhé, bớt hút thuốc, bớt thức đêm, bớt chơi khuya đến 1, 2 giờ đêm và... và anh nên nghĩ tới Ngân, người vợ của anh, đã trao gửi tất cả cuộc đời cho anh. Anh đừng làm cho Ngân đau khổ nhé!

Tôi bàng khuâng nghĩ ngợi,

Ngân đã một hai ước mong nàng và tôi sẽ chung sống dưới một mái nhà, nàng sẽ là một người vợ hiền, vậy mà giờ đây nàng lại mong tôi cố quên nàng đi!

Giữa những xấp thư, tôi chợt nhìn thấy một gói giấy nhỏ. Tôi nhớ ra rồi, gói giấy trong đựng mấy sợi tóc dài của Ngân. Trước khi uốn tóc, Ngân đã trao cho tôi mấy sợi tóc dài để tôi làm kỷ niệm. Chính tôi đã khuyên nàng nên uốn tóc. Lúc đầu nàng không chịu, sau vì tôi nói quá, nàng hứa để cho nàng được nghỉ trong vòng hai ngày. Ngân không trả lời có bằng lòng uốn tóc, hay không nhưng khi nhận được những sợi tóc đó, tôi thấy rõ tâm lòng của nàng đối với tôi: nàng đã chiều theo ý muốn của tôi.

Vậy mà giờ đây nàng lại muốn tôi quên nàng. Quên hết cả!

Tôi biên thư cho Ngân mấy lần nhưng không được hồi âm. Tôi biết nàng vẫn ở chỗ cũ, nàng không trả lời tôi chắc có lý do gì đây. Tôi thắc mắc mãi nhưng lại không muốn đến nhà nàng để tìm hiểu..

Nhưng bây giờ tôi đã rõ.

Một người quen cho tôi hay mới gặp Ngân và được nàng báo tin cho biết, nàng sắp lấy chồng. Người bạn tôi có hỏi Ngân tại sao không lại thăm tôi, thì nàng cho hay vì bận quá nên chưa tới được.

Thế là Ngân sắp lấy chồng !

Tình yêu của nàng dành cho tôi thế là hết ! Ước muốn làm vợ tôi cũng tan như mây khói, dù những giòng chữ của nàng

vẫn còn hằn rõ trên trang giấy màu xanh nhạt.

Tôi chợt nhớ tới lời nói của một cô bạn gái không thân lắm.
— thuộc loại « mới ».

« Anh nên nhớ, những cô gái bây giờ, yêu ai yêu rất chân thành. Nhưng chồng họ sẽ không phải là người họ đã yêu. Yêu để được hưởng-thụ tình yêu, còn lấy chồng mới chính là điểm tính toán ! ».



★ QUẢNG CÁO

Một ông bác-sĩ hay thích làm quảng cáo cho phòng mạch của mình, trước khi chết dặn người con trai :

— Khi Ba chết, con nhớ đóng một tấm lác bằng đồng ghi tên Ba ở trên nắp quan-tài nhé.

— Thưa Ba, để làm chi vậy ?

— Để quảng cáo cho phòng khám bệnh của Ba.

Người con có hiếu, vâng lời. Hôm sau, ông bác-sĩ tắt thở. Ban bè đến phúng viếng không khỏi cười thầm khi thấy trên nắp quan tài có một tấm lác bằng đồng ghi :

« Lê Văn, y khoa bác-sĩ, tiếp bệnh nhân mỗi ngày, buổi sáng từ 8 đến 12 giờ, buổi chiều từ 15 đến 18 giờ ».

Đêm cầu nguyện

Đã bao đêm khi đèn sao sắp tắt
Con vẫn ngồi yên lặng giữa hư vô
Trong bóng tối hồn con luôn thức mắc,
Ngày mai đây đời sẽ đến nơi mô ?
Thuyền xuôi ngược trên giòng đời cay cực
Hoa Đàm Thiêng chưa nở cội lòng con.
Đuốc Tuệ sáng không bao giờ đỏ rực,
Mỗi ngày đêm trí hẹp, một hao mòn.
Biển Giác thăm, ba đào cao quá đôi,
Mà thuyền con nhỏ quá vượt làm sao ?
Thề xác còn đam-mê trong tội lỗi,
Biết bao giờ giải thoát đến siêu cao ?
Đêm cầu nguyện ngàn trăng sao sắp rụng,
Lời Như-lai chưa đến ở trong lòng.
Con ngã gục, linh-hồn con ngã gục
Giữa hai hàng bạch lạp chảy song song !

MINH-HOÀNG (Bình-Định)

Lạc giữa vườn muôn sắc
Tôi chọn một cành hoa
Nụ hoa màu tuyết ngọc
Nồng đượm vẻ kiều xa
Đứng trước vườn muôn sắc
Tôi chọn một cành hoa
Ép vào lòng trang giấy
Gửi đến người phương xa
Giữa muôn ngàn sắc thắm
Cánh bướm lạc vườn hoa
Nhẹ đặt mình xuống lá
E ngại hạt sương sa
Cánh bướm cũng như tôi
Bỏ ngõ trước khung trời
Xanh xanh màu lá biếc
Rạo rức dài hoa tươi
Cánh bướm khác gì tôi
Bỏ ngõ giữa khung trời
Êm êm làn gió thoảng
Lác đác phấn hương rơi...

TUYẾT-ÀI (P.C.T. Đà-Nẵng)

LẠC LŨNG VƯỜN THƠ



ma không chồng

(Tiếp theo P.T. số 60)

VÀ cái thứ nhì :
« Edouard thân mến,
« Anh sẽ ban cho em
một niềm vui sướng, nếu tối nay
anh đến thăm em tại rạp hát
Vandeville, nơi hàng ghế đặc biệt
số 29. Em không thể nào đi ăn
cơm với anh. Em khờ sở lắm.

« Ngàn lần âu yếm anh —
Marie ».

Chắc chắn là bức thư thứ nhất
nhắm vào lúc mở màn mỗi tình
của hai người ; và đọc những bức
thư như thế, ai mà không tưởng
tượng ra, nơi hàng ghế thượng

hạng trong rạp hát, có một nàng
Marie chừng diện lộng lẫy, vẻ
mặt buồn bã chừng ấy, đẹp
dẽ chừng ấy, đau khổ hay
lãnh đạm chừng ấy ; có lẽ bởi
vì nàng hiểu rằng « lời vui khó
nói, điệu buồn dễ hay » hoặc là
một vẻ mặt lơ đãng hay xa vời.
chừng ấy có thể làm tăng thêm
cái sức quyến-rũ mê hoặc những
chàng trai si-tình.

Bức thư thứ ba là một trong
những bức thư dài nhất của Marie-
viết bằng mực rắc bột vàng trên
nền giấy màu xanh nhạt, với
những giòng chữ êm đềm :

« Ned thân yêu của em,

* Chiều nay sẽ có cuộc trình diễn phi thường với sự góp mặt đông đủ các tài tử trứ danh P. R. , H. N. H. , T. K. L. , D. L. , ... và sau đó, có tổ-chức khiêu vũ. Em hãy ao ước được dự một cuộc khiêu-vũ và xem buổi trình diễn như thế. Anh sẽ làm cho em vui sướng biết bao nhiều, nếu anh tặng cho em một vé thượng hạng. Trả lời cho em rõ, bạn thân yêu của em. Em, em hôn lên cặp mắt xanh của anh một ngàn lần, nếu anh cho phép.

« Em của anh. Marie. »

Điều ao ước diễn tả trong thư của Marie có thể được Ned làm thỏa mãn. Hai người cùng đi dự buổi dạ hội hôm ấy, buổi dạ hội mà những nghệ-sĩ tầm thường của Paris đến diễn những vở hài kịch và bi kịch trong những màn hay, những cảnh từng gặt được nhiều kết quả nhất.

Ngồi cạnh Bouffé và Ned, Marie đã khóc hay đã cười trong buổi dạ hội hôm ấy ? Có thể nàng bằng lòng mỉm cười hay là làm mờ nhạt những tia nhìn bởi một tấm màn buồn thảm, trong khi điềm thêm vào phòng hội đôi vai trần khêu gợi và gương

mặt dịu hiền.

Tất cả các buổi tối, Marie không sót hôm nào tại các rạp hát và nàng cũng không kéo dài những bữa cơm hay những bữa café tại quán Paris. Và mỗi khi nàng mệt thì hoặc Perregaux đưa nàng về tận nhà, hoặc chàng cũng không buồn đưa nàng về. Điều đó, tùy theo sự đòi thay của mỗi tình nó quyết định. Đôi khi Marie lại thích nằm ở nhà hơn, và như thế, vì lý lẽ này hoặc lý lẽ khác, Perregaux lại được nàng đợi ở nhà.

« Sáu giờ rưỡi chiều nay », nàng viết cho Perregaux trong một bức thư như thế. Và nàng thêm : « Một ngàn lần yêu dấu. Marie. »

Bảy giờ, Perregaux say sưa, nhưng đôi khi Marie lại ít thích cái đời sống quá thuần hợp và quá theo khuôn mẫu như thế, nên nàng lại tìm một lý lẽ để trốn thoát bóng hạnh phúc của nàng.

« Anh Edouard thân yêu của em,

« Em rất bức mình vì không nhận được bức thư của anh sớm hơn một giờ. Zélie đã biên thơ cho em rằng nàng sẽ cùng đi chơi với em tối nay, em đã hứa như thế và không làm gì hơn được.

Nếu anh muốn, ngày mai chúng ta cùng nhau đi ăn cơm ».

Mặc dầu từ tế, dễ thương, những bức thư như thế cũng làm cho Edouard điền tiết lên. Chàng yêu Marie, và chàng cũng như bao nhiêu chàng trai khác, nghĩa là chàng cũng có tật ghen. Chàng lại không thể theo phe những người bị « cạm sừng », nhiều phen chàng rình rập Marie, giả vờ lãng vãng gần bên nhà nàng để theo dò nàng ra vào, để coi chừng những khách khứa của nàng. Mỗi lần như thế, chàng trở về với vẻ mặt tươi vui và lòng chàng êm dịu, nếu mọi việc đều bình thường, đều êm ái, nếu không có một mảy may nào đáng để cho chàng khả nghi.

« Cậu bé con thân yêu,

« Hôm nay em hơi khó chịu...

Chiều nay em sẽ đi ngủ sớm và sẽ không tiếp cậu bé con thân yêu của em được... »

Khi nào Marie viết cho « cậu bé con » Edouard như thế, chàng liền đến nấp dưới cửa sổ nhà nàng và tin tưởng chắc chắn rằng mọi việc sẽ êm đẹp theo như ý chàng, nghĩa là ngôi nhà nàng yên lặng và ánh đèn trong phòng

khách không còn lọt ra ngoài song cửa nữa...

Perregaux đọc sách rất ít, nhưng chàng cũng đã đọc Atala, cuốn truyện kể cuộc tình thâm thiết của hai người dân da đỏ ở Nam Mỹ của Chateaubriand; nên đôi khi chàng cũng gọi người yêu mình bằng : « cô gái da đỏ đáng yêu của anh ! » Marie ngạc nhiên, trở mặt nhìn chàng. Chàng chỉ biết nói với nàng rằng chàng không hiểu tại sao có những đêm không thể giải nghĩa được ở trong gương mặt hình thuần tuyệt diệu ấy, trong làn da nhàn nhạt ấy, trong những nút hoa cài trên mái tóc mềm dịu ấy, trong đôi mắt sắc và dài long lanh, ẩn sau nửa bức rèm mi láng bóng ấy....

Không, Marie không phải như những nàng con gái khác, — những người con gái giang hồ hão hạng của thời đại, đã ghét nàng đáng cay. Những người con gái giang hồ ấy đã suy nghĩ một cách ngây thơ dại dột rằng bọn đàn ông tại sao lại đi say mê một con người có cái đầu của thiên thần mà lại khinh khi mọi người đến nhường ấy ! Các cô La Bénini, Lola Montes, ... đều

công kích nàng với những lời
châm chọc ghen tuông.

Người ta mỉa mai tính lạnh
đạm của nàng mà nhiều người đã
lấy làm thích thú. Người ta cũng
mỉa mai tính nhông nhẹ uốn éo
của nàng. Người ta muốn ở nàng
có một cái gì đẹp thật. Nàng, cái
thân hình mảnh dẻ ấy đã trở nên
một gò đất nuôi sống những lời
phỉ báng chế nhạo.

— Chính là một bộ xương
linh động ! Sư tử Hà-dông Bénini
la lên.

— Đôi mắt của nàng như mặt
nước vịnh Venise, chỉ phản chiếu
những cái gì chán nản buồn sầu.
Một á khác bảo thế, nhưng Léo-
nide lại ác độc hơn :

— Nói cho đúng, đó là những
cái ao tù chỉ chứa những nước
cống, nước rãnh, bạn ạ.

Nhưng những lời nói xấu,
những lời phỉ báng chế nhạo
Marie nào có được chàng Perre-
gaux kể là gì ! Chàng chỉ biết
tận hưởng cái sắc đẹp, cái duyên
dáng của nàng. Chàng, kẻ con
cháu của những viên chức cao
cấp và ngay cả — chàng cho
người ta rõ như thế — những
thống chế của nước Pháp đã một
thời kính cần nghiêng mình trước

Joséphine de Beauharnais rồi
trước Marie Louise (1) mà người
ta lấy làm hân hạnh gọi là một
trong những bà Hoàng hậu khả
kính của kinh thành.

Chàng thích nhắc lại những
buổi chàng và nàng sánh vai nhau
đạo chơi trong những vườn nho
con gái hay trên những con
đường cỏ may thoang thoang
hương gió nhẹ, nhất là vào buổi
đầu của cuộc tình, ở Bougival.
Những buổi sáng đẹp trời, chừng
độ 9 hoặc 10 giờ, chàng và nàng
khoác tay nhau dưới những tia
nắng mát dịu tô điểm rực rỡ cả
cánh đồng.

Đôi khi chàng và nàng thư thả
tựa lưng nhau trên một chiếc xe
ngựa bốn bánh, và mấy con ngựa
hiền hòa tiễn đưa chàng và nàng
đến tận cái quán nhỏ trên bờ sông
Seine ; từ đó, giòng sông trải ra
một phong cảnh rực rỡ huy hoàng
đến tận chân trời xa, dải lụa
xanh rì lãng tãng những đợt sóng
bạc, cuộn cuộn giữa cánh đồng

(1) *Joséphine và Marie
Louise là hai người vợ của
Napoléon Ier*

Gravillons và cù lao Croissy ; cả một ven làng đông đúc hướng về giòng sông và thêm vào đó, hàng liễu xanh mờ dọc giòng sông đùa giỡn với làn nước lững lờ óng ánh ; về bên phải có những dãy gò đất đồi cây lá xanh hoa đỏ hoa vàng, về bên trái, thủy lộ Marly chắn ngang chân trời như những vạch trắng uốn éo với vẻ duyên dáng kiều kỳ. Những dãy nhà nhỏ nhắn, tường trắng mái đỏ ánh lên dưới ánh mặt trời. Đàng xa kia, Paris mờ mờ thoáng hiện sau bức màn hơi nước khẽ rung rinh...

Những buổi đi dạo chơi quanh ngoại ô như thế làm cho Marie hớn hở vui đùa như những ngày ấu thơ, và có lẽ đúng hơn, cánh đồng phẳng lặng dịu hiền đã gây cho nàng một cảm giác lâng lâng như nàng đang ở trong vùng Normandie hiền dịu, nơi mà vào ngày 16 tháng giêng năm 1824, nàng đã mở mắt chào đời, với cái tên Alphonsine Plessis thơ ngây...

Vùng ngoại ô, một phong cảnh quê mùa, nơi mà thiên nhiên phù hợp với niềm luyện ái, ăn nhịp với mối tình hoa dại thơ ngây.

Hôm ấy, chính vào ngày thứ tư trong tuần, và lũ quán hầu như trở trọi. Marie và chàng điem tâm trong vườn cây, trốn tránh cái vẻ hào nhoáng nhộn nhịp bên ngoài của Paris hoa lệ. Nàng và chàng sống hết cái khoảnh khắc hiện tại, cái khoảnh khắc vô thủy vô chung.

Bóng mặt trời len qua ngọn cây liễu lớn, chiếu lên nàng rực rỡ. Cái rực rỡ chưa bao giờ hiện rõ trước mặt Perregaux như thế. Hai người vui đùa trao đổi những mẩu chuyện không đầu không đuôi về cây liễu xanh, về cành hoa tím, về con mèo dóm đỏ dóm vàng đang ngủ ở bên cạnh. Món cá rán sao mà tuyệt diệu, ngon lành. Một thoáng gió hiu hiu, một chút rượu vang nhẹ cũng đủ làm cho đôi nhân tình say sưa choáng váng, hương hoa hay hương cỏ đại bốc lên tràn ngập đầu dây...

Perregaux đã tin tưởng và luôn luôn tin tưởng vào lòng trong trắng thơ ngây của Marie, vào mối tình chân thật với những đức tính chất phát, cái vẻ tự nhiên và tinh khiết như một cánh đồng quê. Chàng tưởng tượng đến một túp liều tranh, hái quả tim vàng của chàng và nàng luôn luôn kết chặt. Hiền

đều làm sao khoảng thời gian đã mất và người ta không thể giữ lại được I... Có thể chàng sẽ ở Ile-de-France, ở Normandie, ở Espagne hay ở Italie, nơi nào cũng được, miễn là có xa nhân loại và cái thế giới hỗn độn này. Buổi mai hồng, chàng và nàng sẽ thư thả dạo qua cánh đồng, dưới những bóng cây râm, qua những bờ cỏ dại... Hai người yêu nhau, hai người là một vũ trụ, hai người là tất cả, tất cả chỉ có hai người chàng còn phải làm gì để được hạnh phúc vuông tròn hơn ?

Chàng tự mãn nguyện rằng nàng là một minh tinh chói ngời trong thành phố. Lòng tự ái và tính khoe khoang của chàng tìm thấy ở đây một hương vị khoan dịu. Nhưng vì ít đọc sách nên nàng cũng khâm phục cái thú đọc sách của nàng : nàng thuộc lòng những câu thơ say đắm não ruột của Lamartine, của Musset ; Manon Lescaut và Atala là hai cuốn truyện nàng gối đầu giường.

Nhưng rồi nàng cũng muốn thay đổi cái không khí huyền ảo ấy, và một buổi chiều, nàng bảo Perregaux :

— Ned của lòng em, anh có

muốn chúng mình cất bước lên đường ?

— Và đi đến đâu ?

— Italie.

— Em chán nơi này ?

— Không, nhưng em muốn một mình em và anh ở một thế giới khác.

— Vì sao vậy, em ?

— Vì nhiều chuyện, anh ạ.

— Thì đi, nếu em thích. Đi, chúng ta đi du lịch một pheu, Marie !

Nhưng Marie đã đòi ngay ý kiến :

— Thôi, em thích ở đây hơn.

Nàng làm cho Perregaux luống cuống, với những thúc giục, với sự thay đổi những điều ước ao. Nhưng Perregaux vẫn tin ở mối tình bất tuyệt, mỗi khi nàng nũng nịu tựa đầu vào vai chàng. Có lẽ nàng cũng vững một niềm tin :

— Tình ta chẳng phải một mối tình tầm thường, Ned ạ. Nhưng em run sợ khi anh nghĩ đến dĩ vãng của em. Em muốn anh hứa với em rằng anh sẽ không bao giờ rời bỏ em...

Perregaux lặng lẽ suy nghĩ. Marie mở tròn đôi mắt đen lánh và sâu thẳm nhìn chàng, như đọc

qua đôi mắt xanh ấy, lời thề của chàng có phải chẳng là thành thực, và rồi nàng khấp nép trong cánh tay chàng, và trong khi chàng hít mạnh mái tóc tỏa hương thơm dịu của nàng, nàng nhỏ nhẹ :

— Chính anh yêu chẳng hiểu em yêu anh đến bậc nào !

Giống giới quý tộc, trưởng giả, nên Edouard lo sợ đến những món nợ. Còn Marie, bản tính bất thường, lại hay tham dự vào những bọn đàn bà hay tiêu xài xa xỉ. Muốn sống với Edouard lâu chừng nào hay chừng ấy, nên nàng thường dự định với chàng những bữa ăn cơm không phải tại nhà nàng mà tại một nhà hàng hoặc ở Paris hoặc ở đồng ruộng.

Chàng đến dắt tay nàng đi ăn, đi coi hát, đi nhảy, và thường tiêu phí mỗi đêm đến hàng chục tiền vàng, rồi tiền tiêu hàng năm chàng đem đốt trong ba tháng. Chàng phải mượn thêm, và chàng tiêu phí thêm, xa xỉ với những món tiền khổng lồ, và nhất là những đêm Marie ném tiền qua cửa sổ, ném vào những cuộc đổ đèn. Chàng cũng không phàn nàn, vì một đời sống như thế càng làm cho chàng thỏa mãn, nhưng chàng cũng lo lắng, tự hỏi rằng những

cảnh đời sung mãn như thế không biết sẽ phải chấm dứt vào một lúc nào...

MỘT VỊ ĐẠI SỨ XUẤT HIỆN

Tình yêu đẹp đẽ nhất là tình yêu không tốn kém gì. Mỗi tình của Marie làm cho Edouard tốn kém quá mức, và gia sản chàng suy sụp. Nàng là một minh tinh sáng chói nhất, nhưng cũng là một danh kỹ xa hoa nhất Paris lúc bấy giờ. Tuy nhiên, nàng cũng lại là một người có lắm điều bất hạnh. Nỗi lo âu về tiền bạc nhiều khi làm cho nàng phát sốt lên, nhưng sức khỏe của nàng lại càng làm cho nàng phiền não hơn. Nhiều phen nàng nổi lên những cơn ho nhoài người, cũng có những cơn ho làm cho nàng khạc cả tã huyết ra. Đây là một cơn bịnh có thể làm cho nàng tàn tạ dần dần.

Người ta khuyên nàng nên đi nghỉ ở Bagnères. Nàng đến đó, nhưng không có Perregaux đi theo, vì chàng cần phải yên tĩnh để lo liệu công ăn việc làm.

Một ngày kia, một người đứng tuổi, râu bạc, cao và mạnh mẽ, phong nhã, chắc chắn đến hỏi

thăm nàng vì nàng chưa gặp người ấy bao giờ. Ông ta đến bên nàng, cúi rạp mình chào nàng và xin một ân huệ « đặc biệt » được trình bày những điều ông hằng ao ước từ lâu. Ông ta nhỏ nhẹ :

— Biết bao lần tôi đã chú ý đến cô, thưa cô, ở rạp Vandeville, ở rạp Opéra, ở vườn Elysées ! Tôi biết ơn dịp tốt đã cho tôi gặp cô tại đây, đề nghị với cô rằng tôi đã khâm phục cô biết chừng nào !

Với mớ tóc lăn quăn trên đầu, với phong độ lịch sự, một gương mặt cao thượng, đôi mắt linh động, ông ta tự giới thiệu :

— Bá tước de Stackelberg, đại sứ Nga.

Marie vừa nghe tên bá tước, nghĩ đến một gia tài kếch sù. Nàng mỉm cười cùng người khách lạ và mời ông ngồi bên cạnh nàng.

— Cô ạ, ông ta nói, cô rất giống với con gái cưng của tôi... đứa con gái cưng đã vĩnh biệt tôi đang lúc thanh xuân như cô bây giờ. Như cô, nó cũng có một suối tóc nhưng đẹp, một làn da trắng mịn. Tôi thường gọi nó là « Bạch Huệ của ba », và Bạch Huệ được sống một cuộc đời thanh niên đầy đủ: dạ hội, khiêu vũ, tắm biển,

hội xoàn, cờ bạc, và cuối cùng, cuộc đời. Và Bạch Huệ đã đi qua cuộc đời ! Ôi ! cô giống với Bạch Huệ của tôi làm sao !

Bá tước de Stackelberg, cựu đại sứ Nga bên cạnh triều đình Áo, chắc chắn đã quá 80 tuổi rồi. Ông là một người khéo ăn nói, khéo giữ gìn, nếu không luôn luôn tươi tắn thì cũng đủ sức khỏe, đôi mắt linh động lạ thường, tất cả biểu hiện một con người trẻ trung lanh lợi, nếu không có chòm râu dài đã ngả màu bạc phau.

Sau này, Marie kể lại với Alexandre Dumas rằng Thượng đế đã đặt nàng vào cuộc đời của bá tước Nga để nàng an ủi những nỗi đau khổ nhọc nhằn của bá tước.

Như Roqueplan đã ghi trong tập Parisine thì cái gương mặt đẹp đẽ của nàng ấy, cặp mắt nhung ấy, cái vẻ người duyên dáng ấy, đôi bàn chân nhỏ nhắn, đôi bàn tay mỹ miều ấy, con bệnh lao ấy, là nguồn an ủi cho Stackelberg trong những ngày cuối cùng của đời ông. Ông ta ở số 7, bến Antin, Paris. Khi trở lại kinh thành, ông ta đề Marie ở số 11 (bây giờ là 15), đại lộ Madeleine-

nơi một ngôi nhà trang trí sang trọng, đáng giá 3.220 francs, một món tiền đáng kể vào thời bấy giờ.

Chỉ nội một ngày, Stackelberg đã trả hết các món nợ của Marie và còn tặng nàng một chiếc ô-tô hòm, một cỗ xe ngựa với mấy con ngựa quý, có chuồng ở số 35 đường Caumartin. Thôi thì nàng được chịu chuộng đủ điều.

Johanès Gros có cho chúng tôi hay rằng hàng ngày, được Degout-ter đội mũ, Geslin mang găng tay và mỗi đôi găng nàng chỉ dùng được một ngày.

Bà Baijou và bà Batton, những người hàng hoa quen thuộc từ trước thường bán cho nàng những hoa huệ, hoa hường, nhưng từ khi các vị y sĩ của nàng cấm nàng dùng loại hoa đó thì nàng lại chuộng hoa « quận công », hoa trà, nhất là hoa trà.

Khi nào nàng hơi mệt, Erther đánh xe đưa nàng đi dạo, hai con ngựa mạnh mẽ, lanh lợi, đưa nàng đi khắp đó đây. Stackelberg thường ở bên nàng; nhưng con chó xù Tây-ban-Nha tên Chéri thì ở bên nàng luôn luôn; đó là một giống chó quý, từng được Louis Philippe chịu chuộng. Con Chéri còn có con bạn Duches-

se nằm đợi ở nhà. Duchesse thường buông những tiếng sủa điên cuồng khi thấy cô chủ và bạn Chéri của nó về đến cửa.

Nàng thường đi dự các cuộc đua ngựa vào mùa đông, choàng bộ đồ Satin trắng, trong chiếc xe có bốn ngựa kéo. Nàng cũng thường coi hát, khiêu vũ, ngồi trong quán oafé Anglais, nói ít và kiêu hãnh với sắc đẹp thì nhiều.

Rồi một cơn sốt làm cho nàng tàn tạ dần dần. Nàng cố che dấu và Stackelberg không muốn làm cho nàng buồn lòng nên cũng không nói với nàng bao giờ. Những cơn ho dài thường hoành hành, nhất là về mùa thu, đã đập bẽ lồng ngực nàng và làm nàng dấy dục.

Nàng tin tưởng nàng có thể yên nghỉ dễ dưỡng bệnh nơi một bờ bãi, hoặc một nơi yên tĩnh nào đó, nhưng rồi những dạ hội, những đêm bạc bài đã lôi cuốn nàng...

Đến khi trở về Paris, nàng lại tiêu tụy hơn trước. Một sáng nọ trong cơn họ dữ dội, nàng đã rùng mình khi nhìn thấy một vũng máu ghê tởm từ cuống họng nhào ra. Thầy thuốc đến, cho nàng uống sữa lừa, uống sirop chữa mao quản, và buộc nàng phải nghỉ ngơi

Nàng ngoan ngoãn tuân theo trong mấy ngày đầu, nhưng rồi lại nghe theo tiếng gọi của bản năng mà nhào vào lối sống quen thuộc, dễ rước về những cơn ho dữ tợn, chuốc lấy mảnh hình hài tiêu tụy hơn xưa.

Từ đó, Alexandre Dumas tác giả cuốn tiểu thuyết về cuộc đời nàng lại hiển hiện. Chàng gặp Marie vào khoảng 1844, và hai người cùng một lứa tuổi đôi mươi. Alexandre Dumas, con người hai mươi tuổi ấy, là một chàng trai lịch sự, hay đi vơ vẩn, hay sống nhiều về ban đêm, đầy nhiệt tình, cao lớn, đẹp trai, hàng râu mịn, một mái tóc nâu xoăn đẹp, một đôi môi đỏ mọng gợi tình.

Mẹ chàng vốn là một người giữ việc quần áo tắm thường mà người cha Alexandre Dumas père đã say mê rồi ruồng bỏ. Chàng, người con ngoại tình ấy phải sống với mẹ ở Passy. Nhờ số tiền chu cấp của cha, chàng sống một đời sống âm ỷ nơi kinh thành chói rạng.

TẠI RAP VARIÉTÉS, MỘT BUỔI CHIỀU...

Ngày hôm ấy, vào khoảng tháng 9 năm 1844, Alexandre

Dumas đến vùng Saint Germain để thăm cha. Ông này đang sống trong ngôi nhà lộng lẫy Médicis, nơi mà tác giả cuốn Henri III và cuốn Les Trois Mousquetaires đã đặt bút lần cuối cùng trên cuốn Monte-Cristo. Trên đường đi, Alexandre Dumas gặp Engène Déjazet, con trai của một nữ kịch sĩ. Hai người cùng sai ngựa về Saint Germain, rồi trở về ăn cơm ở Paris, và đề cho qua ngày hôm ấy, họ định chiếm hai chỗ ngồi trong buổi nghe tấu nhạc ở Variétés.

Trước khi kéo màn, Engène Déjazet thoáng thấy một thiếu phụ trẻ đẹp vừa ngồi ở dãy ghế bên cạnh. Chàng liếc với Dumas. Người thiếu phụ có vẻ cô độc, phía trước đó một bó hoa và một túi kẹo. Hàng ghế thượng hạng bỗng nhiên huy hoàng với sắc đẹp của người con gái.

Vừa ngồi xuống, nàng mỉm một nụ cười và đưa những cái nhìn trứu mến với khán giả trong phòng. Và A. Dumas ngây ngất, mê... Về sau, chàng tả rõ : « Nàng mang chiếc áo hàng mỏng, khoác tấm khăn Châle Ấn-độ, mỗi góc có thêu kim tuyến và hoa đẹp, một chiếc

nón rơm Italie, và một chiếc vòng kim cương óng ánh...” A. Dumas nhớ lại vẻ đẹp huyền bí mà chàng đã gặp ngày nào ở phố la Bourse, một thiếu phụ có hình dung diễm kiều nhường ấy, vẻ diễm kiều của những người con gái làm ta mơ tưởng đến tiếng thì thầm của một bờ hồ, cái khẽ rung rinh của một chiếc lá vàng, cái rung động xáo trộn của một cơn tim. Ngắm nàng lần ấy, chàng không thể không rung động với khuôn mặt “trái xoan nõn nà như một viên ngọc toàn bích”, cái miệng “dễ thương”, hàng lông mi “nhỏ và nhẹ” như những nét vẽ sẫm trên một mảnh gương lóng lánh, cặp mắt to, tròn, đen láy, ngây thơ, và cái mũi “linh động và rung rinh như đang hít một hương hoa” (theo lời Saint Victor).

Chàng hỏi Déjazet :

— Nàng tiên nào ấy, cậu ?

— Sao, anh không biết cô ấy à ? Chính nàng danh kỹ Marie Duplessis.

— Giới thiệu cho tôi, có được không ? Dumas bảo người bạn.

— Ô ! người bảo hộ cho người đẹp, bá tước de Stackelberg trong phòng ấy. Và tôi cũng thấy

có cô bạn Clémence Prat của cô ta trong bóng tối... Lúc đó mà tôi sẽ thử đến cô Clémence, tôi sẽ biết Marie đi một mình hay là cùng với Stackelberg.

Mọi việc đều diễn ra tốt đẹp. Độ 15 phút sau khi Stackelberg từ già Marie, Clémence Prat dẫn Déjazet và Dumas đến nàng danh kỹ. Nàng danh kỹ duyên dáng chuyện trò rồi mời cả ba người về nhà ăn khuya. Họ rời nhà hát, đến phòng ăn Cordone. Clotilde, người bồi phòng hạng nhất của nàng đã dọn ra nào gà đồ nậm, nào rượu Champagne. Nhưng vào cuối bữa, Marie trốn chạy vào vì nàng bị ho dữ dội.

— Nàng sao thế ? Déjazet hỏi ; và Clémence trả lời :

— Nàng cười quá, rồi ho, rồi khạc ra máu. Nàng thường bị như vậy.

Dumas bồn loạn, chạy theo nàng vào phòng trang điểm. Nàng nằm dài trên chiếc ghế trường kỷ, cái khăn tay che trên miệng. Và về sau, Dumas có thuật lại buổi hôm ấy : “ Tôi lại gần nàng và nàng không cử động gì. Tôi ngồi xuống trường kỷ, nắm chặt tay nàng.

— Ô ! Anh à ? Nàng hỏi tôi

miệng vẫn mỉm cười. Anh cũng định à ?

— Không. Nhưng cô, cô có một lần ?

— Một ít thôi. Em sẽ ra bàn ăn ngay bây giờ.

Tôi khuyên nàng, giọng cảm động :

— Cô phải nằm nghỉ. Cô lại muốn cho chết à ? Tôi muốn là một người em của cô, một người quen thuộc để ngăn cản cô điều đó.

— Vì lẽ gì mà anh hy sinh cho em ? Nàng tròn mắt, hỏi tôi.

— Vì một tình cảm anh không thể chống lại được.

— Như thế, anh yêu em ? Anh có thể bảo như thế ngay đi. Đó là một điều quá giản dị.

— Nếu anh phải nói điều đó, anh sẽ nói với em trong một ngày khác, không phải hôm nay. Vẫn nắm tay nàng, tôi nói nhỏ nhẹ, giọng hơi run run. Nhưng nàng lại bảo :

— Tốt hơn, anh đừng nói với em chuyện đó bao giờ.

— Tại sao vậy ? Tôi sửng sốt, hỏi nàng.

— Bởi vì... vì chỉ... có thể xảy ra hai việc. Hoặc là em không chấp nhận lời anh nói, như thế, anh sẽ muốn em nhận cho anh. Hoặc là em chấp nhận cái điều đó : bây giờ, anh sẽ có một người vợ điên cuồng, bệnh hoạn, buồn rầu, hay là vui một cái vui còn buồn hơn là sầu muộn, một người đàn bà thô huyết và tiêu mỗi năm hàng trăm ngàn francs ! Điều đó rất thích hợp cho một lão triệu phú, nhưng rất phiền não cho một người trai trẻ như anh..

Tôi lắng nghe và không đáp lại lời nào. Một đời sống đau khổ mà người con gái đáng thương ấy che dấu cái sự thật trong việc trác táng, say sưa và mất ngủ, tất cả các cái đó đã làm cho tôi cảm động, nói không nên lời.

—Nào ! chúng ta cứ nói những chuyện trẻ con. Buông tay em ra và chúng ta trở lại phòng ăn..

(Còn nữa)



★ **LO XA**

A khoe với B :

— Mỗi bữa tao đi học, má tao cho 1\$.

B hỏi :

— Thí dụ mày ăn hết 0\$50 thì mày còn bao nhiêu ?

— Còn 1\$50, vì ngày mai tao có thêm 1\$ nữa...

TRẦN-NGỌC

MỒ HÔI TRƯỚC MẶT



TRUYỆN DÀI TÌNH CẢM THỜI ĐẠI

★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 60)

TÓM TẮT KỲ TRƯỚC

Buổi tối về, Ánh đi học đánh máy chữ. Được ít lâu, thầy Tư quản lý nhà in gọi Ánh lên làm thư ký đánh máy, thay thế cho cô Năm xin nghỉ việc. Tình cờ gặp lại ông giáo sư Ngọc Minh đến thuê in sách. Ánh cảm thấy lòng rạo rực, bồn chồn khi đọc qua lời tựa cuốn « Đi tới một xã-hội vô giai cấp » của ông. Nhất là khi ông Ngọc-Minh hỏi thăm và có ý mời Ánh đến nhà ông dùng cơm.

XEM xong bài tựa, Ánh để tay trên trang bản-thảo, ngồi mơ-màng suy-nghĩ... Lòng cô nao-nao xao-xuyến. Thật

ra, Ánh không ngạc-nhiên vì những tư-tưởng của ông Giáo Ngọc-Minh mà Ánh có thể tự-phụ là đã hiểu nhiều rồi khi cô hãy còn là đứa đầy-tớ ở mướn cho gia-đình ông. Lúc bấy giờ Ánh cho rằng đó chỉ là những lời tán-tình khéo-léo của một ông chủ nhà hàm-mê sắc-đẹp của đứa ờ và muốn lấy nó mà thôi. Mặc dầu Ánh đã có nhiều lần nhận-xét ông Giáo Ngọc-Minh thành-thật quyến-luyến cô, nhưng cô không thể nào tin được rằng ông thành-thật có những tư-tưởng mà cô gọi là « bình-dân » như thế. Sống trong thành - kiến xã - hội

giai-cấp từ thuở thiếu-thời, làm sao Ánh quan-niệm được một nhà trí-thức thượng-lưu, địa-vị cao sang, gia-đình quý-tộc, có thể hạ mình xuống để yêu, và còn muốn cưới nữa, một con đầy-tớ hèn-hạ rách-rưới như Ánh ? Nhưng chuyện ấy đã qua rồi. Ánh đã ra đi, không một lần nào bước chân trở lại, dù là để viếng thăm chủ cũ. Hôm nay thật Ánh không ngờ, sau hai năm quên-lãng, một số kiếp lạ lùng đã đưa ông giáo-sư Ngọc-Minh đến đây, bỗng dưng gặp lại Ánh, và đề in một quyền sách về vấn-đề « Vô giai-cấp », mà bài tựa lại đề tặng Ánh !... Ánh tưởng-tượng ông Ngọc-Minh sáng nay cũng không thể nào không ngạc-nhiên được, khi thấy Ánh ngồi đây !

Ánh vô-cùng cảm-động. Bây giờ Ánh không còn nghi-ngờ tình-yêu dấm-say rất cao-thượng của ông Ngọc-Minh. Mấy lời tựa thiết-tha và giản-dị đề trên trang đầu tập bản-thảo này đã biểu-lộ chân-tâm của ông giáo-sư.

Ánh cảm thấy một phần nào hân-hiến được ông Ngọc-Minh lưu-ý đến mình và còn thương nhớ đến mình sau hai năm xa mặt cách lòng.

Nhưng chính vì thế mà Ánh càng đau khổ. Đau-khổ vì người yêu của Ánh, người yêu của lòng Ánh, không phải là ông Ngọc-Minh. Ánh kính-phục ông Ngọc-Minh là một hân-hiến lớn nhất và êm-dịu nhất của cô. Ông là một anh trai xinh-đẹp nhất của cô. Ông đáng là một người bạn tri-ký rất quý báu mà cô tự nguyện cả một đời cô sẽ tận-tụy quý-mến như một bậc thầy dạy bảo, một ân-nhân phúc-hậu hiền-lành đã xây-dựng cho tư-tưởng cô một quan-niệm công-bình và tiến-bộ về xã-hội, một lý-tưởng cao-cả của đời sống.

Nhưng, suy-nghĩ kỹ, ông không phải là người mà cô có thể yêu được. Chính cô cũng không hiểu vì sao dẫu cô cảm-kích về tư-cách tốt-đẹp vô-song của ông Ngọc-Minh nhưng cô không thấy say-mê rung-cảm về tình yêu ? Hay là tình yêu ấy, vì bao nhiêu cách trở, chưa đến với cô được ? Vì hoàn-cảnh, vì thành-kiến, cô chưa thông-cảm được với ông ?

Ánh nhận-xét ông Ngọc-Minh không thiếu gì cả đề cô yêu : địa-vị, tiền-tài, tư-cách, tính-nết, tài-năng, tư-tưởng. Ông còn hơn các bạn trai-trẻ thời buổi này vì ông không ham-mê vật-dục, không

rượu chè đàng-diếm, không trụ lạc về vật chất cũng như tinh-thần. Ông là một người gần như toàn thiện toàn mỹ, có thể là một người chồng lý-tưởng cho bao nhiêu thiếu-nữ. Nhưng không bao giờ Ánh dám nghĩ rằng ông sẽ có thể là chồng của Ánh !

Tất cả những điều tốt - đẹp, thanh - cao trên kia đã làm cho Ngọc-Minh thành một người rất đáng kính phục, đáng quý, và cũng đáng yêu nữa, nhưng vẫn không phải là tình yêu của Ánh.

Tình yêu của Ánh là Hoàng. Ánh nghĩ như thế, và Ánh chỉ nghĩ có thể thôi. Hoàng không có địa-vị, chức tước, không có tiền bạc, cửa nhà, không có tài-năng được như ông giáo Ngọc-Minh. Nhưng Ánh yêu Hoàng. Ba năm rồi, — không, hơn bốn năm rồi chứ ! — Ánh không gặp Hoàng, và không biết Hoàng phiêu-lạc nơi nào ? Ánh cố công tìm đã nhiều lần, không gặp. Ánh đã nhẩn nại dò hỏi nhiều người, không ai biết. Nhưng Ánh vẫn yêu Hoàng. Ánh yêu người bạn học cũ nghèo-nàn, khổ-sở, Ánh yêu người bạn trai đã bán chiếc đồng hồ đeo tay của ông chú cho, một vật kỷ-niệm thi đỗ — để lấy

200 đồng bạc đưa cho Ánh mua thuốc uống trong lúc Ánh nằm sốt mê-mán trên giường bệnh, trong căn nhà lá rách-rưới. Ánh yêu người đã cùng chung cảnh ngộ như Ánh, và tuy Hoàng chưa hề nói ra miệng một câu «anh yêu em» nhưng câu ấy Hoàng đã khỏi phải nói, vì Ánh đã tìm thấy trong đôi mắt nhìn say mê của Hoàng, trong giọng nói dịu-dàng âu-yếm của Hoàng, và trong số tiền 200 đồng kia tuy không là bao nhiêu, nhưng nó quý báu hơn hết thảy vàng bạc, châu báu trên đời.

Ánh nghĩ rằng đã yêu Hoàng rồi, Ánh sẽ chờ đợi Hoàng với một lòng trung-trinh vô thời-hạn. Một ngày nào đây, không sớm thì muộn, Ánh sẽ gặp lại Hoàng. Ánh tin như thế. Ánh chỉ quên được Hoàng khi nào hình ảnh của Hoàng biến mất hẳn khỏi trái tim của Ánh.

Ánh cũng biết không có một lời thề nguyện nào ràng buộc Ánh cả, nhưng Ánh cảm thấy rằng Ánh với Hoàng còn vương-vấn với nhau một món nợ ái-tình không vay mà nàng quyết trả, và tuy không hẹn mà nàng quyết gặp.

Ánh cũng lo sợ nếu một thời gian lâu mà Ánh sẽ không gặp lại Hoàng, thì Ánh sẽ làm thế nào? Nhưng Ánh tự an ủi: chừng đó sẽ hay. Ánh còn trẻ, đời Ánh còn dài. Ánh không cần phải vội-vàng hấp-tấp, không cần nương-dựa vào ai. Ánh sẽ tự-lập lấy thân với mồ-hôi nước mắt của mình để xây-dựng một đời sống lý-tưởng, chú-trọng đến giá-trị của con người, nhất là con người nghèo. Về điểm này, Ánh nhận thấy ông giáo Ngọc-Minh là người duy-nhất dễ cho Ánh kính phục và tin-tưởng.

Trưa hôm ấy, về nhà, Ánh ăn cơm xong, nằm trên chiếc võng rách lốt bằng miếng bao cà-ròn, nghĩ khá nhiều về ông giáo. Ánh cũng đoán biết là ông Ngọc-Minh không khỏi ngạc-nhiên thấy đứa đầy tớ của ông trước kia nay đã thành ra một cô thư-ký trong một nhà in lớn. Ánh tủm-tủm cười một mình, tưởng-tượng ông Ngọc-Minh nói lại chuyện ấy cho em ông là cô Minh-Tú nghe. Chắc cô Minh-Tú không tin! Nhưng rồi Ánh tự hỏi về thái độ của ông Ngọc-Minh từ nay về sau đối với Ánh sẽ như thế nào? Ánh rất thắc mắc

về bài tựa nơi trang đầu quyền sách mà ông để tặng Ánh. Hơn ba năm xa biệt, phần Ánh đã gần như lãng quên ông chủ nhà cũ rồi, mà ông Ngọc-Minh hãy còn nhớ đến Ánh ư? Ông hãy còn yêu Ánh thiết-tha đến thế ư? Nếu không, sao ngay trang đầu quyền sách, ông lại để tặng Ánh, đứa đầy-tớ rách-rưới của ông hồi ba năm xưa? Lúc ở trong nhà ông, không có lần nào Ánh nói với ông một lời tình-ái, lúc Ánh xách gói ra đi cũng không có được một lời từ biệt. Thế mà nay ông vẫn không thay đổi tư tưởng, nhưng còn cuộc đời của ông đã thay đổi như thế nào chưa?

Trường-hợp ông Ngọc-Minh khiến cho Ánh tò-mò muốn hiểu biết về ông nhiều hơn. Dù sao, Ngọc-Minh cũng là một người khác thường, mà Ánh tự hãnh-diện ngẫm là đã ở gần ông một thời-gian gần một năm, đã biết ông một phần nào về lý-tưởng xã-hội vô-giai-cấp mà ông quyết thực-hiện ngay trong đời tư của ông một cách rất khó-khăn, đau-đớn, và ... cô độc. Nghĩ xa, nghĩ gần, Ánh thương ông Ngọc-Minh lắm. Nhớ lại những cử

chỉ của ông. Ánh tự nhiên rưng-rưng hai ngăn lệ... Ánh không hiểu tại sao... Ánh thấy nao-nao trong lòng một nỗi buồn mênh-mông vô cớ...

Ánh chờ ngày mai ông Ngọc-Minh, tác-già quyền bản thảo «*Đi tới một xã-hội vô giai-cấp*» sẽ đến nhà in để ký hợp-đồng và đặt cọc tiền in. Rồi từ ngày mai trở đi, ông Ngọc-Minh sẽ còn phải thường tới nhà-in luôn để chữa bài, cho đến ngày sách in xong, nghĩa là trong vòng một hai tháng.

Nghĩ đến trường hợp trùng-phùng thật ngẫu-nhiên này, Ánh hồi-hộp bắn-khoăn...

Sáng hôm sau, Ánh ngồi đánh máy trong phòng giấy, nhưng trái tim xao-xuyến khác thường. Ánh vẫn phục-sức giản-dị, áo trắng dài mềm mại ôm sát vào người, để nổi bật lên một bộ ngực tuyệt đẹp. Mái tóc huyền đen mượt, chải sơ-sài nhưng gọn gàng, không cần nước - hoa vẫn thoang - thoang hương trinh. Ánh không đeo một món nữ-trang nào, trừ một chiếc đồng hồ đeo tay, lấp lánh dưới tay áo. Ánh không thích phô bày đồng hồ ra ngoài áo như

phần đông phụ-nữ.

Chín giờ hơn, Ánh nghe tiếng xe đồ trước cửa nhà in, rồi một phút sau tiếng giày tây bước vào. Ánh đoán biết có lẽ là ông Ngọc-Minh. Thoạt tiên cô không muốn ngó ra, nhưng rồi sao tự nhiên cô cũng ngoảnh mặt ra xem. Cô bèn lên vội quây mặt vào, vờ diềm-nhiên đánh máy như không để ý đến ai cả.

Nhưng một cô thiếu nữ đang rưng cảm có thể nào giấu được đôi má ửng đỏ của mình không? Một người tình ý như ông Ngọc-Minh thoáng trông gương mặt của cô, cũng biết ngay là cô đang ngượng-ngùng e-lệ. Nếu lúc bấy giờ ông giảo nhìn kỹ vào tờ giấy đánh máy của cô, chắc ông sẽ thấy cô vừa đánh lầm một con số trên biên lai : 32.000\$ mà cô đánh 3.200\$. Mất một con số không, không phải chỉ là mất 28.800 đồng bạc mà là còn mất một tý gì trong tâm-hồn của cô nữa !

Cũng may là Ánh trông thấy ngay sự nhầm-lẫn mà cô biết là tại cô đang bối rối. Nhưng Ánh mỉm cười nghĩ thầm rằng chính ông Ngọc-Minh cũng không diềm-tính gì hơn cô, vì trong văn-phòng hiện không có ai, ông Ngọc-

Minh đang đứng trước mặt cô một lúc khá lâu mà ông không nói ra được một lời. Cả hai người đều ngượng-ngượng. Ánh không dám ngược mặt lên để chào ông, cứ cúi xuống đánh máy mà đánh trật hết. Còn ông Ngọc-Minh thì không nhúc-nhích, dờ cam như pho tượng gỗ. Ông lặng lẽ nhìn Ánh, nhìn làn tóc mượt dịu của cô, khuôn mặt trái xoan của cô đẹp hơn trước nhiều, nhưng vẫn hiền lành, thủy-mị như xưa... Ông nhận thấy Ánh tuy bây giờ là cô thư-ký trong một sở lớn, nhưng vẫn giản-dị, không thích lòe-loẹt khoe-khoan.

Ông khẽ gọi :

— Cô Ánh !

Ánh khẽ đáp :

— Dạ.

Ánh ngược mặt lên, càng e-lẹ. Nhưng sực nhớ rằng dù sao cô cũng phải lễ phép với ông Ngọc-Minh, Ánh liền đứng dậy :

— Thưa ông, hôm nay ông đến ký hợp-đồng in sách, có phải không ạ ?

— Vâng.

— Dạ xiu mời ông ngồi. Em đi gọi ông Quản-lý lên.

Ánh vừa bước ra khỏi bàn của cô, thì ông Ngọc-Minh khẽ bảo :

— Thông-thả cũng được, cô Ánh à. Tôi muốn hỏi Ánh vài câu chuyện riêng, nếu cô cho phép.

— Dạ.

— Nhà Ánh ở đâu ?

Ánh cúi mặt xuống, im lặng một lúc rồi bẽn lẽn hỏi :

— Thưa ông, ông hỏi để chi ạ ?

— Tôi muốn đến thăm Ánh

— Dạ thưa ông, nhà em ở trong ngõ hẻm xóm lao-dộng.

— Số nhà mấy ?

— Dạ nhà không có số.

— Tôi sẽ tìm đến được nếu cô vui lòng chỉ chỗ.

— Dạ, chắc là ông sẽ không tìm thấy.

— Tại sao ?

Ánh không đáp, đứng cúi mặt xuống bàn, tay mân-mê một tờ giấy.

Đối-diện với cô, ông Ngọc-Minh cũng im-lặng. Một lúc, Ánh lại nghe tiếng gọi dật-dàng của ông :

— Cô Ánh..

— Dạ.

Nhưng Thầy Tư quản-lý từ dưới xường máy vừa bước lên. Ông Ngọc-Minh quay lại.

Thầy Tư vui vẻ chào :

— Thưa ông, hợp-đồng chúng tôi làm xong rồi.

— Vâng. Tôi đến đặt tiền trước.

— Dạ, cảm ơn ông.

Ông Ngọc-Minh đến bàn Quản-lý, ký hợp-đồng với nhà in, và đặt trước 20.000\$. Cô Ánh đã đánh máy sẵn các giấy-tờ cần-thiết, trao qua Thầy Tư. Sau khi thỏa-thuận mọi điều-kiện về ăn-loát, ông Ngọc-Minh đứng dậy ra về. Trước mặt Thầy Tư, ông không còn tỏ vẻ thân-mật với Ánh nữa. Đi ngang qua bàn cô, ông lễ phép chào. Ánh cũng điềm-nhiên đáp lại.

Thầy Tư không nghi-ngờ một việc gì cả.

Ánh có cảm-tưởng như cô đang sống trong một tiểu-thuyết hào-hung mê-ly, mà có lẽ cô là một vai chính chăng ? Cô nhận xét rằng trên đời có hai hạng người. Một hạng sống thân-nhiên, không có gì xảy ra ngoài mức

bình-thường, theo một thông-lệ quen, của những tháng ngày phẳng-lặng, còn hạng người khác hình như sinh ra để đóng một vai trò trong tấn-kịch ly-kỳ của số kiếp. Đời của họ là một liên-tục các biến-cổ bất-ngờ, lúc đầu thấy như rời-rạc, không ăn nhập vào đâu cả, nhưng rồi cuộc lại chính là cả một liên-hệ tài-tình, sắp-xếp theo một bố-cục khéo-léo, chặt-chẽ, của Tiên-duyên.

Vâng, Ánh thuộc về hạng người này. Thông-minh và giàu tình-cảm, với một ít kinh-nghiệm chua-chát của tuổi xuân đầy oán-hận bi-thương, cô đã biết rằng sắc-đẹp thiên-nhiên của cô và hoàn-cảnh éo-le của cô hiện-tại là hai yếu-tố của một tấn kịch mà chính cô cũng chưa biết là sẽ có những tình-tiết như thế nào. Cô băn-khoăn không hiểu rồi đây cuộc tái-ngộ ngẫu-nhiên giữa cô và ông Ngọc-Minh sẽ đi đến đâu ? Tình yêu tha-thiết và âm-thầm của cô với Hoàng sẽ như thế nào ? Hoàng là người cô yêu, và cô đợi chờ, sao cô không gặp ? Mà người cô gặp lại không phải là người cô yêu.

Ánh thật không ngờ tuổi cô hãy còn thơ-dại, lòng cô còn trong trắng, mà cô đã gặp cảnh

trái ngược lạ-lùng như thế ! Thì ra tình yêu cũng rắc-rối thế ư ? Mà đây, có phải là tình-yêu không ? Có phải bởi số-kiếp của cô đau khổ, nên mỗi tình đầu cũng phải gặp cảnh trớ-trêu ? Lời tục thường nói "xa mặt xa lòng", Ánh cho rằng câu ấy chưa-chắc đúng. Chứng-cớ là Ánh xa Hoàng đã ba năm, không biết người bạn trai nghèo khổ kia hiện nay thất-lạc nơi nào, mà Ánh vẫn còn yêu Hoàng, vẫn nhớ Hoàng cho đến đời ông Ngọc-Minh tha-thiết với cô như thế mà lòng cô vẫn hờ-hững e-dè...

Ông Ngọc-Minh ngày nào cũng đến nhà-in để chữa mo-rát của quyền sách ông, và ngày nào ông cũng gặp Ánh. Một hôm, ở văn-phòng không có ai, ông khẽ bảo Ánh :

— Cô Ánh ạ, ngày mai Chúa-nhật, tôi muốn mời Ánh đến nhà tôi, dùng cơm trưa với tôi cho vui. Lần này tôi mong Ánh nhận lời.

Ông Ngọc-Minh nói «lần này» vì từ hôm gặp lại Ánh ở nhà-in, ông đã mời Ánh hai lần rồi, nhưng Ánh đều viện lý - do dè từ chối.

Có lẽ bây giờ, Ánh không dám

phụ lòng tốt của ông nữa. Nếu Ánh cứ từ chối, hóa ra Ánh làm cao với ông Giáo ư ? Đầu có phải phép lịch-sự như thế. Ông Ngọc-Minh quả là một người quân-tử, nhiều lễ-độ, nhân-tử, chân-thật. Ánh chẳng qua vì muốn giữ giá-trị của một thiếu-nữ nghèo khổ, tự xét mình không xứng-dáng là người bạn của ông, chứ Ánh đâu phải là một kẻ kiêu-căng, ồm-ò, vô lễ ! Ánh thành-thật cảm-động, và trong thâm-tâm có đôi phần hãnh-diện được ông Ngọc-Minh niềm-nết săn-sóc đến chút phận nghèo hèn. Ánh đáp :

— Dạ, thưa ông, em rất hân-hạnh được ông cho phép đến thăm ông tại nhà. Em xin vâng lời ông. Nhưng còn dùng cơm thì em không dám.

— Sao vậy, cô Ánh ? Cô ngại điều gì chẳng ?

Ánh bẽn lèn cười, thật khó trả lời.

10 giờ sáng chủ-nhật, Ánh đi ô-tô-buýt qua Thị-Nghè. Ánh đi bộ tìm đến nhà ông Ngọc-Minh.

(Còn nữa)



C.L. MAI

Ernest HEMINGWAY

**Nhà Văn danh-tiếng nhất của Mỹ,
Giải Nobel 1954**

Vừa mới tạ thế sáng Chủ-nhật 2.7.1961, thọ 62 tuổi.

SINH tại Oak Park (Illinois), gần Chicago, ngày 21-7-1899
con của Bác-sĩ Edmonds Hemingway và bà Grace Hale.

★ 14 tuổi, học hết bậc Trung-Học,

● 18 tuổi, viết báo STAR, Hemingway tập sự viết
văn từ đây.

Phóng-viên Chiến tranh tại Pháp, trong trận Đệ nhất Thế chiến
1917.

● Năm 1921 (22 tuổi) lấy vợ : cô Hadley
Richardson. Sang ở bên Pháp.

1927, ly-dị, cưới vợ khác : nữ ký-giả Pauline Pfeiffer của
báo Vogue .

1937 Phóng-viên chiến-tranh ở Espagne, gặp nữ ký giả Martha
Gellhorn của báo Colliers

1940, Ly-dị với Pauline, cưới Martha. Phóng-viên chiến-tranh
ở Trung Hoa

1944, Phóng viên chiến tranh ở Pháp (Đệ nhị Thế chiến)

1945 Sang London (Anh-Quốc) gặp nữ ký-giả Mary Welsh
của báo Time.

1946 Ly-dị với Martha, cưới Mary Welsh, người vợ thứ tư.
Hai vợ chồng về ở Cuba.

1954 Được giải thưởng Quốc tế Nobel về Văn-chương.

● Tiểu thuyết của Hemingway

Le soleil se lève aussi (Mặt trời cũng mọc) — L'Adieu aux
armes (Tân-biệt nhà-binh) — Les verts collines d'Afrique (Các gò
xanh của Phi Châu) — Les Neiges du Kilimandjaro (Tuyết trên
núi Kilimandjaro) — Pour qui sonne le glas (Tiếng chuông cuối cùng)
— Across the River and into the trees (Qua con sông và trong rừng
cây) Le vieil Homme et la Mer (Người thuyền chài già và Biển)

Phổ Thông số sau : Nhận xét về tác-phẩm của Hemingway, và
trích dịch.



★ Con Cuốc.Cuốc...

(Của Ô. Văn-Đức-Lân Hà-Trung, Thừa-Thiên)

Nhân đọc qua bài « Nhớ nước đau lòng con Đĩ Vũ » của ông Trọng Thân đăng ở Phổ Thông số 55. Chúng tôi thấy tác giả nêu nhiều tài liệu trong thi ca, trong tự-diễn để rồi kết luận rằng « Đĩ Quyên, Đĩ Vũ, con Quốc, con Cuốc, con Cút, đều là một » Như thế có phần sai lầm.

Theo chúng tôi đã được nhiều lần mục-kích thì :

CON QUYÊN : Có màu lông xanh xám hay đậu ở các cây lớn nhiều bóng mát. Nó không hót ban đêm như cụ Nguyễn Du tả trong truyện Kiều. Nó chỉ hót ban ngày và bất cứ mùa nào. Các cô thôn nữ, các bà thiếu phụ khi cầm chày giã gạo hay hò :

Chim Quyên ăn trái xoài xanh

Ăn no tắm mát đậu ngành nghĩ ngơi

CON CUỐC. Chúng tôi đồng ý rằng con Cuốc hay con Quốc là một vì theo thổ âm xứ Bắc gọi là con Quốc còn ở miền Trung thì gọi là Cuốc. Con Cuốc thường ăn đêm và đi đôi với nhau. Khi nào con cái đẻ và ấp thì con đực vừa ăn vừa kêu « quốc ! quốc ! quốc !... » mà người ta cho là nó lẻ bạn.

Cuốc lẻ đôi cuốc ngồi than khóc

Nhạn lạc bầy Nhạn hầy kêu sương

CON CÚT : Bất cứ mùa nào con chim Cút-cút cũng thường ở bụi bờ trong làng mạc, lông xám, chân thấp không đuôi to gần bằng nắm tay, Cút mẹ hay dắt từng bầy con đi kiếm ăn trong bụi rậm. Khó bắt được chim Cút, nó không bao giờ bay xa 10 mét.

Ngoài *Con Quyên* ăn xoài xanh, *con Cuốc* hay lẻ bạn than khóc, *con Cút* ở bụi bờ, chúng tôi lại còn thấy con : **CHUỐT-CHUỐT.** Con Chuốt Chuốt có tiếng kêu kỳ lạ như các ngư phủ rủ nhau đi đánh cá về đêm. Một tiếng hú dài vang lên tiếp theo là tiếng

« chót ! chót ! chót ! » nó hay ở dưới ruộng lúa và chỉ chạy chút ít khi bay.

Ài đã từng sống ở đồng quê chắc không quên được mùi thịt ram của chim Chuột Chuột.

Như đã trình bày ở trên, chúng tôi không đồng ý với ông Trọng Thân là tất cả các con vật trên đều là một. Thật ra con Quên con Cuốc, con Cút và con Chuột Chuột, mỗi giống có một đời sống khác nhau, hình dáng khác nhau, tiếng kêu cũng khác. Chúng ta không thể loại chung chúng nó vào một ông Tổ trong khi chúng nó không cùng chung nòi giống với nhau.

Mong ông vui lòng cho đăng bài này để rộng đường dư luận.

★ Câu đối truy-niệm Ông TÔN-THẮT-THUYẾT

(Của Ông Nguyễn-Tâm, Khu Công-Chánh Nha trang)

Hồi còn đi học, tôi nghe các Cụ nói câu đối truy-niệm Ông TÔN-thắt-Thuyết như sau :

«Thù nhưng bất cộng đái thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng-Quần,

«Hộ giá biệt tầm tinh địa, thiên niên tàn cốt ký Long-Châu.»

Tạm dịch : «Thù giặc không đội trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quần,

Phò Chúa riêng tìm côi thác, ngàn năm xương bạc gởi Long-Châu.»

Còn hai câu : Vạn cổ lưu danh nơi Tượng-Quần,

Thiên niên hài cốt ký Long-Châu.

đăng trong Phổ-Thông số 53, cuối bài «TẢ-xẹt lữ» của bạn Nguyễn-Tử-Quang, và hai câu :

Thù nhưng bất cộng đái thiên, vạn cổ danh phương lưu Tượng-Quần,

Phò chúa biệt từng lương địa, thiên thu hài cốt táng Long-Châu.»

đính-chính trong Phổ-Thông số 55 của bạn Nguyễn-Huân, theo thiếu ý, đều là những câu chấp nối của hai câu đối chính trên kia và có lẽ nào người Trung-Hoa hay chữ có tiếng ở Á-đông mà

đại tặng cho một bậc Đại Trung-Thần của một nước, hai câu đối
cụt ngắn và tầm thường như hai câu trên hoặc nửa chữ nửa
nôm như hai câu đối dưới.

★ NGHỆ-TĨNH và AN-TĨNH

(Của Ô, Võ-văn-Thành, giáo-viên, An-Minh-Thượng, Huế)

Trong Phổ-Thông số 57, ông Cao-văn-Sơn chỉ-trích những lỗi
lầm trong B. K. T. Đ., bảo rằng hai chữ *An-Tĩnh* gọi tắt hai tỉnh
Nghệ-An, Hà-Tĩnh là không đúng, mà thường gọi tắt là *Nghệ-Tĩnh*,
Vâng, hai chữ *Nghệ-Tĩnh* thật là thông-dụng trong dân-gian,
nhưng trong một vài quyển sách cũng gọi là *An-Tĩnh*...

★ Cụ Yên-đỗ thọ 76 tuổi

(của cụ Đạm-Nguyên, 1 rương-minh-Kỵ, Sài-gòn)

Tập-Chí Phổ-Thông số 58, trang 116, có yêu cầu tôi góp ý-
kiến về bài Di chúc của cụ Yên-Đỗ có câu «*Kém hai tuổi xuân đầy
chín chục*», và đồng thời nói rõ ngày sinh, ngày mất của Cụ; tôi
xin trân trọng trả lời:

1) Tôi chỉ là một người cháu nội Cụ Nguyễn-Khuyến,
(Người anh tôi mới là Đích Tôn), kính xin đính chính.

2) Cụ Nguyễn-Khuyến sinh ngày **15 Tháng giêng năm
1835**; mất ngày **15 Tháng giêng năm 1910**, trong khi từ
quan về nghỉ nhà tại làng Yên-Đỗ, tỉnh Hà-nam, (Bắc-phần).
Hưởng thọ **76 tuổi**;

3) Câu «Ngã niên cấp *bát bát*, ngã sở phùng *cửu cửu*» trong
bài thơ Trị mệnh (chữ Hán) của Cụ Nguyễn-Khuyến viết trong
lúc lâm chung, nay nếu chúng ta cho nghĩa là *Tám tám* và *Chín
chín*, như một ông bạn đã dịch lầm là «*Kém hai tuổi xuân đầy chín
chục*» là sai.

4) Chữ *Bát bát* và chữ *Cửu cửu* trên đây không phải là *Tám
tám* hay *Chín chín*, mà là tiếng expression như chữ «le rendez-
vous» trong Pháp ngữ vậy. Nếu ta vội cho chữ *vous* là tiếng
Pronom và *Rendez* là verbe mà dịch nghĩa là sai.

Hai chữ *Bát bát* trên đây, là *những vị bỏ lão* (đã đến tuổi lão
thành, từ 60 trở lên). Các vị này trong đời nhà Trần, đã được

Trần-thủ-Độ mời ra Đình trung soi nem, bàn việc làng, để quên việc nước, đó là thâm ý của Trần-thủ-Độ, nên gọi là Bô-lão. Cũng như trong thời Thực-Dân, ai có óc cách mạng sẽ được họ mời ra làm quan, như ông Nguyễn-bá-Trắc, được mời làm Tổng-Đốc Thanh-Hóa, chẳng hạn ;

Còn chữ *cửu cửu* là hào cửu-cửu ở quẻ Dịch, nói *lúc sắp lâm chung*. Hai chữ *Bát bát* trong Tăm-Nguyên Tục Bản đã nói rõ nghĩa là các vị lão-thành, hơn nữa, chúng tôi đã nói kỹ và dịch lại toàn bài trong cuốn *Tăm Nguyên Yên-Đô* (bia vàng có chữ Hán) do Cụ Tú Hoàng mới xuất bản hồi năm ngoái (1960). Nay chỉ xin trình bày sơ lược qua, mong được sự thông cảm của Quý vị độc-giả.

★ Một giấc mơ hoa.

● (Của Bạn Tôn-nữ Diễm-Tuyệt, Đại-học Văn-Khoa Sài-gòn).
.... Ông cho phép chúng em nói lời hai bạn Hồng và Anh Tuyết trong P. T. 59, hoan-ngênh «Một giấc mơ hoa». Chúng em nhận xét Nhật-ký của «cô Duyên-Hồng» còn hấp-dẫn hơn, và có lợi-ích về tâm-lý-học hơn tập «*Nhật-ký của Anne Frank*». Xin thú thật với ông rằng phần đông chúng em cũng có viết «*Nhật-ký*», «*Hồi-ký*», «*Lưu-bút*», vừa là để luyện tập Việt-văn, vừa để rèn luyện cho tư-tưởng, tập suy-nghĩ, nhận-xét, phê-bình những việc xảy ra chung quanh đời sống của mình. Nhưng, phần thì ít thì giờ, phần thì văn-chương và tư tưởng chưa được điều-luyện nên các tập «*Lưu bút*» của chúng em không xây-dựng nhiều. Riêng chúng em đang học hồi trong «*Một giấc mơ hoa*» được 3 điểm : 1) phân-tách về tâm-lý thiếu-nữ trong nhiều trường hợp thực tế. 2) rất hợp với tâm-hồn của đa số chúng em về phương diện nhận-xét tế-nhị, 3) Văn viết rất dễ dàng, lưu loát.
Theo ý-kiến thiện-cận của chúng em, «*Một giấc mơ hoa*» có thể thành một chuyện phim rất hay...

● (Của Bạn Trang, 21/1/19 Trần-quang-Khai, Tân-Định).
... Nhưng câu chuyện mà em thích nhất, đó là «*Một giấc mơ*»

hoa» của cô Duyên-Hồng, nhưng sao chị lại cho đăng ngắn thế hả chị ? Em tính ra thì 12 quyển tập 400 trang mà chị đăng thế thì ít nhất cũng là 10 năm nữa thì ô-hô ! biết em có còn đọc được mãi không ?

Em nói nhỏ cho chị nghe chị nhé ! Hay là chị cho em mượn tập nhật ký của cô Duyên Hồng nhé ? Em chỉ muốn xem trọn vẹn tập nhật ký của chị ấy vì em cảm thấy chuyện ấy rất hợp với tâm-hồn của em cũng như bất cứ tâm-hồn của những cô gái 16, 17, 18...v.v... Chị cho em mượn nghe chị ? Em xin hứa với chị là em sẽ không nói cho một ai biết đâu. Chớ câu chuyện ấy còn dài mà lỡ em có bị chuyện gì chết mất đi thì thật là khổ cho hồn em ở dưới địa ngục (xin lỗi chị nhé, em lại cứ đại mồm đại miệng mãi). Em hứa chắc với chị là em sẽ không làm rách 1 tờ nào đâu, chắc chị tin vào lời hứa của em — lời hứa của một người Hướng đạo — phải không chị ? Chị chịu em một tí chị nhé. Nếu chị bằng lòng thì em sẽ đến tận tòa soạn để lấy chứ không dám... (v.v.)

ĐÁP.— Rút tiếc, bạn ạ. Chính Duyên Hồng, tác-giả, không muốn cho ai mượn. Chúng tôi có rút bớt đăng độ 40 kỳ báo, không kéo dài đến 10 năm đâu ! Bạn thông cảm cho nhé. Thân ái.

ĐẤ TÁI BẢN

Những tác phẩm quý-giá của Nhà-Văn tiền chiến

NGÔ-TẮT-TỐ

VĂN-HỌC ĐỜI LÝ

VĂN-HỌC ĐỜI TRẦN

LÊU CHỐNG

ĐƯỜNG THI

TẮT ĐỀN

VUA TÂY CHÚA NGUYỄN

Nhà sách KHAI TRÍ

62, đại lộ Lê-Lợi, Saigon.

THO' LÊN RUỘT

★ ĐIỀU-HUYỀN

13 TUỔI

(Theo tin các báo vừa rồi có em bé 13 tuổi đòi mẹ cho em cưới người yêu). Mẹ không cho, em tự-tử, may nhờ người cứu khỏi chết.)

Bé mười-ba muốn chồng ?
Đòi nguyên-tử có khác !
Một chữ trinh... nhi-đồng,
Vội-vàng cho « khai-thác » ?
Đã vương giấy tờ-hồng,
Biết thêm-thuồng khao-khát
Chuyện tình-ái mặn-nồng
Chuyện động-phòng khuê-các ?
Hay là « Nữ thần-đồng »
Sớm thạo nghề khoái-lạc ?
Đã mèo-chuột dèo-bồng
Không đợi chờ tuổi-tác ?
Cha mẹ không bằng lòng,
Bé dỏ trò dọa nạt,
Dám đâm đầu xuống sông
Trôi theo giòng nước bạc ?
Mười-ba tuổi muốn chồng ?
Đòi ôi, đòi quái-ác !
Còn nhẹ dạ, non lòng
Trí khôn ù-cạc-cạc,
Nhơn, chia, trừ, chưa thông,
Học-hành còn ngờ-ngác,

Đã theo đòi bông-lồng
Thối lãng-nhăng trụy-lạc.
« Đột sóng mới » nghênh-ngông,
Lo đắm chìm thể-xác.
Cũng bắt chước mơ-mòng
Nhớ-nhung sầu man-mác,
Cũng hồi-hợp chờ mong,
« Tình yêu » đang rào-rạc...
Gặp nhau, lời « uớt-át »,
Ôm nhau kẻ san-sát,
Theo đào kép chính-tông
Đú-dồn trên màn bạc.
Rời về nhà tấn-công
Bà mẹ già kinh-ngạc :
« Má ơi, con lấy chồng ! »
Bà già ngồi ngờ-ngác !..

Mười-ba tuổi muốn chồng ?
Đòi ôi ! Đòi quái-ác !

Điều-Huyền



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ Ô. Nguyễn-vĩnh-Phùng, Qui-Nhơn

● Danh từ S.O.S. là Anh-ngữ viết tắt : *Save Our Souls*, nghĩa là : *Hãy cứu những linh-hồn của chúng tôi*. Điều tích của danh từ này là do chiếc tàu thủy *Titanic* của Anh (dài 271 thước) đang chạy trên Đại-tây-Dương bỗng chạm phải khối nước đá lớn ở phía Nam đảo Terre-Neuve ngày 14-4-1912, và bị chìm. Trong lúc kinh-hoảng, và tuyệt-vọng, không có cách nào tự cứu được, ban nhạc của tàu, và toàn thể thủy thủ và hành khách, đều đồng thanh hát lên một bài cầu cứu Chúa Trời, rất bí thảm. Trong bài ca ấy có câu cảm động nhất và ai-oán nhất cứ lặp đi lặp lại nhiều lần : *Save our souls !* (Hãy cứu những linh hồn của chúng tôi !)

Vài tiếng kêu cuối cùng « *Save our Souls !* » còn vang lên khi chiếc tàu bị chìm trọn vẹn. Trên 1500 người chết trong vụ đắm tàu ấy.

Hiệp-định Quốc tế vô-tuyến-điện nhóm ở Washington năm 1927 quyết định dùng danh-từ S.O.S. viết tắt lời cầu cứu của tàu *Titanic*, để làm tiếng kêu cứu nguy-cấp của những tàu bị nạn giữa biển, hoặc phi cơ bị nạn giữa trời. Dùng nghĩa rộng, S.O.S. có thể là tiếng kêu cứu của tất cả những gì bị lâm nguy, sẽ bị tiêu diệt nếu không cứu vớt kịp thời.

★ Bạn Hải-Lương, Khải-Định, Đà-nẵng

Bản thảo của bạn lâu ngày quá, đã đề lẫn lộn với các đồng bản thảo khác, tòa soạn chưa tìm ra được. Tòa soạn cũng rất tiếc là không có lệ trả lại bản thảo, vậy xin bạn thông cảm cho. Cảm ơn bạn.

★ **Bạn Dạ-ng-Quang, tư-thực Hàm-Long, Huố**

● Không phải cái hồ nào cũng là nước ngọt. Có những hồ nước mặn, vì xưa kia là những biển nhỏ ăn sâu vào nội địa rồi dần dần bị đất cát phủ lấp một phần, hoặc bị khô cạn một phần, như những cái hồ hiện đang còn : Hồ *Aral* (ở Nga) rộng đến 67.800 km², hồ *Baikal* (ở Đông-Nga) rộng 37.000 km², hồ *Balkacs* (Sibérie), rộng 18.000 km². v.v... Có những hồ nước mặn vì lớn gần như biển nên được gọi là biển, (nhưng sự thật là hồ), như *Caspienne* (Caucase) rộng đến 396.000 km².

● Đây là 7 kỳ-quan vũ-trụ :

1) **KIM-TỰ-THÁP** ở Egypte, (Tháp lớn nhất, của vua Cheops (đọc là : Kê-op-xơ), xây đắp tại Giseh, 2800 năm trước J.C. Tháp này cao 138 mét. Cả xứ Egypte có gần đến 80 Kim-tự-tháp của các Vua chúa khác. Kim-tự-tháp chính là những lăng-tâm của các Vua Egypte (Pharaons).

2) **VƯỜN TREO** của Sémiramis, ở Babylone (Assyrie — Trung Đông) Sémiramis là Hoàng-hậu xứ Babylonie, theo truyền-ký hồi xưa là con một người phàm-trần và một nàng Tiên, thời thượng-cổ. Nàng có xây một khu vườn rất đẹp, treo cao ngang với tầng lầu của nàng ở, do nhiều cột chống đỡ ở phía dưới và có nhiều cầu thang bằng đá xây từ dưới đất lên đến vườn. Trên vườn có trồng nhiều cây hoa lạ.

3) **MẢ CỦA VUA MAUSOLE**, ở thành Halicarnasse, xứ Tiểu-Á, gần Thổ-nhĩ-Kỳ. Mả này do vợ là Hoàng-hậu Artémise cất lên để thờ chồng, 352 năm trước J.C. Hiện nay không còn, vì bị quân Rhodes đập phá tan-nát từ hồi thế-kỷ X để lấy vật-dụng xây đắp thành-trị.

4) **HẢI ĐĂNG** của Hải-cảng Alexandrie (Egypte); do vua Ptolémée Philadelphie xây dựng, năm 285 trước J.C., trên cù-lao *Pharos*, trước hải-cảng Alexandrie (do đó, có chữ Pháp *Phare* là hải-đăng). Hải-đăng này xây toàn bằng cẩm-thạch trắng. Nhiều lần động-đất bị lung-lay, đến năm 1302 thì sụp-đổ.

5) **ĐỀN THỜ ARTEMIS**, ở Ephèse (Hylap). Artémis là một vị Nữ-thần của phụ-nữ, nhất là của các cô gái còn trinh-tiết. Tượng lỏa-thê, một tay cầm ná, một tay cầm mũi tên, tra sẵn-bắn.

6) **TƯỢNG KHÔNG LỖ**, trên cù-lao Rhodes (Hylap). Tượng đúc bằng đồng đỏ, để thờ Thần Mặt-trời, hình người cao-lớn (cao 31 mét) trên đầu có một vòng « tia sáng » tượng-trưng

mặt-trời. Đức tượng này phải mất 12 năm mới xong, (từ 292 đến 280 trước J.C.). Năm 223 trước J.C., có động-đất, tượng bị đổ. Trên đảo Rhodes có 100 pho tượng Mặt-trời, nhưng « pho-tượng khổng-lồ » này cao hơn cả.

7) TƯỢNG THẦN ZEUS trên đỉnh núi Olympie (Hy-lạp) Zeus, của thần thoại Hy-lạp, cũng như Ngọc-Hoàng Thượng-đế của Thần-thoại Tàu, là vị Thần chúa-tể của tất cả các vị Thần, và chúa tể cả vũ-trụ. Ông có không biết bao nhiêu vợ mà kể, và vô số con trai con gái, tức là các Nữ-Thần, Nam Thần, Kim-đồng, Ngọc-nữ, v.v... Khắp nước cổ Hy-lạp đều thờ Ngọc-Hoàng Thượng-đế Zeus, và các đền thờ đều ở trên các đỉnh núi. Tượng Zeus trên núi Olympie là đẹp hơn cả.

Bảy « thẳng cánh » trên đây được gọi là « Kỳ quan thế giới », là theo nhận xét của người Hy-lạp thời thượng-cổ, và đã được mô tả trong quyển « *De septem Orbis Miraculis* » (luận về 7 kỳ-quan thế giới) của một nhà văn Hy-lạp, tên là PHILON ở BYZANCE, thế kỷ III trước T.C.

★ Ô. Võ-thái-Bình, 20/4 Long-thanh, Vĩnh-long

● Kob là một loại nai ở Phi-châu, thường ở các bưng có rừng rậm và đầm lác. Có hai sừng hình bán-nguyệt.

● Trương-Tửu là Nguyễn-bách-Khoa.

● « *Le pape des fous* » trong « *Note Dame de Paris* », có nghĩa là « ông trùm của bọn điên ».

● Don Juan là một nhân vật tưởng tượng xuất xứ từ trong các truyền kỳ Espagnols, rồi dần dần nhập tịch vào văn học Ý, Pháp, Đức, Anh. Nhiều tác giả thế giới đã mượn nhân-vật Don Juan làm đề tài cho các vở tuồng hài kịch, như Antonio de Zamora (Espagne) Goldoni (Ý) Gluck (Ý) Molière (Pháp,) Sadwell (Anh, Scheible (Đức), v.v... Nhiều lắm. Danh từ Don-Juan đã thành ra thông dụng nhất thế giới. Hiện nay, ở Việt-Nam cũng đã dùng danh từ Don Juan (đọc là : Đông-Joăng) để chỉ người nào đẹp trai, hào hoa phong nhã, và chuyên môn quyến-rũ đàn-bà con gái, bất cứ gái vị thành-niên hay đàn-bà đã có chồng, hề dụ-dỗ được là cứ dụ-dỗ không bao giờ hối-hận, ăn-năn về tội quyến-rũ của mình.

★ Ô. Quyển, 29/1 Ấp 9, Gia-Định.

Trong các tự-diên Tàu cũng nói : hà là sông nhỏ.

Nhưng xin nhớ rằng hồi xưa không có khoa địa-dư, không ai đo sông, cho nên không phân-biệt được một cách chắc chắn thực-tế, trong toàn lãnh thổ một xứ con sông nào dài hơn con sông nào, và dài mấy trăm mấy ngàn thước.

Họ chỉ so-sánh những con sông Địa-phương mà thôi. Như ở tỉnh Thừa-thiên, sông Hương lớn hơn cả, thì họ gọi là Hương Giang, ở các tỉnh khác cũng thế, như : Linh-Giang, Trà-Giang, Đà-Giang, Hát-Giang, v.v...

Riêng sông Nhị-Hà, hoặc Hồng-Hà, là chỉ riêng một đoạn sông chảy qua thành Thăng-Long, nước đổ và chia làm 2 nhánh, nên gọi là Nhị-Hà, hoặc Hồng-Hà, v.v... Danh-từ *Giang* và *Hà* của các nhà Nho xưa đặt ra để phân-biệt các sông suối từng địa-phương, chứ không căn cứ trên sự phân biệt lớn nhỏ của các con sông trong toàn quốc.

★ **Bạn Văn-Đại-Hạp, 51 Phan-thanh-Giảng Vĩnh Long.**

Viết văn cần phải đề dấu. Mỗi dấu chấm, phết, ngoặc, v.v... đều có tác-dụng cần thiết. Một số người hiện nay làm thơ hay viết văn xuôi, bỏ hết các dấu. Họ cho như thế là « văn mới ».

Sự thực, họ chỉ bắt chước lối viết của một số nhà Thơ Pháp hiện nay, nhưng họ quên rằng câu thơ Pháp có thể bỏ dấu, đọc vẫn hiểu rõ nghĩa, không như câu thơ Việt bỏ dấu là bất thành cú.

★ **Cô Lê-thị-Hoa, Yên-Đỗ Saigon**

Ty-trưởng có thể đề thư rơi ấy trong hồ-sơ của đương-sự, hoặc họ cũng có thể thủ-tiêu, tùy họ có tử-tế hay không. Không có thủ-tục hành-chánh nào trong trường-hợp ấy cả.

★ **Ô. Lê-phước-Sang, Nha-Trang**

● Theo đúng các tài-liệu khảo-cổ của các nhà bác-học căn-cứ trên các kinh-sách Pali và Sanscrit, không thể nào sai được, thì Đức Phật ÇAKYA MUNI nhập niết bàn trong rừng cây Sál, ta đọc là Sala (Sala là tên cây, chứ không phải tên đất), ở vùng Kusinara, nay gọi là Kusinagara.

● Chúa JESUS CHRIST. Giáng-sinh vào lúc nửa đêm 24-12 năm 749 tính theo lịch La-Mã (749 năm từ ngày thành lập La-Mã).

Ngày 1 tháng 1 là ngày đầu năm, không có liên-quan gì đến ngày Sinh nhật của Jésus Christ, vì ngày 1 tháng 1 là do NUMA POMPILIUS, Vua thứ hai của La-Mã đặt ra, rồi các đời sau cứ

giữ y-nguyên ngày ấy. Trước vua Numa Pompilius, người Tây-Phương không có lịch. Cứ theo người La-Mã, vì La-Mã văn-minh trước nhất (cũng như Tàu văn-minh trước nhất ở Đông-Phương), thì họ căn-cứ trên năm thành lập thành phố Rôma là năm 1. Đời vua thứ nhất của Rôma là ROMULU (do tên *Romulus* mà có chữ *Roma*) cũng chưa có lịch. Đời vua thứ nhì, là NUMA POMPILIUS, mới bắt đầu làm lịch, và đặt ra ngày 1. tháng 1, năm 1, là ngày đầu tiên thành-lập kinh-thành Rôma.

Về sau, các dân tộc theo đạo Gia-tô lấy năm Jêsus Christ giáng sinh làm năm 1. Nhưng họ vẫn giữ nguyên ngày 1 tháng 1 như cũ để cho hợp với thời-tiết.

Tóm lại cho dễ hiểu : Chúa JÊSUS CHRIST giáng-sinh đêm 24 tháng 12 năm 749, lịch La-Mã. Sang ngày 1 tháng 1 năm 750 (lịch La-Mã), người ta đổi lại thành ngày 1 tháng 1 năm 1 SAU J. C. (nghĩa là sau ngày J. C. giáng-sinh).

● Về chính-trị, người ta thường nói ; theo phe tả, phe hữu, tả phái, hữu phái v.v... là nói phe Cộng-sản (tả), và phe quốc gia (hữu). Nguyên do là theo danh từ *gauche* và *droite* của Pháp. Trong Quốc hội của Pháp, những nghị-sĩ thuộc phe Cộng-sản thường quen lệ ngồi phía tả của chủ-tịch Quốc-hội, những nghị-sĩ thuộc về phe Quốc gia, các đảng chống lại Cộng-sản, cũng quen lệ ngồi bên hữu của chủ tịch. Các nhà chính trị Việt-Nam chịu ảnh hưởng của tổ chức chính trị Pháp, cũng bắt chước gọi *Tả phái* (Cộng-sản) Hữu phái (đối lập với Cộng-sản).

★ **Bạn Võ-công-Phước, Lâm-an, Nha-Lâm!**

Có nhiều cây sống rất lâu :

● Cây BỒ-ĐỀ, ở Ấn-độ, cách thành phố Patna 10 kms ở phía Nam, mà đức Phật Thích-ca ngồi tham thiền nơi gốc, 500 năm trước J.C., Hiện nay cây Bồ-đề ấy vẫn còn sống, nghĩa là đã sống trên 2.500 năm.

● Cây TRẮC BÁ (cypres) ở Chapultepec (Mexico Bắc Mỹ) đã sống trên 6000 năm (sáu ngàn) hiện còn đang tươi tốt. Thân cây 35 mét chu vi.

● Cây DÊ ở Montagny (Normandie, Pháp) đã sống được 900 tuổi (theo sách *Les Vieux arbres de Normandie* của Gateau de Ker-ville). Cao 18 mét.

● Cây THỦY TÙNG (If) ở Edron trong rừng Chéfdon, (Anh quốc) đã sống được 3000 năm (ba ngàn).

● Cây TRẮC BÀ ở Somma, gần thành phố Naples, và ở chun núi lửa Vésube (Ý) đã được trồng cùng một năm với Chúa JESUS-CHRIST giáng sinh, đến nay vẫn còn sống khỏe mạnh, nghĩa là 1961 năm.

● Cây TRẮC-BÀ ở Atlisco, gần Puebla (Mexico) đã sống gần 6.000 năm (sáu ngàn). Nơi thân cây, 40 mét chu-vi, có nứt ra một cái bông mà 10 người hay 12 người cỡi ngựa vào đứng đụt mưa được.

● Cây ĐA nơi công đền thờ vua An-dương-Vương, ở làng Cồ-Loa, huyện Đông An, tỉnh Phúc-Yên, Bắc-Việt, đã có từ hồi vua An-dương Vương, xây Loa Thành, 255 năm trước J. C., nghĩa là đến nay đã sống được 2156 năm. Cây Đa này mọc gần cái giếng mà Trọng-Thủy đã tự-tử sau khi chôn xác My-Châu. Giếng ấy nay vẫn còn, và thân cây Đa đã nứt ra làm hai góc, dân làng xây chỗ nứt ấy thành một cái cổng lớn từ ngoài vào sân đền.

V.V... và V,V...

✱ Ô. Nguyễn Trương, Hiệu-trưởng trường Minh-Tân, Nha-Trang

Chuyện Nguyễn Ánh chạy trốn bị quân Tây-Son đuổi bắt, phải chạy vào chùa ẩn trốn, là một dã-sử, do các cụ xưa truyền lại, không thấy có trong sách sử nào. Vì vậy không được biết rõ thời gian, và Nhân-danh, Địa-danh. Đa số những chuyện hay lạ trong lịch-sử ta hồi xưa đều là dã sử, mấy ông quan viết sử ít khi ghi chép lại, hoặc có nhắc đến thì rất sơ-sài. Chúng tôi đọc sự tích đó trong một quyển sách cũ của người Pháp, xuất bản năm 1887, mà tác giả cũng nói là do mấy ông già xưa ở Saigon kể lại !

★ Em Trương trọng Trái, Nhạn-đà

Em ở trong gia đình Phật-tử, em nên hỏi những thắc mắc ấy nơi anh huynh trưởng của G.Đ.P.T.

★ Cô Đoàn kim Dung, Gia-định

● Thần kinh là Đế đô, kinh-đô, nơi Vua đóng đô. « Cô gái đất Thần kinh » là cô gái Huế, nơi đế đô thuở trước.

★ **Bạn Thái duy Long, Phan đình Phùng — Sài Gòn**

● Vợ của nhà văn Nhất-Linh không phải là con gái của Phạm Quỳnh.

● Những nhà văn mà bạn kể tên đó, hiện đang ở miền Bắc.

★ **Ô. Nguyễn khắc Chung, KBC. 4059**

Tap chí Phật-học *La Pensée Bouddhique*, ở 62 Bis, rue Lhomond, Paris Vè

Giám đốc : Mlle G. Constant Lounsberry

Hội « *Les Amis du Bouddhisme* » cũng ở địa chỉ trên.

★ **Bà Lý thị Phu — Tân châu**

Đứa con ngỗ nghịch của Bà, mới có 12 tuổi mà đã chửi cha mắng mẹ, gia đình không trị nổi, thì Bà nên gởi nó đến một trại giáo hóa. Bà viết thư đến ông tỉnh trưởng Gia định.

★ **Bạn vô danh ở Định-Tường**

● Chuyện ông Tơ bà Nguyệt là một chuyện *thần thoại* Tàu, chứ không phải là chuyện lịch sử, không phải xảy ra ở thời nhà Đường.

● *Nhũ danh* là tên đặt khi mới đẻ, bất luận trai hay gái. Đàn ông cũng có nhũ danh, không riêng gì đàn bà.

Thí dụ lúc mới sinh, cha mẹ đặt tên là *Nguyễn văn Bảy*, lớn lên sửa lại là *Nguyễn văn Xuân*, thì *Nguyễn văn Bảy* là *nhũ danh* của *Nguyễn văn Xuân*. *Hồng-Nhật* là *nhũ-danh* của Vua *Tự-Đức*.

★ **Cô Lương thị Cầu, đường Thống-Nhất Saigon**

Chiếc tàu HOPE, do Health Opportunity for People Everywhere, của tổ chức People to People Health Foundation.

★ **Ô! Nguyễn đăng Quỳnh — Huế**

10 triệu, gọi là	Kinh (dix millions)	10.000.000
100 » »	Cái (cent —	100.000.000
1000 » »	Tỷ (milliard) —	1000.000.000
10 ngàn triệu »	Nhượng (dix milliards)	10.000.000.000
100 » » »	Câu (cent milliards)	100.000.000.000
1000 » » »	Giấn (trillion) —	1.000.000.000.000
10.000 » » »	Chính (dix trillions)	10.000.000.000.000
100.000 » » »	Cải (cent trillions)	100.000.000.000.000

★ **Ô. Lê văn Thịnh — Dalat**

Ông nên đến nhờ khám bệnh tại trụ sở hội Bài Lao Saigon, có lẽ có nhiều thuốc mới hiệu nghiệm hơn.

★ **Ô. Trần chí Thanh — Phan Thiết**

Thủ tướng Pháp ký hiệp-định Genève năm 1954 với Việt-minh là Pierre MENDES-FRANCE.

● **Ô Võ văn Thành, giáo viên Ninh thượng Huế**

Certificat d'Études Primaires Franco Indigènes hồi ban sơ, 1910, ở Trung-Việt gọi là bằng Sơ học, mấy năm sau các trường « Ecoles franco indigènes » ở tỉnh đổi tên là « Ecoles de plein exercice » mới gọi là TIỂU HỌC, và *collèges primaires Supérieurs* gọi là CAO ĐẲNG TIỂU HỌC.

Còn bằng « *Certificat d'Études élémentaires* » gọi là bằng « SƠ-HỌC YẾU-LUỘC ». Trong « *Tuần chàng trai nước Việt* » tôi đang nói về thời kỳ 1900 - 1915.

★ Các bạn Nguyễn - văn - Hiền, 2/2 hẻm 2-A Mạc - đĩnh - Chi, Phong Dinh,

ĐÌNH-ÁI, Cư xá Đô-Thành, HỒ THỊ NGỌC, bệnh viện Hùng-Vương, LÊ TRẦN AI, Ba xuyên, TUYẾT-NGA, Đ. H. Văn-khoa. Xin thành thật cảm ơn thư. Rất tiếc không có ảnh tặng các bạn. Mong thông cảm.

Xin cảm ơn hai bài thơ của bạn MẠNH TRAI, tòa Sờ thăm Quảng-nam, và của bạn Chuần Ủy Trần như Huỳnh, kbc 3056.

● **Các bạn gửi bài**

Chúng tôi đã nhận đủ các bài của quý bạn (98 bài thơ, 16 chuyện ngắn). Chúng tôi đang xem. Đăng được hay không xin quý bạn miễn cho việc trả lời thư riêng. Xin đa tạ. Chào văn-nghe.

● **Cô Nguyễn thị Bửu Khanh — Hà Tiên**

Xin cho biết địa chỉ rõ ràng. Cảm ơn cô.

**TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ
DƯƠNG - LỊCH**

★ **Ông Đặng Vĩnh Mai — Nha-trang**

Ngày 13-10-1939 là ngày mồng 1 tháng 9 âm lịch năm Kỷ Mẹo. tháng Giáp Tuất. ngày Quý Vi

★ **Bạn Mộng-Hoàng-Hoa.**

Ngày 23 thạp Chạp Âm-lịch năm Bính Tý nhằm ngày thứ năm 4-2-1936.

★ **Bạn Nguyễn Khắc Kính — Kbc 4.790**

— Ngày 18 tháng 2 âm lịch năm Canh Ngọ là ngày Thứ Ba 17-3-1930.

Ngày 25-19-1946 là ngày mồng 3 tháng Chạp âm lịch năm Bình Tuất, tháng Tân Sửu, ngày Quý Dậu.

● **Cò Dương thị Hiền — đường Yersin — Nha trang**

Ngày mồng 2 tháng 3 âm lịch năm Tân Mẹo là ngày Thứ Bảy 7-4-1951

● **Bạn Hoàng Mai — Diên Điền**

— Ngày 29-7 âm lịch năm Mậu Dần = Mercredi 24-8-1938

— Ngày 1-11 ————— — Kỷ Mẹo = Dimanche 11-12-1939

★ **Một bạn đọc ở Huế**

Ngày 1-1-1942 nhằm ngày 15 tháng 11 năm Tân Tỵ, tháng Giáp Tuất, ngày Giáp Dần.

★ **Em Hoàng văn Tâm — Bình Tuy**

Ngày 13-3 âm lịch Tân Tỵ, tháng Nhâm Thìn, ngày Đinh Hợi nhằm ngày Thứ Tư 9-4-1941 DL.

★ **Bạn Thanh-châu Nhatrang**

— Ngày 21-11-1944 là ngày mồng 6 tháng 10 âm-lịch năm Giáp-Thân, tháng Ất-Hợi, ngày Kỷ-Sửu.

— Ngày 25-6-1942 là ngày 12 tháng 5 âm-lịch năm Nhâm Ngủ, tháng Canh Tuất, ngày Đinh Vị,

— Ngày 26-7-1949 là ngày mồng 1 tháng 7 âm lịch năm và tháng Nhâm Thân, ngày Đinh Tỵ.

★ **Ông Nguyễn văn Nở — Bến Hàm Tử — Saigon**

Ngày 4 tháng chạp âm lịch năm Canh Thìn (1941) là ngày Kỷ-Dậu, tháng Kỷ-Sửu.

★ **Ông Huỳnh Ngọc Tập — Giáo Viên — Tam Kỳ**

— Ngày 16 tháng 8 âm lịch năm Đinh Vị là ngày Thứ hai 23-9-1907.

Ngày 6-6-1937 là ngày 28 tháng 4 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Ất Tỵ, ngày Giáp Tý.

★ **Một bạn đọc ở Nhatrang**

Ngày mồng 5 tháng Giêng âm lịch năm Bính Dần là ngày Thứ
Tu 17-2-1926.

★ **Một bạn đọc ở Đà Nẵng**

- Ngày 20-6 âm lịch năm Ất Tỵ = Lundi 22-7-1905
- Ngày 18-1 — — — Mậu Thân = Mercredi 19-2-1908
- Ngày 9-5 — — — Đinh Mão = Mercredi 8-6-1927
- Ngày 4-11 — — — Mậu Thìn = Samedi 15-12-1928
- — — 17-12 — — — Kỷ Tỵ = Jeudi 16-1-1930
- — — 5-3 — — — Tân Mùi = Mercredi 22-4-1931

Hỷ-tín

Chúng tôi có nhận được hồng thiệp của Ông bà Thiếu-tá Ung Cán, báo tin lễ thành-hôn của út-nữ Công-Tăng Tôn-Nữ CẨM-THƯỢNG đẹp duyên cùng Trung-Úy Nguyễn-văn-DIỂM, sĩ quan Truyền-tin, con trai của ông bà Nguyễn-văn-Lư, 103 đường Minh-Mạng, Chợ-lớn. Hôn-lễ cử-hành tại Sài-gòn ngày 2-7-1961.

Chúng tôi xin thành-thật vui-mừng cùng Thiếu-tá Ung-Cán, (Thi-sĩ Lệ-Thủy), và quý Phu-nhân, và thân-mến chúc đôi tân-hôn được muôn vàn hạnh-phúc.

NGUYỄN-VỸ

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ, SAIGON

Điện thoại : 23.187

PHẠM - VĂN - LẠNG

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản — SAIGON

~~C~~^{HÌNH}~~NGỌC HÂN~~ công chúa đã âm-sát

~~Bằng~~ ~~thước~~ ~~độc~~ ~~?~~ QUANG-TRUNG

~~M~~^{MỘT TÀI LIỆU HOÀN TOÀN BÍ-MẬT}
~~thưa~~ ~~at~~ ~~phải~~ ~~đặc~~
tăm xáo-trộn những sử-liệu từ
trước đến nay, về

~~C~~^Á QUANG ~~Ê~~ ~~TR~~ ~~ÔNG~~ ^M ~~Â~~ ~~HOÀNG~~ ^Ú ~~Đ~~ ~~Ê~~

Do một người trong giòng-họ của NGỌC-HÂN CÔNG-CHÚA viết ra theo gia-phả của Lê-Phái.

Sẽ đăng trong PHỒ-THÔNG số sau (62)